


Phật học TỪ QUANG

TẬP 51



Tỳ kheo Thích Đồng Bổn chủ biên
Trung tâm Phật học Chánh Trí

 NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Phật học
TỪ QUANG

Tập 51



**Tỳ kheo Thích Đồng Bốn chủ biên
Trung tâm Phật học Chánh Trí**

 **NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

Phật học TỪ QUANG

Tập 51

Tháng 1 năm 2025
(PL. 2568)

HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

TS. BS. Đỗ Hồng Ngọc
PGS. TS. Phạm Anh Dũng
PGS. TS. Trịnh Sâm
PGS. TS. Hoàng Thị Thơ
TS. Phạm Đức Thanh

Chủ biên

Tỳ kheo Thích Đồng Bản

Biên tập

TS. Phạm Văn Nga
Nhà báo Vu Gia
Cư sĩ Minh Ngọc

Sửa bản in

Cư sĩ Trí Tâm

Trình bày & Bìa

Khánh Chi

Bạn đọc có thể liên hệ với
Văn phòng "Tủ sách Phật học"

89 Bà Huyện Thanh Quan,
P. 7. Q. 3, TP. HCM



MỤC LỤC

1. ĐOẢN KHÚC THÀNH ĐẠO.....	4
<i>HT. Thích Thiện Đạo</i>	
2. THI HÓA TIỂU SỬ HT. THÍCH HIỂN TU (1921-2024)	7
<i>HT. Thích Giác Toàn</i>	
3. CON ĐƯỜNG AN LẠC.....	16
<i>Đỗ Hồng Ngọc</i>	
4. NGÃ HỮNG.....	25
<i>Nguyễn Bá Hoàn</i>	
5. NGHĨ VỀ XU HƯỚNG SỐNG TỐI GIẢN	26
<i>Vu Gia</i>	
6. KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ PHẬT GIÁO TỊNH ĐỘ	34
<i>AARON PROFFITT - Cao Huy Hóa dịch</i>	
7. NHỚ MÙA XUÂN CỦA TUỔI TRẺ THANH NIÊN PHẬT GIÁO	42
<i>Dương Kinh Thành</i>	
8. • TỨ DIỆU ĐẾ - LUÂN HỒI - TỨ NIỆM XỨ • TRẦN NHÂN TÔNG: ĐẠO - ĐỜI VIÊN DUNG	47
<i>Đình Văn Viễn</i>	
9. CÁC BÀI GIẢNG LIÊN QUAN ĐẾN THẾ GIỚI (Tiếp theo).....	48
<i>Hoang Phong</i>	
10. NỤ CƯỜI MÙA XUÂN	73
<i>Nguyễn Cần</i>	
11. GIỮA TRỜI XUÂN	81
<i>Ngô Nguyên Nghiễm</i>	
12. ĐỨC PHẬT GIÁO GIỚI VỀ PHÁP THẦN THÔNG	83
<i>Tuệ Ân (Tổng hợp)</i>	
13. • GIỌT NƯỚC CÀNH DƯƠNG • XUÂN TRÊN ĐỒI CỎ NON	89
<i>Người Sông Hậu</i>	
14. Ý NGHĨA TÂM LINH TRONG CÔI TRỜI ĐÀU SUẤT	92
<i>Trần Lê Đình Hiếu</i>	

15. • MÙA XUÂN EM ĐI LỄ CHÙA	
• LAN MAN KHOẢNH KHẮC GIAO THỪA.....	99
<i>Nguyễn An Bình</i>	
16. LỄ PHẬT ĐẦU NĂM	101
<i>Lâm Băng Phương</i>	
17. BỨC TRANH SƠN THỦY VŨ LẮNG NGHIÊM.....	102
<i>Lê Hải Đăng</i>	
18. CHƠN TÂM QUA LỜI ĐỨC PHẬT DẠY.....	107
<i>Minh Quang</i>	
19. MAI NÀY, TÔI BỎ QUÊ TÔI.....	116
<i>Tùy bút của Huỳnh Dũng</i>	
20. THƯƠNG NHỚ NHẠC SĨ GIÁC AN.....	124
<i>Hạnh Phương</i>	
21. KIM CANG KINH ĐIỂN NGÂM	127
<i>Phạm Văn Nga</i>	
22. CHÙA HÀ - CẦU TÌNH DUYÊN	130
<i>Đặng Xuân Xuyên</i>	
23. • LẮT PHẮT MƯA XUÂN	
• NHỮNG MÙA HOA VẠN THỌ.....	133
<i>Tôn Nữ Mỹ Hạnh</i>	
24. • VỀ VỚI THIÊN NHIÊN	
• MÙA XUÂN - NHỮNG GIẤY PHÚT TUYỆT VỜI.....	136
<i>Nguyễn Quốc Nam</i>	
25. VÀI NÉT VỀ THÁP DƯỢC SƯ CHÙA PHÚC LÂM - BIÊN HÒA.....	138
<i>Quần Anh</i>	
26. HAI ANH EM CÙNG LÀM SA MÔN	143
<i>Trí Minh Đặng Hùng Anh</i>	
27. MỘT SỐ GIẢI NGHĨ VỀ CỐI CỤC LẠC TỊNH ĐỘ	146
<i>Minh Ngọc (soạn)</i>	
28. MÙA XUÂN ĐÍCH THỰC.....	155
<i>Tuệ Quán</i>	
29. CỐI LÒNG BÌNH YÊN	159
<i>Trần Quê Hương</i>	
30. THÁNG MƯỜI HAI.....	181
<i>Chiêu Đê</i>	
31. THÔNG TIN TỪ QUANG 51.....	183

Đoàn Phật

THÀNH ĐẠO

Kỷ niệm lễ Phật Thành Đạo PL. 2561-2018

HT. Thích Thiện Đạo

1. Kính lạy Đức Thế Tôn!

Nhân loại chúng con đang thành kính hướng về Ngài với tất cả niềm tôn kính và tri ân vô hạn. Ánh sáng chánh pháp của Ngài đã giúp chúng con trở về đúng hướng, đã soi sáng tâm hồn chúng con trên mọi nẻo đường tăm tối khổ đau. Tình thương mà Ngài đã đánh thức trong chúng con thật cần thiết để giữ yên cho thế giới khỏi biến thành biển lửa chiến tranh thù hận.

2. Đức Phật Thành Đạo là một sự kiện vô cùng hy hữu trong lịch sử tư tưởng của nhân loại, đã khẳng định khả năng tối thượng của con người là có đủ năng lực giải thoát khổ đau, chứng đắc an lạc giải thoát, giải phóng con người thoát khỏi sự chi phối của thần quyền. Trong các sự thành công, chỉ có sự thành công bằng sức mạnh nội tâm là đáng ca tụng và cao thượng nhất.

Ta hãy lắng nghe người đương thời ca tụng nhận xét về Đức Phật: *“Ngài đã phá vỡ những gì bị che kín, đã dựng lại những gì đã bị xô ngã, đã soi sáng những gì bị hoen ố đen tối, đã phục hồi lại các giá trị đã bị tước đoạt”*.

3. Phật là tâm. Phật ở trong tâm. Phật là tính giác. Có tính giác tức có Phật. Tính giác có mặt khắp nơi, trong mọi chúng sanh, không trước không sau, không cao không thấp, không mới không cũ.

Tâm là điểm tựa của giác ngộ, không có tâm thì không có giác ngộ. Thế nên, ta phải biết điều tâm, luyện tâm, thì giác ngộ mới hiện lộ. Cổ nhân có dạy: *“Tìm Phật ngoài tâm, tìm Pháp trong sách vở, mãi mãi cách xa sự giác ngộ”*.

Tổ Huệ Năng dạy: *“Người có Nam Bắc chứ Phật tánh không có Bắc Nam”*.

4. Trong Kinh *Pháp Cú*, Đức Phật có dạy: *“Chính ta là tác giả của nghiệp và chính ta là người thừa kế sản phẩm của nghiệp”*.

Hãy dừng lại. Dừng rong ruổi tìm cầu nữa, chúng ta sẽ nhận diện được con người thật của chúng ta. Cửa báu không ở bên ngoài, mà ở ngay trong ngôi nhà tâm thức của chúng ta.

Đã đến lúc chúng ta phải trở về với chính mình. Dù có trôi lăn vạn nẻo luân hồi, hay hụp lặn trăm sông ngàn biển, chúng ta vẫn có thể vượt qua nếu chúng ta thật sự biết hồi đầu.

Đã đến lúc chúng ta phải dang tay đập vỡ cơ đồ sanh tử, phá vỡ bức tường thành kiên cố đã từng giam hãm chúng ta trong một bản ngã tẻ nhạt.

Đã đến lúc chúng ta phải mở toang cánh cửa tâm hồn để đón nhận ánh bình minh ấm áp trong lành, ngõ hầu biết thưởng thức vẻ đẹp của không gian tâm thức màu nhiệm, để đón nhận từng làn sóng tin yêu hy vọng.

5. Trong Kinh *Niết Bàn*, Đức Phật ân cần nhắc nhở:

- *“Thời kỳ Mạt pháp, tâm người không kiên cố, sự tu tập bị xao lãng, phạm hạnh không được coi trọng, tinh thần tối thượng của chánh pháp không được tán thán thực hành, như vậy có nghĩa là*

chánh pháp đang bị mai một, không được tỏa rạng trong cuộc sống, làm sao có thể an lạc chúng sanh được.

- *Này các Tỳ kheo, các thầy đã cạo bỏ râu tóc, nhưng chưa gột sạch các kiết sử phiền não đã bám chặt trong tâm thức của các Thầy từ vô lượng kiếp.*

- *Các Thầy đã phát tâm xuất gia, nhưng chưa phát tâm hướng lên giáo pháp Đại thừa, chưa chính thức bước vào ngôi nhà Đại thừa.*

- *Các Thầy đã từng thực hành hạnh khát thực, nhưng chưa từng khát cầu giáo pháp Đại thừa tối thượng. Các Thầy đã bị những truyền thống cạn cợt, những quan điểm lệch lạc ích kỷ làm mờ mắt trí của các Thầy. Chừng nào các Thầy còn đam mê bám víu vào nhu cầu lợi dưỡng, danh vọng, thì chừng đó các Thầy vẫn còn cách xa giáo pháp Đại thừa tối thượng, con đường thoát ly sanh tử”. ■*



THI HÓA

TIỂU SỬ HT. THÍCH HIỂN TU

(1921 - 2024)

HT. Thích Giác Toàn

I. XUẤT THÂN

Đại lão Hòa thượng Hiển Tu
Thế danh Nguyễn Tấn Hưng từ trăm năm
Một chín hai một Tuất Nhâm
Quê xã An Thủy, Ba Tri nhằm Bến Tre
Gia đình bốn anh chị em
Ngài là con thứ, tánh hiền thích tu
Cụ ông Nguyễn Văn Thời phúc ưu
Cụ bà Trần Thị Thất mẫu từ gia phong
Nhiều đời kính đạo nói dòng
Giàu lòng yêu nước tâm tông sử vàng.

II. QUÁ TRÌNH TU HỌC

Tuổi lên năm đã lữ làng
Mồ côi cha mẹ mơ màng chiêm bao
Được ngoại nuôi dưỡng đỡ đầu
Đến chùa lạy Phật tìm trao mối giềng
Phước Kiến, An Đức cội hiền
Hòa thượng Vĩnh Tấn gieo duyên giữ mầm

Nhiều đời Phật pháp nhập tâm
Thân cận Tam bảo, Ưu đàm thượng tăng
Năm lên tám tuổi vượt tăng
Đảnh lễ Hòa thượng nương thân cửa thiền
Pháp danh Thiện Duyên ấn truyền
Công phu tinh tấn chân nguyên thọ hành
Tiểu học tích dưỡng nhân sinh
Bốn sư hướng đến Tổ đình Bửu Sơn
Được Tổ Khánh Thông gieo ơn
Chỉ dạy đảnh lễ nhập môn trụ trì
Hòa thượng Vĩnh Huệ đương vi
Ban pháp hiệu Nhật Quang thì Hiến Tu
Lâm Tế Gia phổ công phu
Đời thứ bốn một (41) điều nhu tâm lành
Vốn xưa bản tánh thông minh
Cần mẫn tham học luật kinh chí thành
Quý Hòa thượng rất thương tình
Tổ Khánh Thông, Vĩnh Huệ, Vĩnh Đạt, Vĩnh Tôn giáo khuyến
Hòa thượng Vĩnh Pháp... dạy truyền
Năm một chín ba bảy (1937) thắng duyên tích hành
Sa di giới pháp tinh anh
Qua năm bốn một (1941) hóa thành Tỳ kheo
Tổ Khánh Thông, Tổ Khánh Hòa
Khai kỳ truyền giới thặng hoa nổi giòng
Sứ giả Như Lai tông phong
Hòa thượng Vĩnh Huệ khai thông pháp màu:
Nhật xuất ư không trung
Quang minh tận vô cùng
Hiển hành chơn chánh đạo
Tu liễu ngộ viên dung

Từ bốn một đến bốn lăm
Thọ học Phật pháp dưỡng tâm vô ưu
 Ứng phú đạo tràng công phu
Hòa thượng Vĩnh Pháp truyền lưu nhập thân
 Khi Tổ khai sơn hóa thân
Chư Tổ nối tiếp ứng phần độ sanh
 Thế hệ thứ hai hiện hành
Vĩnh Tấn, Vĩnh Huệ, long lanh Đạt – Tôn
 Thế hệ thứ ba truyền tông
Giác – Tu – Pháp – Tánh – Ngộ... dòng hoằng dương
 Lập ban Trưởng tử khi phương
Hiển Tu Hiển Giác, nối đường thanh quy
 Tổ đình Bửu Sơn duy trì
Chấn chỉnh tín hạnh lưu ly cửa thiền
 Từ sơ tâm đến châu viên
Xuất trần chí nguyện hoằng tuyên một lòng
 Giới đức, tâm đức xuôi dòng
Quê hương dân tộc tông phong thấm nhuần
 Báo thân, hóa thân, pháp thân
“Trương ưng hạnh giải” nối phần luân lưu

III. QUÁ TRÌNH HÀNH ĐẠO

①

Nước nhà gặp thuở khổ ưu
Tuổi xuân tròn nụ đắng thù giúp dân
 Pháp - Tánh - Giác - Ngộ tương lân
Gánh vác Phật sự quên thân phụng thờ
 Bốn lăm (1945) bốn chín (1949) ngậm ngùi
Pháp thuộc gây khổ, đứng ngồi loạn lý
 Bến Tre cam phận Nam Kỳ
Đồng bào dân tộc ai bi khắp cùng

Chư sơn thiên đức thủy chung
“Tùy duyên bất biến” ung dung hộ đời
Bồ tát hạnh khắp nơi nơi...
Tham gia Mặt trận – một thời Việt Minh
Chiến khu Thanh Phú hữu tình
Liên kết Sông Bé tương sinh khóc cười!
Đạo đời một dạ mười mười
Vì dân vì nước nhẫn thời vượt qua
Chấn hưng Phật giáo chan hòa
Thoát cơn gian khổ mới là thương dân
Một chín năm một (1951) ẩn thân,
Phó Trụ trì chùa Khánh Vân quê nghèo
Hai năm sau dòng đời theo
Chùa Toàn Phước thọ bọ bèo Tổ thắng
Thiên liêng Hòa thượng nhận phần
Trụ trì sứ mạng truyền nhân Tăng già
Phật giáo – Dân tộc – mẫn mà
“Nhu Lai sứ giả” cùng là an cư
Thập niên sáu mươi thiên thư
Sài Gòn – Pháp Hội tu tư nhựt cầu

②

Phật đường Nam Việt nhiệm mầu
Nhị vị Tôn đức truyền trao hương thiền
Thiện Hòa – Thiện Hoa thắng duyên
Tăng già hội tụ khắp miền xiển dương
Kiết đông ba tháng kiết tường
“Nhu Lai sứ giả” tỏa hương thanh bình
Sóc Trăng Vạn Đức hoàng kinh
Ba năm hiển hóa tâm linh đức hiền
Mẫn trụ trì, nói phúc tuyên

Đặc trách Tăng sự khắp miền thành đô
Sài Gòn – Gia Định nam mô
Mười năm tròn nụ sư đồ hồi quê
Thắng Quang, Ba Tri, Bến Tre
An Ninh Nội Chính hội thể dân quân
Thời duyên đời đạo tinh thần
Các Hòa thượng gánh song phần nước non
Tăng Ni Phật tử tông môn
Thỉnh Hòa thượng trụ Bửu Sơn Tổ đình
Đời thứ ba rất hữu tình
Phật học Nam Việt cung nghinh Ngài về
Chùa Xá Lợi, phó Bồ Đề
Nam Kỳ lãnh đạo khí hệ xiển dương
Một chín sáu ba (1963) nhiều nhưong
Hòa bình, bất động... an khương tự tề
Hòa thượng già biệt hồi quê
Đặc ủy Tăng sự Bến Tre một thời
Sáu bốn (1964), Sáu tám (1968) xinh tươi
Phó Ban Đại diện một thời đoàn viên
Phật giáo thống nhất cung tuyên
Hòa bình, Độc lập khắp miền Ba Tri
Sáu sáu, sáu tám, bảy lăm
Chánh Đại diện Lục Hòa tăng Kiến Hòa
Khai sơn Tu viện Thích Ca
Trụ trì An Đức chan hòa đồng môn
Tăng già Nam Việt huyền tông
Đông – Tây Nam bộ xuôi dòng kệ kinh
Lại thêm gánh nặng dân tình
Cách mạng yêu nước nhân sinh Ta Bà

③

Một chín bảy tám (1978) ba ba
Phật học Xá Lợi hằng sa chơn truyền
Trụ vương gia pháp thắng duyên
Trì Như Lai tạng đạo hiền xưa sau
Gian nan thử thách sá nào!
Vui gánh – gánh nặng tâm giao mật dào
Sài Gòn – Quận Ba dạt dào
Khử lai vô tận đức trao vô vàn
Rằng đây thiêng liêng đạo tràng
Thiện tri thức hội cru mang hưng thời
Phật học Nam Việt mỉm cười
Sử vàng nung nấu hộ đời giúp dân
Hòa bình – Độc lập cân phân
Tổ quốc an thịnh vững phân ngoài trong
Một chín tám mốt (1981) hưng long
Thống nhất Phật giáo chín Rồng xiển dương
Một chín tám lăm (1985) lạc thường
Thiện Hòa Hòa thượng cát tường tọa ngôi
Phật giáo thành phố người người
An cư kiết hạ quán hồi tịnh thanh
Hòa thượng hóa chủ thiên sanh
Hộ độ Tăng chúng phúc lành thiên gia
Trung ương Nghi lễ trú tòa
Trụ trì Xá Lợi hằng sa hương thiên
Một chín chín bảy (1997) cung tuyên
Tiền nhiệm Viện chủ thắng miền Tây phương
Hòa thượng kiêm nhiệm soi đường
Trụ trì – Viện chủ an khương trong ngoài
Đại hội VII – VIII thuyên khai
Ủy viên thường trực thỉnh Ngài chứng minh

*Trung ương – thành phố đạo tình
 Nghi lễ phó trực đệ huynh góp phần
 Hai không không tám (2008) thiên chân
 Bửu Sơn, An Thủy quả nhân thỉnh Ngài
 Kiêm nhiệm Viện chủ khứ lai
 Thọ lãnh chứng giám đến ngày quy tiên
 Đến Đại hội VII, ... tụ duyên
 Phó Thư ký Chứng minh hiền Trung Ương
 Hai không mười lăm (2015) an khương
 Tuổi đời chín bốn (1921 - 2015) xin nhường nhiệm gia
 Trụ trì Bát nhã ba la
 Thích Đồng Bổn phó, ma ha nói truyền
 Thích Phước Triều cũng thọ huyền
 Chăm lo Phật sự tín nguyên thậm thâm*

④

CHỨNG TRUYỀN GIỚI PHÁP

*Đời Ngài tích tụ hương trầm
 Trăm năm phúc quả Ưu đàm ngát hương
 Khứ lai vô tận lạc thường
 Đạo sư tôn chứng nhu cương nhiệm màu
 Yết ma – Giáo thọ - tâm giao
 Đường đầu Hòa thượng nhịp cầu thiên gia
 Giới đàn truyền thọ Tăng già
 Hồ Chí Minh – Bến Tre và Sóc Trăng
 Cà Mau... các tỉnh đồng bằng
 Sa di – Cụ túc giới – Tăng chưởng dòng
 Hậu học tiến tu tông phong
 Đạo từ lễ hội ấn tông đạo gia
 Nội điển ngoại điển châu sa
 “Tùy duyên bất biến” chan hòa nước non*

Niên cao lập trường mỗi mòn
Tiếp Tăng độ chúng vẫn còn âm vang
Đại hội khóa VIII sen vàng
Kỳ V hội nghị đạo tràng long lanh
Đệ Tam Pháp chủ chứng danh
Phong Phó Pháp chủ đàn rành thiền gia
Đến Đại hội IX Tăng già
Tiếp tục phong ấn trú tòa chứng minh
Phó Pháp chủ hiển viên minh
Phật học Xá Lợi giữ gìn thiêng liêng
Hăm hai, hăm bảy (2022 -2027) nhiệm huyên
Tăng Ni Phật tử mỗi giềng sử sanh
Tu học tinh tấn thiện lành
Trước sau như một tinh anh thế trần
Trung tâm nghiên cứu pháp thân
Học thuật Phật giáo ứng phần hoàng dương
Nội điển, ngoại điển chơn thường
Trong nước, quốc tế mười phương thăm tình
Sáu mươi năm nhuần kế kinh
Bao thế hệ nối tâm linh... Thọ Truyền
Trí thức, tín hạnh nguyện tuyên
Đời đạo tăng trưởng vui miền Tây phương
Tuyên dương công đức Trung ương
Bằng khen độc lập Huân chương phổ đồng

IV. THỜI KỲ VIÊN TỊCH

Đúng là gương sáng tông phong
Một đời tận tụy hết lòng tiến tu
Vị trí nào cũng điều nhu
Tháng năm tinh tấn công phu phụng thời

Tòng lâm thạch trụ mười mười
Thanh cao phạm hạnh người người kính thương
Huyễn thân tứ đại vô thường
Định luật đến hẹn nói đường ngàn xưa
Hóa thân bảo sở Phật thừa
Ưu đàm Bát nhã xuôi bờ hạo nhiên
Một trăm lẻ bốn (104) tịnh yên
Tám ba (83) hạ lạp về miền Tây phương
Nam mô phụng vị chơn thường
Chứng minh Phó Pháp chủ - tường thuyên không
Xá Lợi đường thượng Nguyễn Công
Lâm Tế Gia phổ ấm lòng lưu ly
Tứ thập nhất thế hồi quy
Thiện Duyên hiệu, Nhật Quang uy sen vàng
A Di Đà Phật đạo tràng
A Di Đà Phật Niết bàn ngát hương.

Pháp viện Minh Đăng Quang,
Tường niệm lễ Tiểu tường TL.HT.
Thích Hiện Tu, Phó Pháp chủ HĐCM,
Cố Viện chủ chùa Xá Lợi, TP.HCM



Con đường AN LẠC

Đỗ Hồng Ngọc

An lạc không phải là hạnh phúc, là sáng khoái nhất thời hay hài lòng, vui sướng... nhất thời, trái lại nó như dòng suối mát tưới tắm ở bên trong. An lạc là một trạng thái hỷ lạc, một cảm nhận an lành, thanh thản tự bên trong mỗi cá nhân, nhẹ nhàng, bền bỉ, mang lại sự bình an cả thân và tâm cho chính mình và lan tỏa đến người khác. An lạc đến từ tuệ giác, đưa đến sự tự tại, ung dung, cân bằng cả về vật chất lẫn tinh thần...

Học Phật là cách hiệu quả nhất để mang lại sự an lạc. Có “bí quyết” nào để học Phật cho dễ không? Chui vào các “tàng kinh các” thì học đến nhiều đời nhiều kiếp cũng không hết mà còn bị “tẩu hỏa nhập ma”, không kể ở thời Internet, AI, với fake news, với deepfakes...

Vậy có “bí quyết nào” học Phật cho “dễ” không? Có. Đó là “3 ĐIỀU 4 CHUYỆN”

Chuyện thứ nhất: Phật

Phật không phải là một thần linh, một giáo chủ... uy quyền tối thượng, ban bố ơn phước cho loài người. Phật là một người bình thường như ta, cũng trải qua khổ đau bệnh hoạn già nua và chết chóc như chúng sanh. Nhờ tìm được con đường thoát khổ mà chia sẻ với mọi người với lòng từ bi vô hạn, bởi ai cũng có Phật tính, ai cũng sẽ

thành Phật mai hậu. Phật không độc quyền làm Phật một mình. Cho nên Phật là một Đạo sư, một nhà giáo dục, một bậc y vương đáng quý đáng trọng.

Con đường của vị Đạo sư dạy chỉ có mấy chữ:

Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo

(Cái gì ác thì đừng làm!

Cái gì thiện thì làm

Phải tự làm cho tâm ý mình được thanh tịnh.

Đó là lời dạy của các vị Phật).

Tôn giáo nào chẳng khuyên làm lành tránh ác? Có gì hay ở đây?

Cái hay là ở câu thứ 3: *Tự tịnh kỳ ý*. Tự mình làm cho cái tâm ý mình trở nên thanh tịnh. Tâm ý mà thanh tịnh được rồi, thì... hết chuyện!

Khó ở chữ *TỰ*. *Tự mình*. Có nghĩa là không thể nhờ ai khác, không thể nhờ người nào khác giúp ta thanh tịnh được. Nghĩa là chỉ có mình mới tự giúp được mình mà thôi. Như tự mình phải hít thở, không ai thở giúp mình được. Tự mình phải nhai nuốt, ăn uống, không ai ăn uống giúp mình được...

Cái tâm ý của mình vốn tung bừa quậy phá, “tâm viên ý mã”- tâm như khí như vượn, còn lâu mới chịu im ắng, tĩnh lặng. Làm cho nó thanh tịnh quả là một chuyện không dễ.

Tóm lại, “tự tịnh kỳ ý” là điều cốt lõi. Cách nào? Có thể được chăng? Được.



Chuyện thứ hai: Mình

Phải nương tựa chính mình. Dựa vào chính mình. Không thể nương tựa vào ai khác. Như đã nói không ai thờ giùm mình, không ai ăn uống thay mình được. Lục Tổ Huệ Năng khuyên phải “*Tự quy y*” là vậy. Tự quy y mình. Bởi mình cũng có đủ 3 thân là Pháp thân, Báo thân và Hoá thân như Phật đó thôi. Phật bảo mọi người ai cũng có Phật tính, ai cũng có thể trở thành Phật, không phân biệt. Khi tìm ra bản đồ gene của con người, các nhà khoa học đã vô cùng kinh ngạc, thấy cái cây ngoài sân kia có 70%, cọng cải có 26%, chuột có 97,5%, tinh tinh có 99% gene giống người. Còn người với người thì có trên 99,99% gene giống nhau.

Vậy thì có cần phải phân biệt người da vàng, da đỏ, da đen, da trắng nữa không. Phật được gọi là bậc “chánh đẳng chánh giác” vì thấy biết rõ điều đó, việc gì còn phải phân biệt nữa. Có phải là “tỳ-lô-giá-na” cũng là gene đó không? Trong kinh *Hoa Nghiêm* bảo tất cả các vị Phật đều có thân tỳ- lô- giá-na từ “Nhu Lai tạng” mà ra cả! Cái gì làm ra hệ gene chưa biết hết, nhưng đều chung từ DNA, từ con virus nhỏ xíu đến con người, con cá voi, con khủng long tiền sử. Ai trộn mấy thứ đó lại với nhau mà sinh ra đủ thứ vậy nhỉ? Phật không trả lời câu đó. Tại nghiệp? Nghiệp là gì cũng không biết.

Mọi người đều có đủ “3 thân” như Phật, nên ai cũng có khả năng rèn tập để “tự tịnh kỳ ý” của mình mà được hạnh phúc an lạc. Một người hiểu biết 3 thân sẽ không còn phân biệt giàu nghèo, sang hèn, sẽ đối xử với mọi người bằng tấm lòng tôn trọng, vì biết họ cũng như ta, không cần phân biệt, không ngã mạn, tự cao, đưa tới đau khổ cho người và cho chính mình.

Chuyện thứ ba: Thở

Hãy nín thở thử... một chút xem sao! Không được. Ngưng thở 4 phút thì chết. Nhịn ăn, nhịn uống mười ngày mới chết. Thở thiết yếu của đời sống. Cây cỏ cũng thở. Có điều ta cần O2 trong không khí.

Còn cây cỏ cần CO2. Ta và cây cỏ nợ nần lẫn nhau. Không thể thiếu nhau. Thở hít vào một hơi thật sâu... Không được! Một lúc phải thở ra. Thở ra thật lâu... Không được! Một lúc phải hít vào. Hít thở nó tự động, nó không theo ý ta muốn. Hít vào thở ra là do áp suất trong phổi. Nó cóc cần ta. Nó chẳng phải là ta, chẳng phải của ta, chẳng phải là tự ngã của ta. Ta biết mình “vô ngã” chỉ cần nhìn vào hơi thở.

Ngàn năm trước, người xưa có thở không? Phật có thở không? Ngàn năm sau, người sau có thở không?

Lắng nghe hơi thở của mình...

Mới hay hơi thở của nghìn năm xưa...

Một hôm hơi thở tình cờ

Đính vào hạt bụi thành ra của mình

Của mình chẳng phải của mình

Thì ra hơi thở của nghìn năm sau...

(ĐHN)

Thì ra cái không khí trong vũ trụ này là chôn hư không, mênh mông, rộng khắp, mà giúp ta tồn tại. Não bộ chỉ chiếm có 2% thể trọng của ta mà tiêu hao đến gần 30% dưỡng khí. Tại sao? Tại vì O2 đó dùng cho hoạt động của não, mà hoạt động của não là chủ yếu dành cho tính toán, hơn thua, ganh ghét, lo sợ, tức giận, tranh giành, đấu đá lẫn nhau không ngớt. Có cách gì làm giảm không? Có. Chỉ cần “tự tịnh kỳ ý”.

Đừng quên kẻ thù của ta thở ra thì ta hít vào. Ta thở ra thì kẻ thù ta hít vào, hai bên thân thiết biết mấy!

Thở còn giúp ta thấy biết Khổ. Hời ỏ trong bụng mẹ, ta không thở, ta khoẻ ru. Sinh ra mới khóc thét lên và khổ sẽ đeo đẳng ta mãi. Cho đến khi ta hết thở, ta ngưng thở, ta mới hết... khổ! Ta chỉ mượn tạm hơi thở trong cuộc đời mình, chẳng lẽ chỉ dành cho khổ đau, cho hận thù cho đấu đá tranh giành sao? Chẳng lẽ không có lúc nào cho tâm được an vui, được hạnh phúc sao? Thiền chính là cách sử dụng

hoi thở để chữa trị bệnh âu lo sợ hãi, khổ đau của mình. Nhờ quán niệm hoi thở mà ta thấy biết *vô thường, khổ, vô ngã, duyên sinh*, thì chẳng phải nhờ thiên mà ta tìm được sự thanh tịnh, tìm được thường lạc ngã tịnh đó sao?

Chuyện thứ tư: Ăn

Tại sao phải ăn, ăn cái gì, ăn bao nhiêu, ăn cách nào?... Phật mang bình bát đi khát thực vài tiếng đồng hồ mỗi ngày và ai cho cái gì cũng vui nhận, không đòi hỏi, chẳng từ chối. Mang về vo lại thành một cuộn tròn để ăn một cách chánh niệm gọi là “đoàn thực”. Thức ăn có đủ bột đường (glucid), đậu, thịt, cá (protid), mè, bơ (lipid), và dĩ nhiên có rau củ, quả (khoáng, sinh tố)... Có khi thiếu thứ này một chút, thừa thứ khi một chút. Không sao. Thứ này có thể “biến” thành thứ kia không khó. Trong bột đường cũng có đạm, béo... Các thức ăn đó đã đủ cả các thành tố “đất, nước, gió, lửa” của tứ đại, của ngũ uẩn. Thì ra ăn ngũ uẩn là để nuôi thân ngũ uẩn. Khi đi khát thực hằng ngày như vậy ta thấy được *tùy duyên, vô thường, vô ngã*.

Nhưng ăn uống không chỉ để nuôi thân mà còn nuôi tâm. Phật nói có 4 nhóm thức ăn - gồm đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực, thức thực. Mỗi ngày, ta tiếp xúc với biết bao thông tin từ bên ngoài bao bọc lấy ta. Cái “xúc thực” đó đủ khiến ta vui ta khổ, quay cuồng... Thử một ngày ngắt điện, tắt điện thoại, tắt internet đi coi!

Xúc sẽ dẫn tới thọ. Và “ái thủ hữu” tức khắc xuất hiện! Rồi từ thọ mà có tưởng. Hết thọ, hết tưởng, thì sẽ hết “sinh sự”. Tưởng dẫn đến *tư niệm thực, thức thực*. “Chúng sinh” đã thành lớp lang, đã thành “tri kiến” sai lạc, thành kiến, khái niệm, định nghĩa vây chặt lấy ta. Nếu *xúc thực* dễ dẫn đến Stress, thì *tư niệm thực* lại dẫn đến Anxiety, lo âu, sợ hãi, và thức thực sẽ dẫn đến Depression, trầm cảm...

Còn “3 điều” là sao?

Một là phải hiểu “thuật ngữ”

Không hiểu thuật ngữ Phật học thì sẽ bối rối, hiểu lầm, dễ dẫn tới dị đoan mê tín. Khi phải giảng về Phật pháp, tốt nhất là “vô ngôn”, vì ngôn ngữ tự nó đầy rẫy những cạm bẫy. Nhớ rằng Phật không giảng dạy gì, chỉ tùy từng trường hợp cụ thể, Phật dạy riêng cho người nào đó là đủ. Gặp người thợ rèn, Phật nói về rèn sắt, gặp người thợ giặt, Phật nói về giặt giũ, gặp người chơi đàn, Phật nói về dây đàn căng hay dãn... Ngay cả tiếng Pali cũng chỉ có sau khi Phật nhập Niết bàn. 300 năm! Những từ Hán Việt, phiên âm, dễ gây nhầm lẫn nhất. Phật luôn căn dặn “đừng tin ai cả, kể cả tôi”. “Đến thử đi rồi biết”...

“Tam-ma-địa” mới nghe tưởng là vùng đất của ba con ma! Thực ra Tam-ma-địa là phiên âm chữ Samadhi, nghĩa là Chánh định. Niết-bàn chẳng hạn không phải là cái nơi thiên đàng, cực lạc, mà là phiên âm của Nirvana. Ngay cả “chúng sanh” cũng vậy. “Chúng” là nhiều, “Sanh” là sanh ra. Cái gì do nhiều thành tổ tạo nên, thì gọi là “chúng sanh”... “Chúng sanh không phải là chúng sanh, chỉ tạm gọi là chúng sanh” (Chúng sanh tức phi chúng sanh, thị danh chúng sanh - kinh *Kim Cang*). Có một ông Bồ-tát thệ nguyện ngày nào còn một chúng sanh, tôi nguyện không thành Phật. Nghĩa là phải diệt sạch hết chúng sanh thì mới chịu làm Phật. Ông sẽ chế bom nguyên tử, bom khinh khí và các thứ vũ khí ghê gớm khác để tận diệt hết muôn loài trên cõi Ta-bà này ư?

Không. Ông thệ nguyện vậy vì ông biết chúng sanh ở trong đầu ông chớ không ở ngoài. Mấy cái xúc thực, tư niệm thực, thức thực... là “chúng sanh” do vô số thành tổ tạo ra. Huệ Năng dạy: “*Dứt bật trần duyên. Chớ sanh một niệm!*”.

Hai là phải hiểu ẩn dụ, ẩn nghĩa...

Kinh *Pháp Hoa* nói đến hóa thành, cùng tử, viên ngọc trong ché áo, xe dê xe trâu... Niệm Quán Thế Âm thì gặp lửa lửa tắt, gặp nước cuốn trôi thì nước cạn, muốn sanh con trai có con trai, con gái có con gái... Lửa ở đây là để chỉ lòng sân hận. Sân hận đưa ta vào chín tầng

địa ngục. Đỏ mặt tía tai. Bầm gan tím ruột. Nước ở đây là để chỉ lòng tham cuộn cuộn ta vào hố thăm, “lòng tham không đáy”... Con trai muốn nói là Trí tuệ, con gái muốn nói là Từ bi...

Ba là phải Thực hành

Học Phật phải thực hành. Tu phải đi với hành. Nhưng không được nóng vội. Nóng vội sẽ dẫn tới “tẩu hỏa nhập ma”. Thực hành trong cách thở, cách ăn, cách nghĩ, cách làm. Học BỒ-tát Thường Bất Khinh để luôn kính trọng mọi người, không phân biệt. Học BỒ-tát Dược Vương để luôn chân thành, ai thấy cũng vui ai gặp cũng mừng (nhất thiết chúng sanh hỷ kiến). Học BỒ-tát Quán Thế Âm để biết thấu cảm, nghìn mắt nghìn tay, hóa thân đủ hình dạng tùy cơ ứng biến. Đó chính là sự tôn trọng (respect), sự chân thành (genuine), sự thấu cảm (empathy) giúp cho cuộc sống ta luôn an lạc, hạnh phúc.

Tôn giáo nào, đạo nào cũng dạy làm lành tránh ác. Nhưng Phật giáo nêu cao “Tự tịnh kỳ ý” là điều cốt lõi và đòi hỏi sự thực hành trong đời sống hàng ngày. Tự mình, làm cho tâm ý mình trở nên thanh tịnh. Tâm ý mà thanh tịnh rồi thì cái “thấy”, cái “biết” đã khác, cách nghĩ, cách làm đã khác. Con đường An Lạc mở ra từ đó.

Lòng sân hận đang nổi lên như lửa đốt, lòng tham đắm đang nổi lên như nước cuốn, nếu biết thực hành hít thở, chú ý đến hơi vào hơi ra... một lúc thì thoát.

Chỉ cần sử dụng hơi thở của chính mình để thực hành là đủ.

Thở bụng, tức thở cơ hoành. Lâu nay, ta quen thở ngực. Thở ngực thì không sâu, không đưa hơi đến “huyệt đan điền” được. Tập thở cơ hoành (diaphragmatic breathing hay abdominal breathing), thì ta dễ ổn định được tâm ta. Thở bụng là giai đoạn đầu. Phải tập vài tháng sẽ quen. Không nóng vội.

Sau đó, ta tập chú ý tới hơi thở vào và hơi thở ra. Có nghĩa là ta dõi theo luồng hơi thở vào và hơi thở ra đó, hơi vào hơi ra tới đâu ta biết tới đó. *Dõi theo* như vậy một lúc, ta “quên” hết mọi thứ chuyện

trên đời! Đây là “Thở chánh niệm”, tức Thiên chỉ (Samatha). “Chỉ” là dừng, là ngưng, dừng ngưng ý nghĩ lăng xăng trong tâm ta. Ngưng ý nghĩ là ta đã *vô tâm, vô niệm*. Hết mệt, hết căng thẳng.

Rồi thử ngẫm nghĩ một chút về chuyện Thở của ta. Tại sao ta phải thở? Thở để làm gì? Không thở được không? Hơi này từ đâu ra? Nó thay đổi thế nào lúc ta mệt, lúc ta căng thẳng, lúc ta sợ hãi... và lúc ta thanh thoi, thoải mái, vui vẻ? Thì ra nó thay đổi liên tục theo tâm cảnh ta. Ta thấy biết “vô thường”. Ta muốn hít vào thật lâu, thở ra thật dài không được. Tại sao ta không có quyền kiểm soát hơi thở “của ta”? Hóa ra nó không phải của ta, không phải là ta. Ta thấy biết “vô ngã”.

Mọi thứ có vẻ chẳng tùy thuộc vào ta chút nào! Ồ, còn cái hơi ta ở trong bụng mẹ, ta cũng không ăn không thở mà vẫn sống nhặng đó thôi, lại còn rất mau lớn nữa. Lúc đẻ ra, ta mới vất vả, phải thở, phải ăn, phải tranh giành, đấu đá...! “Khổ” là từ đó.

Chỉ cần quán niệm hơi thở, ta thấy “tam pháp ấn” *vô thường, khổ, vô ngã* rồi vậy. Còn tìm kiếm đâu xa?■





Ngẫu hứng

Nguyễn Bá Hoàn

Mười một nụ xuân chờ lòng nở
Trong tình hành hoạt của nhân sinh
Phật dạy xuân tình trong hơi thở
Hương xuân lan tỏa cốt nơi mình

(11 nụ xuân là 11 Tâm Sở Thiện)

Cuộc đời thứ chẳng hay từ đâu đến
Mà giờ đây tỉnh giấc ủa là xuân
Lòng rộng mở đón phương trời nắng lạ
Khúc tâm giao hòa điệu lý vô cùng...

Trong sinh tử có nàng Xuân bất tử
Chốn nhân gian bàng bạc một trời xuân
Đâu phải đợi đông tàn xuân mới đến
Mà tâm xuân luôn hằng hữu nơi mình. ■

NGHĨ VỀ XU HƯỚNG

Sống TỐI GIẢN

Vu Giá

Nhìn lại xu hướng sống tối giản, tôi nhớ đến câu thơ của Nguyễn Công Trứ: “*Tri túc tiện túc, dãi túc hà thời túc*” (Biết đủ là đủ, đợi cho đủ thì bao giờ đủ), nên chúng ta hãy tìm vui trong những ngày đang sống. Đức Phật cũng đã dạy: “*Tri túc thường lạc*” (Biết đủ là vui).

Trong kinh *Thủy Sâm*, Phật thuyết: “*Tri túc chi nhơn tuy ngộ địa thương du vi an lạc. Bất tri túc chi nhơn tuy xứ Thiên đường diệt bất xúng ý*” (Người biết đủ, dù nằm trên đất cát vẫn an vui. Trái lại, người không biết đủ, dù ở xứ Thiên đường cũng không vừa ý). Phật còn dạy: “*Tri túc thường lạc*” (Biết đủ là vui). Cách sống ít ham muốn và biết thế nào là đủ (*Thiểu dục tri túc*) theo quan niệm nhà Phật, thời nào cũng cần suy ngẫm. Đặc biệt, vài ba mươi năm trở lại đây, xu hướng sống tối giản trở nên phổ biến trên phạm vi toàn cầu.

Cái mặc, cái ở thời nay

Nói về cái mặc, ca dao có câu: “*Người giàu má đỏ, mày xanh/ Quần là áo lượt đua tranh lên đường*”. Thành ngữ phổ biến nhất: “*Quần là áo lượt*”. Là và lượt là hai thứ hàng lụa. Do vậy, nói đến “quần là áo lượt” là nói đến những người giàu có, sang trọng, luôn tỏ ra lịch sự, chỉnh tề trong ăn mặc, đi đứng; hoặc chỉ người ăn mặc đẹp

đẽ, gọn gàng. Còn những người nghèo chỉ cần có mảnh vải che thân là tốt lắm rồi, dẫu mảnh vải ấy vá chằng vá đụp. Nghe bà nội tôi kể trước Cách mạng Tháng Tám, ở quê tôi có nhiều người không có áo quần để mặc, suốt ngày chỉ mặc áo toi. Nói áo toi cho sang, chứ tiền đâu mà mua lá toi. Người ta vót tre làm bộ khung cái toi, thay vì phủ lá toi, họ phủ rơm rạ, và... cũng qua một đời.

Bây giờ, khác lắm lắm. Thời trang đường phố (*Street fashion*) là phong cách thời trang nổi lên không phải từ các phòng chụp ảnh mà là từ trang phục đường phố bình dân. Nói chung, thời trang đường phố có liên quan đến văn hóa giới trẻ và thường thấy nhất tại trung tâm các đô thị lớn trên thế giới từ thập niên 90, ảnh hưởng đến Việt Nam, trở thành xu hướng khá nổi bật.

Ngày nay ra đường, chúng ta thấy nam thanh nữ tú mặc quần rách, áo rách, quần áo bạc màu, thậm chí có vài miếng vá khác màu để cho người ta biết đó là miếng vá,... không còn lạ, bởi đó là phong cách Street style. Đó cũng là xu hướng sống tối giản được lớp trẻ ưa chuộng.

Tiếp đến là cái ở. Gần đây, báo chí cho biết Travel Cabin là sản phẩm của Jack Stewart, vốn làm nghề hướng dẫn viên du lịch, dẫn chương trình truyền hình và là nhà tự nhiên học. Chỉ mất 7 ngày để chế tạo, Travel Cabin được làm từ những vật liệu tái chế được tận dụng, có pin năng lượng mặt trời, kho chứa quần áo và thiết bị, và đã đi khắp bang Minnesota của nước Mỹ, cho thấy giá trị của một căn nhà “bé như hạt tiêu”.

Xu hướng sống tối giản, những ngôi nhà tí hon và các giải pháp sống di động đã trở nên phổ biến bất ngờ trong những năm gần đây. Một trong số đó, có ngôi nhà tí hon của YouTuber David Rule. YouTuber này từng gây chú ý khi chứng minh rằng có thể tự tay làm nhà tí hon mà không cần kế hoạch và ngân sách dưới 8.000 USD.

Ngôi nhà tí hon của David Rule không thực sự là nhà di động theo cách hiểu truyền thống. Nhà di động có hai hình thức phổ biến, một là cải tạo không gian cabin xe làm nơi sống, hai là dạng rơ moóc kéo đằng sau một chiếc ô tô.

Nhà của Rule không thuộc nhóm nào cả, song vẫn là một ngôi nhà thu nhỏ nằm trên bánh xe ở bốn góc. Vì vậy về cơ bản, nhà vẫn có thể di chuyển - hoặc ít nhất là di động theo ý muốn của gia chủ. Nhà di động mini của David Rule gói gọn tất cả những tiện nghi sinh hoạt của một ngôi nhà thực sự, mặc dù được thu nhỏ lại về kích thước, bao gồm hệ thống ống nước thô sơ, điện, nước sinh hoạt, nhà vệ sinh và thậm chí cả vòi hoa sen. Ngôi nhà tí hon của Smith có diện tích 2,3m², trong đó có 2,1m² là có thể ở được và tiếp được vài vị khách đến chơi.

Xu hướng sống tối giản này, đúng theo tinh thần “*Thiểu dục tri túc*” của nhà Phật.

Cái khổ trước mắt của đời người

Nhà Phật nói đời là bể khổ, nhưng cái khổ trước mắt được con người quan tâm là ăn, mặc, ở. Thời đức Phật còn tại thế, Ngài tu khổ hạnh 6 năm. Đệ tử của Ngài có rất nhiều vị tu hành chứng đắc quả vị A La Hán, trong đó, Ngài Đại Ca Diếp được mệnh danh Đầu đà đệ nhất. Đầu đà nghĩa là khổ hạnh. Người thực hành hạnh này sẽ dễ thức liễm thân tâm, thanh tịnh ba nghiệp (thân, khẩu, ý).

Trong *Phật Quang Đại Từ Điển*, người tu hạnh đầu đà thực hành 12 pháp khổ hạnh, còn trong *Thanh Tịnh Đạo Luận*, người tu hạnh đầu đà chuyên hành trì 13 pháp khổ hạnh. Nhưng, đó là chuyện trong kinh sách ghi lại sự việc cách nay hơn 2.500 năm, nên tin cũng được, không tin cũng chẳng sao.

Chuyện gần đây của ông Lê Anh Tú (sinh năm 1981), dân gian gọi là sư Minh Tuệ. Nhìn cách “tập học” của ông, người ta tin ông tu hạnh đầu đà, giống như Phật Thích Ca Mâu Ni sau khi khai ngộ. Ông bộ hành khát thực, ngày ăn một bữa, không có trú xứ nhất định. Ông

đi khắp đất nước trong nhiều năm. Hành trình ấy của ông gây nên sự chú ý với đông đảo quần chúng, đến nay vẫn còn nhiều người quan tâm.

Ông không tự xưng mình bằng “thầy” hay xưng “tôi” như các nhà sư khi giao tiếp với người khác, mà chỉ xưng “con”. Điều này, được cho là mang tinh thần triết lý “vô ngã” của nhà Phật. Thật ra, trong kinh *Bồ Tát Giới*, Phật dạy: “*Hết thầy người nam là cha ta. Hết thầy người nữ là mẹ ta*”, nên ông xưng “con” với mọi người là thực hiện đúng lời Phật dạy.

Qua thực tế từ sự tu hành của sư Minh Tuệ, cho chúng ta đôi điều suy ngẫm. Về cái ăn, ông chỉ ăn ngày một bữa, nhưng lao động (đi bộ) không có ai bằng, ấy mà ông vẫn khỏe, vẫn vui, mặt lúc nào cũng tươi roi rói. Điều này, nói lên cái gì? Ai cũng biết ăn uống để bồi đắp năng lượng tiêu hao, nhưng ông ăn như thế, lao động như thế, tại sao vẫn khỏe? Chỉ có lời giải thích đơn giản là năng lượng trong cơ thể mỗi người tiêu hao nhiều do tâm trôi nổi, suốt ngày nghĩ đông nghĩ tây, nghĩ những chuyện cả đời không thể giải quyết được và cũng không có bản phận để giải quyết.

Như vậy, cái ăn không quan trọng, nhắc nhở chúng ta đến bữa ăn chớ nên chê món này mặn, món kia nhạt, cơm hôm nay khô hoặc nhão, ... làm buồn lòng vợ con, khiến gia đình không vui. Một bữa ăn thôi mà, có cần thiết gây buồn phiền như thế không?

Về cái mặc. Nhìn cách mặc của ông, chúng ta thấy đó là hạnh mặc y phẩn tảo, nghĩa là vải may y nhật ở lẻ đường, nghĩa địa, đóng rác..., đủ màu sắc, có gì phối nấy. Và y phẩn tảo này trở thành thương hiệu thời trang hiện nay, nhất là phù hợp với xu hướng thời trang đường phố (*Street fashion*). Điều này, cho thấy cái mặc cũng không quan trọng, miễn sao trong lòng thấy vui là... trên cả tuyệt vời! Phật dạy: “*Tri túc thường lạc*” (Biết đủ là vui).

Về cái ở. Sư Minh Tuệ giống như đức Phật ngày xưa, không có trú xứ nhất định, nghỉ dưới gốc cây, trong lều chợ, ngoài nghĩa trang,... ấy mà vẫn vui, vẫn khỏe.

Xưa nay, ước mơ của con người “ăn no, mặc ấm”. Bây giờ, “ăn no” của nhân dân ta đã được giải quyết. Sau sự nghiệp đổi mới chừng mười năm, nhiều người đã đạt đến “ăn ngon, mặc đẹp”. Mười năm lại đây, đã có không ít người tiến lên thêm một bước “ăn đủ dinh dưỡng, mặc hợp thời trang”. Mặc hợp thời trang bây giờ là Street fashion, nên không lo lắng bị chê không lịch sự, không nghiêm túc. Còn chôn ở, với quan niệm “sống cái nhà, già cái mồ”, nên nhiều người khổ vì chuyện này. Từ túp lều, phần đầu lên nhà lá, nhà tranh, tiếp tục phần đầu lên nhà cấp 4, nhà lầu, biệt thự,...

Hiện nay, nhiều người đang khổ vì nhà cao cửa rộng, bởi con cái đã ổn định cuộc sống ra ở riêng. Bây giờ, làm gì có chuyện tam đại đồng đường, tứ đại đồng đường. Con cháu đã thành gia lập thất, mà còn phải nương thân vào ông bà, cha mẹ là điều đáng buồn hơn vui. Do vậy, không nên kiêu căng ngạo mạn khi được ở nhà cao cửa rộng, cũng không nên dấy lên tham, sân, si khi chỗ ở thấp kém hơn người khác. Vương vào những thứ độc ấy (tham, sân, si, mạn) chỉ dấy lên phiền não thôi. Hãy tin lời Phật dạy: *Biết đủ là vui*.

Cầu thân tâm an lạc ở đâu?

Nhìn lại xu hướng sống tối giản, tôi nhớ đến câu thơ của Nguyễn Công Trứ: “*Tri túc tiện túc, dãi túc hà thời túc*” (Biết đủ là đủ, đợi cho đủ thì bao giờ đủ), nên chúng ta hãy tìm vui trong những ngày đang sống. Thời đi học, tôi có đọc cuốn sách của tác giả người Mỹ Dale Carnegie, Nguyễn Hiến Lê dịch, nhan đề rất hay: *Quảng Gánh Lo Đi Và Vui Sống* (How to Stop Worrying and Start Living). Quyển này xuất bản từ năm 1948, chứ không phải gần đây và được đưa vào “Tủ sách Học làm người” ở miền Nam. Quyển sách này là một cẩm nang về cách làm việc và vui sống không bị lo âu. Trong đó, tôi nhớ có mấy

ý đồng hành cùng tôi nhiều năm, chẳng hạn: “*Hễ lo lắng thì hãy cặm cụi làm việc để khỏi bị chết vì thất vọng*”, “*Hợp tác với những tình thế không tránh được*”, hoặc nếu không có việc gì làm, thì “*Hãy chọn công việc dọn dẹp vệ sinh nhà cửa và cố kéo dài thời gian làm việc đó*”... Tôi nghĩ, thực hiện được những điều này, chắc sẽ được tâm thanh tịnh, được thân tâm an lạc. Tất cả đều cầu ở mình.

Kinh *Vô Lượng Thọ*, viết: “*Tâm thanh tịnh, không nhiễm lợi dưỡng*”. Qua thực tế việc tu hành của ông Minh Tuệ, chúng ta có thể thấy ông đã và đang học đức hạnh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, ngày ngày đi khất thực, chỉ ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, ở lều chợ, ở nghĩa trang...; trên tay không cầm kim ngân, tài vật. Tất cả đều tùy duyên, không hề có chút tham tâm, người ta cúng dường thứ gì ăn thứ đó.

Thức ăn ấy có ngon không? Tôi tin chắc không ngon, nhưng với tâm chân thành, dù mùi vị không ngon, khi ăn vào đều cảm thấy rất ngon, không cảm thấy dở. Điều này, tôi cũng nhận ra được từ bản thân tôi. Mỗi lần có bạn bè gọi mời ăn sáng, uống cà phê, tôi thấy lòng vui rộng mở, nên dù ổ bánh mì thịt 10.000 đồng, và ly cà phê sữa nóng ven đường 12.000 đồng cũng thấy rất có ý nghĩa. Đây là giá cực rẻ hiện nay ở giữa đất Sài Gòn hoa lệ này.

Có người khi ra về không bằng lòng lắm, nhưng tôi thường khuyên chúng mình đã ăn uống cả đời, gặp nhau dù một mẩu bánh mì, một cốc nước lọc, nói chuyện trên trời dưới đất là vui lắm rồi. Ăn đây là ăn tâm tình. Uống đây là uống tâm tình. Mỗi người có hoàn cảnh riêng, còn nhớ bạn bè, mời bạn bè một cốc cà phê, một ổ bánh mì, trò chuyện râm ran, thế là vui, là mừng anh em còn sống, còn đi lại được để gặp mặt nhau. Bây giờ, rất nhiều người chúng ta muốn gặp, có gặp được đâu. Với tôi, tâm chân thành giải quyết tất tật những nghi nan tạp chướng. Và ông Minh Tuệ đã có cái tâm chân thành này, đáng để suy nghĩ. ■



KHÁI LƯỢC LỊCH SỬ

PHẬT GIÁO TỊNH ĐỘ

AARON PROFFITT
Cao Huy Hóa dịch

Tịnh Độ tông là một trường phái riêng biệt của Phật giáo phát triển ở Nhật Bản và theo Aaron Proffitt, là đá tảng của toàn bộ truyền thống Đại thừa.

Các học giả Đông phương học ban sơ nghiên cứu Phật giáo, làm việc dưới chế độ thực dân không mấy quan tâm đến sự đa dạng và sức sống của các nền văn hóa Phật giáo sống động. Thay vào đó, họ chọn lọc giáo lý Phật giáo để phù hợp với thế giới quan Tin lành, hiện đại của riêng họ.

Cách nhìn phi lịch sử này về Phật giáo - một “Phật giáo” được tạo bởi (và cho) các trí thức châu Âu - sau đó được sử dụng để chỉ trích các nền văn hóa Phật giáo đang tồn tại. Các học giả này tin rằng Phật giáo Đại thừa nói chung, đặc biệt là giáo lý Tịnh Độ, là một sự bóp méo ngang bướng của Pháp Phật (như họ định nghĩa).

Đáng buồn thay, thái độ này vẫn còn phổ biến. Phật giáo Tịnh Độ được cho là hình thức Phật giáo được thực hành phổ biến nhất trên thế giới. Tuy nhiên, trong các bài viết học thuật và phổ biến bằng tiếng Anh, Phật giáo Tịnh Độ phần lớn bị bỏ qua hoặc hoàn toàn bị hiểu sai.

Giáo lý Tịnh Độ là nền tảng cho triết lý, nghi lễ, thiền định, nghệ thuật và kinh điển Đại thừa. Nhìn chung, chúng ta có thể nghĩ



về Phật giáo Đại thừa là “Phật giáo của những cõi Tịnh Độ”. Cụ thể hơn, thuật ngữ “Phật giáo Tịnh Độ” cũng quy về một hình thức riêng biệt hoặc trường phái Phật giáo đã phát triển ở Nhật Bản. Trong khi thâm nhập giáo lý Tịnh Độ nói chung trong Phật giáo Đại thừa, trường phái này đặc biệt tập trung vào việc chiêm nghiệm về cõi Tịnh Độ có tên là Sukhavati (cõi Cực Lạc) và Đức Phật A Di Đà của cõi đó.

Trong khi một số Phật tử Đại thừa khát khao được tái sinh ở cõi Tịnh Độ trong kiếp sau, thì những người khác lại quan niệm cõi Tịnh Độ là biểu tượng của Niết bàn theo một nghĩa nào đó, có mặt trong thế giới này. Cũng có những người khác có thể giữ cả hai vị trí cùng một lúc. Như kinh *Contemplation Sutra* (Kinh Quán Tưởng) nói: “Tâm tạo ra Phật là Phật”.

Giáo lý Tịnh Độ ở Ấn Độ

Ngày nay, chúng ta chia thế giới Phật giáo thành *Theravada* và *Mahayana* (Đại thừa), nhưng sự phân chia này không phải lúc nào cũng dứt khoát. Nhiều yếu tố mà chúng ta hiện xác định là Mahayana hay Theravada hoặc Tantra đã phát triển tuần tự trong các bối cảnh văn hóa Ấn Độ ban đầu khác nhau vào giai đoạn 500 trước CN - 100 CN, trước những kinh mà chúng ta hiện tiếp cận được viết ra.

Trong nhiều phần, có những kinh được viết bằng ngôn ngữ văn học được gọi là Pali, mà ngày nay chúng ta liên hệ với Phật giáo Theravada, bảo tồn một thế giới quan cho rằng chỉ có một vị Phật hiện hữu trong một thời gian. Nhưng phần chính các kinh mà ngày nay chúng ta dán nhãn là Đại thừa đã đưa ra nhiều quan điểm khác nhau về bản chất của quả vị Phật và con đường giác ngộ.

Phật tử thuộc mọi trường phái đều đồng ý rằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã dạy về các vị Phật trong quá khứ và tương lai, nhưng trong kinh Đại thừa và Tantra, người ta tin rằng Đức Phật cũng đã dạy về các vị Phật khác trong thời đại đó, chẳng hạn như *Phật A Súc*, *Phật Vairocana* và *Phật A Di Đà*.

Sukhavati (cõi Tịnh Độ, hay cõi Tây Phương Cực Lạc) và *Phật A Di Đà* dường như rất phổ biến khi các kinh Đại thừa được viết ra, vì được đề cập trong hàng trăm kinh Đại thừa và Tantra. Các chuyên luận sau này liên quan đến giáo lý Tịnh Độ được cho là của các đạo sư vĩ đại của Ấn Độ như *Nagarjuna* (Long Thọ, khoảng năm 150–250 CN) và *Vasubandhu* (Thế Thân, thế kỷ thứ 4 – thứ 5 CN).

Phật giáo Tịnh Độ tại Trung Quốc

Phật giáo được truyền bá dọc theo các tuyến đường thương mại khắp Nam và Trung Á, và đến thế kỷ đầu tiên của Công nguyên, Phật giáo bắt đầu bén rễ ở Trung Quốc. Phật giáo Đại thừa đặc biệt được đón nhận, vì giáo lý Tịnh Độ là một khía cạnh cơ bản của triết lý và tu tập Đại thừa, nên các quan điểm đa dạng về Tịnh Độ đã phát triển mạnh mẽ ở Trung Quốc từ rất sớm.

Sinh trưởng tại Gandhara vào năm 147 CN, nhà sư *Lokaksema* đã dịch các kinh Đại thừa tiếng Phạn sang tiếng Trung, bao gồm cả kinh *Pratyutpanna Samadhi* (Kinh về Định, cầu gặp các chư Phật của Hiện tại). Kinh này có ảnh hưởng đặc biệt đến nhà sư *Huệ Viễn* (334–416), người mà các thế hệ sau công nhận là vị Tổ đầu tiên của Tịnh Độ tông.

Huệ Viễn đã tổ chức các hội tu tập Tịnh Độ, được gọi là *Hội Bạch Liên* (Sen trắng), gồm những hành giả chiêm nghiệm về Đức Phật A Di Đà để nhận những linh kiến huyền bí về Ngài. Điều này, đã truyền cảm hứng về sau cho các hình thức tu tập Tịnh Độ cộng đồng. Giống như hầu hết các vị đạo sư Phật giáo Trung Quốc khác, Huệ Viễn cũng thông thạo tư tưởng Đạo giáo và Khổng giáo. Ngài nổi tiếng vì đã khiển trách một lãnh chúa địa phương bằng cách tuyên bố “Nhà sư không sùng kính vua”.

Trí Khải (538–597) ở núi Thiên Thai thuộc Chiết Giang, Trung Quốc, được xem như là người sáng lập truyền thống Thiên Thai. Truyền thống này đã công hiến một cách tiếp cận của Trung Hoa bản địa đối với Phật giáo Ấn Độ. Trí Khải tôn kính lời dạy của Long Thọ về tánh Không, và trình hiện một sự hiểu biết toàn diện về giáo lý Phật giáo và thiền định, cuối cùng đã ảnh hưởng đến toàn bộ Phật giáo Đông Á.

Quan điểm của Trí Khải về thực hành Tịnh Độ cũng dựa trên kinh *Pratyutpanna Samadhi*, khuyến nghị việc trì tụng danh hiệu của Đức Phật A Di Đà như một cách để duy trì sự tập trung trong khi thiền định. Một số giảng sư Tịnh Độ có ảnh hưởng nhất trong lịch sử Đông Á có liên quan đến dòng truyền thừa Thiên Thai, được biết đến như là Cheontae ở Hàn Quốc và Tendai ở Nhật Bản.

Các tác phẩm của *Shandao* (Thiện Đạo, 613–681) đại diện cho một nhánh quan trọng khác của tư tưởng Phật giáo Tịnh Độ Đông Á. Shandao được tôn kính vì những trải nghiệm có tầm nhìn xa và năng lực thiền định của ông. Điểm khác biệt của Shandao là giáo lý của ông mang tính cách mạng, cho rằng tu tập Tịnh Độ có thể giúp ngay cả những chúng sinh bình thường cũng được tái sinh ở cõi Tịnh Độ, và do đó cũng được giác ngộ. Điều này, trái ngược với quan điểm của giới tinh hoa cho rằng sự tái sinh ở Tịnh Độ chỉ có được đối với những vị Bồ tát đạt thành tựu cao.

Trong suốt lịch sử Trung Quốc, các đạo sư Thiền tông (Zen), cũng như những người hệ thống hóa Phật giáo Mật tông Đông Á (Tantra), đã khuyến khích tu tập Tịnh Độ. Nhà sư, học giả Thiền tông Yongming Yanshou (Vĩnh Minh Diên Thọ, 904–975) đã dẫn lịch sử lâu dài của tu tập Thiền - Tịnh Độ và lập luận rằng khi tu tập Tịnh Độ tích hợp với Thiền, thì hiệu quả hơn so với khi chỉ thực hành Thiền. Cho đến ngày nay, thiền, thực hành bí truyền và thực hành Tịnh Độ hòa hợp cùng nhau trong Phật giáo Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam, Đài Loan và Nhật Bản.

Phật giáo Tịnh Độ tại Tây Tạng

Phật giáo Tây Tạng phát triển muộn hơn Phật giáo Đông Á, vì vậy Phật giáo Tây Tạng có thể tiếp cận toàn bộ các kinh Phật giáo Ấn Độ. Cuối cùng, các Tantra được xem trọng ở Tây Tạng. Mặc dù chúng ta thường liên tưởng Tantra với thành tựu nhanh chóng Phật quả trong thân này và thế giới, nhiều tantra được cho là dẫn đến tái sinh ở các cõi Tịnh Độ, đặc biệt là cõi Cực Lạc.

Truyền thống Tịnh Độ đã biểu hiện theo vô số cách trong Phật giáo Tây Tạng. *Liên Hoa Sinh* (khoảng thế kỷ thứ 8 - thứ 9) là một đạo sư Mật tông vĩ đại ở Tây Tạng, người được công nhận là hóa thân của Đức Phật A Di Đà; dòng truyền thừa Tây Tạng của những Tulku tái sinh được gọi là Panchen Lamas xem như hiện thân của Đức Phật A Di Đà. Trong một nghi lễ của Tây Tạng được gọi là *phowa*, các hành giả tổng xuất ý thức của họ ra khỏi đỉnh đầu và vào cõi Cực Lạc. Một trong những câu thần chú quan trọng nhất trong Phật giáo Tây Tạng là câu thần chú của *Avalokiteshvara* (Quán Thế Âm), “*Om Mani Padme Hum*”, được cho là dẫn đến sự tái sinh ở cõi Cực Lạc.

Ở Tây Tạng, cũng như ở Ấn Độ và hầu hết châu Á, Phật giáo Tịnh Độ không hoạt động như một giáo phái riêng hay một trường phái. Thay vào đó, triết lý và thực hành Tịnh Độ được tích hợp vào

nhiều truyền thống Đại thừa khác nhau. Tuy nhiên, ở Nhật Bản, Phật giáo Tịnh Độ xuất hiện như một cách tiếp cận riêng biệt với Phật giáo.

Phật giáo Tịnh Độ Nhật Bản

Nhà sư Nhật Bản *Eon* là một học giả về triết lý Trung đạo của Nagarjuna (Long Thọ), người đã du hành đến Trung Quốc vào năm 608 sau Công nguyên. Khi trở về Nhật Bản hơn 30 năm sau, ông đã chọn giáo lý Tịnh Độ làm chủ đề cho bài giảng đầu tiên của mình.

Lòng sùng kính Đức Phật A Di Đà đã trở thành một đặc điểm chính của Phật giáo Nhật Bản. Ban đầu, Phật tử Nhật Bản thực hành việc hồi hướng công đức để giúp tổ tiên của họ đạt được tái sinh ở cõi Tịnh Độ, nhưng theo thời gian, khao khát được tái sinh ở cõi Tịnh Độ của chính mình đã trở nên phổ biến.

Các nhà sư Nhật Bản gắn liền với truyền thống Tendai Núi Thiên Thai, chẳng hạn như Ennin (794–864) và Genshin (942–1017), đã thúc đẩy triết lý *Tendai*, nghi lễ bí truyền và thực hành niệm Phật (suy ngẫm về Tịnh Độ và trì tụng danh hiệu Đức Phật A Di Đà). Những nhà khổ hạnh lang thang như Kuya (903–972) đã đi lại giữa các trung tâm tu viện trên núi và chợ để chia sẻ giáo lý Tịnh Độ với người dân thường.

Kakuban (1095–1143), và sau đó là Dohan (1179–1252), đã tiếp cận sự hiểu biết bí truyền về thần chú và thúc đẩy ý tưởng rằng Đức Phật A Di Đà được biết nhiều nhất như là hơi thở cuộc sống của tất cả chúng sinh và rằng “tái sinh” ở cõi Tịnh Độ cũng giống như đạt được Phật quả trong chính thân này.

Vào thế kỷ thứ 12 và 13, quyền lực đang lên của tầng lớp samurai đã đẩy Nhật Bản vào hỗn loạn. Để ứng phó với sự biến động xã hội này, một cách tiếp cận bình đẳng đối với Phật giáo đã xuất hiện, nhấn mạnh con đường Tịnh Độ là mở ra cho những người bình thường, không chỉ cho những người tu tinh hoa. Các trường phái Tịnh Độ Nhật Bản thời trung cổ có xu hướng nhấn mạnh con đường Tịnh Độ

gần như loại trừ các tu tập như triết học kinh viện, thiền Zen và nghi lễ bí truyền, trong khi tiếp thu những hiểu biết triết học phát sinh từ những truyền thống đó.

Honen (1133–1212) là nhà cách mạng lớn của lịch sử Tịnh Độ Nhật Bản. Với hiểu biết uyên bác sâu rộng về triết học và thực hành Đại thừa, và đặc biệt là các tác phẩm của Shandao, *Honen* đã tìm kiếm giáo lý có hiệu quả nhất cho những người sống trong thời đại hỗn loạn và lo âu này.

Cuối cùng, *Honen* đã thấy việc trì tụng danh hiệu của Đức A Di Đà, “*Namu Amida Butsu*” (Nam mô A Di Đà Phật) là thực hành tinh yếu.

Bởi vì thực hành đơn giản này, có thể thực hiện được đối với tất cả mọi người, bất kể giới tính hay địa vị xã hội, nên nó thể hiện lòng từ bi và trí tuệ phổ quát của Đức Phật A Di Đà. *Honen* đã truyền cảm hứng cho một phong trào, mặc dù bị các thế lực đàn áp, nhưng cuối cùng đã chuyển đổi Phật giáo Nhật Bản bằng cách tạo ra một “Phật giáo Tịnh Độ”.

Đệ tử của *Honen* là *Shinran* (Thân Loan, 1173-1263) tự xem mình là “kẻ ngốc nghếch tóc tai râu ria” tuyên bố rằng mình thậm chí không có một học trò nào. Tuy nhiên, dòng truyền thừa Jodo Shinshu mà ông là người sáng lập lại là trường phái Phật giáo lớn nhất ở Nhật Bản và cũng là một trong những trường phái lâu đời và lớn nhất ở Châu Mỹ, khiến ông trở thành một trong những nhà tư tưởng Phật giáo có ảnh hưởng nhất trong lịch sử thế giới.

Shinran lập luận rằng tiến trình tu tập trên con đường đạo, sự tái sinh Tịnh Độ và sự đạt được giác ngộ không chỉ xảy ra thông qua nỗ lực lẻ loi một người. Thay vào đó, Đức Phật A Di Đà là động lực khiến chúng sinh tự nhiên thức tỉnh thông qua sự buông bỏ triệt để - một trải nghiệm được gọi là *shinjin*, “tâm tín thành” hoặc “giác ngộ”.

Phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong Phật giáo Tịnh Độ, và Shinran chịu ơn những người phụ nữ do ông đã thành công bằng nhiều cách trong cuộc đời mình. Nếu không có vợ ông, Eshinni, người hỗ trợ chức vụ sư trưởng của ông, và con gái ông, Kakushinni, người đã xây dựng lăng mộ dành riêng cho ông, Shinran có lẽ sẽ chẳng hơn gì một dấu ấn lịch sử.

Mặc dù Phật giáo Tịnh Độ vẫn còn ít được nghiên cứu và hiểu biết trong thế giới nói tiếng Anh, các học giả và hành giả ngày nay đang xây dựng những cây cầu mới với các trường phái Phật giáo khác và giúp mọi người hiểu Phật giáo Tịnh Độ thực sự là gì. Theo thời gian, sự sâu sắc và đa dạng của truyền thống Tịnh Độ sẽ sáng tỏ hơn. ■

Nguyên tác:

“A Brief History of Pure Land Buddhism”; Aaron Proffitt; tạp chí *Phật giáo Lion’s Roar*, 11/9/2024.

Tác giả Aaron Proffitt là Phó Giáo sư chuyên ngành Nghiên cứu Nhật Bản tại Đại học Albany-SUNY. Ông lấy bằng Tiến sĩ chuyên ngành Nghiên cứu Phật giáo tại Đại học Michigan năm 2015 và cuốn sách đầu tiên của ông, *Esoteric Pure Land Buddhism* (Phật giáo Tịnh Độ Bí truyền, Nhà xuất bản Đại học Hawaii, 2023), khám phá những cách mà Phật tử ở Đông Á sử dụng tư tưởng và thực hành Mật tông để đạt được tái sinh ở cõi Tịnh Độ.



Nhớ

MÙA XUÂN CỦA TUỔI TRẺ THANH NIÊN PHẬT GIÁO

Dương Kinh Thành

Duyên khởi đầu tiên của tôi phải nói đến là do được sanh ra trong một gia đình có niềm tin và tu học Phật đạo trong một chừng mực nhất định, nên các ý niệm bước vào con đường thiện lành này đã sớm được nảy mầm tươi tốt và thuận lợi. Từ những bước chân đầu tiên đó, mỗi một mùa xuân, ngoài việc thêm một tuổi mới lớn cũng đồng thời mừng thêm mỗi cánh cửa Phật học được mở thêm ra. Luôn rộn rã tươi vui như chính mùa xuân của cuộc đời. Mãi đến sau này, khi lớn lên và cho đến hôm nay mỗi khi nhìn nhớ lại trong lòng

mỗi anh em cũng cảm thấy được niềm vinh hạnh, không nuối tiếc cho một thời thanh xuân của mình đã không uổng phí. Trong những niềm vui đó, sự hân hoan, rộn rã của mùa xuân vẫn luôn ngập tràn trong các lần lễ hội trọng đại của Phật giáo như Xuất Gia, Phật Đản, Vu Lan và Thành Đạo, chưa kể đến các ngày lễ vía xen kẽ; đặc biệt trong các kỳ trại, các khóa huấn luyện các cấp theo từng bước trưởng thành. Mỗi một lần như thế, dường như thời gian không còn đủ để dành riêng cho những thú vui của tuổi trẻ ngoài xã hội, dù mùa xuân không dành cho riêng một ai hay thành phần xã hội nào. Bởi vì, như đã thưa: Mùa xuân đã luôn hằng hữu với tuổi trẻ Thanh niên Phật giáo.

Sống và tu học với sự hân hoan của từng mùa xuân như thế, sự trọn vẹn niềm hân hoan cũng đủ đầy trong ước nguyện dần thân mà dù với sắc áo của tổ chức hội đoàn nào đều được thể hiện qua ý nghĩa chiếc áo đồng phục mình đang mặc thường khi. Đạo lý Tứ Ân sâu xa cho đến hai vai gánh nặng lý tưởng Dân tộc và Đạo pháp cũng được hiện diện bên mình qua chiếc áo đồng phục (*Hai chiếc cầu vai bên trên hai vai áo đồng phục*).

Tất nhiên, khi nhắc tới mùa xuân cũng tức là nói đến niềm vui trong cuộc sống, điều đó ai cũng thừa hiểu và nhìn thấy. Với tuổi trẻ Phật giáo thì niềm vui cũng không khác nhiều, nhưng sẽ có khác khi cái tuổi mỗi một mình theo mùa xuân chờ đến được tăng lên thì trong lý tưởng phụng sự cũng như tu học. Trong đó, trình độ Phật học, hiểu biết Phật pháp cũng được tăng cao, mà trong đó mỗi một nghịch duyên của cuộc sống mình và ảnh hưởng của xã hội, cũng không làm mùa xuân của chúng ta bị xao động. Ngược lại, nó còn giúp làm tăng thêm giá trị đích thực của cuộc sống một thời tuổi trẻ.

Anh em chúng tôi qua mỗi một lần lễ, ngày vía hay những kỳ trại, hoặc những nhiệm vụ quan trọng khác của Đạo pháp và Dân tộc cần đến sức lực và niềm tin tuổi trẻ, đều là mỗi một mùa xuân, mang nhiều dáng vẻ và ý nghĩa khác nhau. Vì tất cả đều hân hoan, vui tươi chính là mùa xuân trong cuộc sống đạo vậy. Chính lời kệ của Mãn

Giác Thiên Sư (1052-1096) thời nhà Lý cũng đã minh chứng cho mùa xuân như thế: “*Đêm qua sân trước một nhành mai*”.

Chưa nhắc đến nghĩa vụ của một người con đất nước trong trách nhiệm Đạo pháp - Dân tộc của người Thanh niên Phật giáo đang mang nặng trên vai, anh em cũng đã lo tròn trách nhiệm của mình khi hòa nhập với cuộc sống xã hội theo từng giai đoạn chuyển mình. Ở đây, theo tìm hiểu được, với bề dày lịch sử hàng ngàn năm văn hiến của đất nước, hiện đã tạm thống kê các dòng chảy văn hóa của 54 dân tộc với 7.038 lễ hội dân gian (chiếm 88,36%); 332 lễ hội lịch sử (chiếm 4,16%); 544 lễ hội tôn giáo (chiếm 6,28%) và khác (chiếm 0,5%). Trong hàng ngàn năm lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, thì đã có hơn hai ngàn năm văn hóa Phật giáo phát triển và đồng hành theo từng bước đi lên của đất nước. Lịch sử và ảnh hưởng ra sao và đồng hành theo từng bước vui buồn với dân tộc mình ra sao, hẳn trong chúng ta đều đã nhìn thấy. Chỉ riêng các lễ hội của mùa xuân thôi cũng bằng bạc trong đó hình bóng xa hoặc gần của Phật giáo hai ngàn năm. Do vậy, người Thanh niên Phật giáo sống và hòa nhập một cách rất tự nhiên, không cần có một sự gò ép hay khó khăn nào để có thể phân biệt giữa đạo và đời. Đây là điều tuyệt vời nhất, tự hào nhất để mỗi người Thanh niên Phật giáo cống hiến hết mình cho lý tưởng Dân tộc và Đạo pháp mà người đi trước đã luôn khéo nhắc nhở.

Từ khả năng chuyên môn của từng cá nhân, đoàn thể anh em đang mặc màu áo, hỗ trợ cho Phật giáo mỗi nơi hoàn thành các Phật sự, tạo lập được niềm hân hoan cho mỗi kỳ lễ lớn. Các anh chị từng bảo rằng “*Mùa Xuân Phật Đản*”, “*Mùa Xuân Thành Đạo*” hay những mùa xuân của các ngày lễ vía, các kỳ trại, gặt hái được nhiều niềm vui khó có thể phai mờ trong muôn một.

Ngoài những thời gian tu học, sinh hoạt, khi cởi chiếc áo đồng phục của đoàn thể mình ra, phần nhiều anh chị em lại khoác lên mình chiếc áo tràng lam, hòa nhập vào hàng cư sĩ Phật tử tuyệt vời nhất, với các anh các chị và các bác lớn tuổi khác, tham gia vào các hoạt

động Phật sự địa phương, nhất là công việc hộ trì Tam bảo một cách chắc chắn và thường xuyên, trở thành gương tốt điển hình nơi trú xứ có ngôi chùa đang hoằng hóa.

Ngôi chùa lúc này với ngôi nhà mình đang trú ngụ một lần nữa trở thành mối dây khăng khít, là trực đi về rất thông dong với nhiều trách nhiệm lớn khác của một người cư sĩ Phật tử trẻ tuổi. Ngày trước, thời tuổi trẻ chúng tôi, khi chưa có phương tiện thông tin, điện thoại cầm tay, thì giữa vị trụ trì hay Ban hộ trì đều thông qua nhắn gửi trực tiếp; có khi là các bác lớn tuổi hay các chú điệu với nhau, mà vẫn hoan hỷ, vui tươi chi lạ! Rộn ràng, chật kín nhiệm vụ Phật sự thường khi là như vậy, hưởng chi những ngày giáp Tết, ngôi chùa với nhiệm vụ những anh em Thanh niên Phật giáo càng trở nên tất bật hơn mọi khi.

Không sao quên được có những ngày 30 Tết từ trưa cho đến chiều tối ngày ngày lễ Phật, sám hối đầu tiên để chuẩn bị cho đêm giao thừa. Anh em Thanh niên Phật giáo được tin tưởng giao phó nhiệm vụ túc trực, chia sẻ trách nhiệm với vài Tăng chúng trong chùa, như túc trực giữ phần đánh chuông trống Bát Nhã. Những nhiệm vụ đó còn được giữ nguyên cho đến giờ khắc làm lễ vía sanh thần Di Lặc Tôn Phật và chính thức đón giao thừa tại ngôi chùa mình nơi xóm thôn mình cư ngụ. Những tràng pháo dài, những hồi trống Bát Nhã rộn ràng khi đó là do chính những người Thanh niên Phật giáo, tuổi trẻ chúng mình đảm nhiệm.

Bây giờ lớn lên, trải qua nhiều giai đoạn thời gian với nhiều gam màu khác nhau; có anh chị đã chọn cho mình mỗi một cách sống tùy vào điều kiện hay hoàn cảnh riêng, nhưng ý chí và tâm hồn vẫn còn nguyên vẹn những mùa xuân của tuổi trẻ tuyệt vời Thanh niên Phật giáo. Những đoàn thể chưa hoặc không có điều kiện được tái thành lập để thu hút nhiều thành phần tuổi trẻ, thì vẫn còn giữ nguyên vẹn trong lòng nhiều ký ức và thành quả tuổi thanh xuân của mình đã cống hiến cho Dân tộc và Đạo pháp trong thời gian khó. Nhiều anh chị cựu

huynh trưởng, đoàn sinh còn muốn tiếp tục nuôi giữ tuổi thanh xuân của mình bằng cả tấm lòng tin yêu Đạo pháp, khuyến khích trao gởi cháu con của mình và sinh hoạt trong tổ chức GDPT. Có anh chị thì chuyên tu hạnh Bồ tát giới, chuyên làm người cư sĩ Phật tử nhờ vào quá trình sinh hoạt, tu học ngày trước, tạo lập thêm nhiều công hạnh mới cống hiến cho đạo tràng, làm vẻ vang thêm danh xưng những người Phật tử gương mẫu.

Bên chén trà thanh nhã của tuổi hoàng hôn, mùa xuân của tuổi trẻ Thanh niên Phật giáo vẫn còn phảng phất quanh đây với từng hương vị cuộc đời không kém phần thi vị. Dù bàn tay anh, bàn chân chị nào đó có yếu mòn theo thời gian và ánh mắt có còn xa xăm nhìn về phía chân trời chưa tắt nắng, nhưng trong lòng mỗi anh em vẫn là ý chí kim cương bất hoại, được kết tinh bằng chuỗi dài của chính tuổi thanh xuân tươi đẹp của mình dành cho Đạo pháp và Dân tộc ngày nào còn đó. Mùa xuân này, mùa xuân của mấy mươi năm sau nữa, mặc cho tuổi đời chông chất, thì ý chí cũng như tinh thần dấn thân ngày nào vẫn còn nằm nguyên vẹn, không nhạt phai.

Cảm ơn quãng thời thanh xuân với những mùa xuân tuyệt vời nhất của tuổi trẻ Thanh niên Phật giáo, đã kiến tạo nên nền tảng ký ức rất đẹp mà rồi đây sẽ còn truyền lại cho cháu con tuổi Oanh Vũ hồn nhiên cũng đang từng bước tung tăng theo ba mẹ, theo anh chị đến chùa học làm người con Phật có nền tảng chắc chắn nhất.■



TỬ DIỆU ĐẾ

Đính Văn Viễn

*Kiếp khổ trần gian, nghiệp xoay vần,
Thân tâm bức bách, khổ không ngần.
Tam khổ, bát khổ vây nhân thế,
Ái biệt, oán gia, mộng tâm thân.
Tập để nguồn sinh bao thống khổ,
Kiến Tư phiền não, nghiệp luân tròn.
Diệt để tịch diệt, lia mê chấp,
Bát Chánh trung đạo, ngộ chân nhân.*

TRẦN NHÂN TÔNG: ĐẠO – ĐỜI VIÊN DUNG

*Kiếp người, đạo pháp chẳng lừa xa,
Nhập thế từ bi, trí huệ hòa.
Phật tại thế gian, tâm tỏ ngộ,
Đời và đạo ấy, nghĩa vô bờ.
Đắt nước an lạc nhờ đức trí,
Dần yên, đất thịnh bởi lòng từ.
Trúc Lâm khai mở, đường thiền vững,
Chánh giác, từ bi tỏa ngọc tòa.*

Quân HỒI

*Sầu nẻo luân hồi, kiếp trâm luân,
Thành trụ, hoại, không, cảnh sắc trần.
Thân mang sinh, lão, rồi bệnh, tử,
Tâm chịu sinh, trụ, biến, diệt dần.
Tham ái, vô minh gây nghiệp chướng,
Phiền não kết thành chướng khổ nhân.
Trí tuệ sáng soi dòng thức chuyển,
Diệt mê, diệt khổ, thoát mê tân.*

Từ NIỆM XỨ

*Thân từ đại hợp, tạm hình hài,
Đất nước lửa hòa, sắc giả sai.
Khổ lạc chuyển dời theo tâm tưởng,
Không vui chẳng khổ, thoát trần ai.
Tâm vọng mê mờ trong huyễn cảnh,
Sắc hương tạo hóa hóa thành đài.
Pháp giới hữu vi đều tạm bợ,
Chánh niệm chân tâm mãi chẳng phai.*

Các bài giảng

LIÊN QUAN ĐẾN THẾ GIỚI

(Tiếp theo)

Hoang Phong

Anguttara Nikāya

III. Phạm Uruvelà

4.23. Thế Giới

- Nay các Tỷ-kheo, thế giới được Như Lai chánh đẳng giác. Như Lai không hệ lụy đối với đời.

Nay các Tỷ-kheo, thế giới tập khởi được Như Lai chánh đẳng giác. Thế giới tập khởi được Như Lai đoạn tận.

Nay các Tỷ-kheo, thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác. Thế giới đoạn diệt được Như Lai giác ngộ.

Nay các Tỷ-kheo, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai chánh đẳng giác. Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt được Như Lai tu tập.

Cái gì, nay các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tâm cầu, được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy, được gọi là Như Lai. Từ đêm, nay các Tỷ-kheo, Như Lai được chánh đẳng giác, đến đêm Như Lai nhập

Niết-bàn, trong thời gian ấy, điều gì Như Lai nói, nói lên, tuyên bố, tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy, được gọi là Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy. Vì rằng nói gì thì làm vậy, làm gì thì nói vậy, nên được gọi là Như Lai.

Này các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến đại tự tại, do vậy được gọi là Như Lai.

*Do thắng tri thế giới
Đúng như thật như vậy
Ly hệ mọi thế giới
Không chấp thủ thế giới
Thắng tất cả bậc trí
Giải thoát mọi buộc ràng
Cảm thọ tối thắng tịnh
Niết-bàn, không sợ hãi
Vị này đoạn lậu hoặc
Bậc Giác ngộ, Trí giả
Không dao động nhiều loạn
Nghỉ ngơi được chặt đứt
Đạt diện tận mọi nghiệp
Giải thoát diệt sanh y
Là Thế Tôn là Phật
Bậc Sư tử vô thượng
Trong thế giới, Thiên giới
Chuyển bánh xe pháp luân
Như vậy hàng Thiên, Nhân
Đến quy y đức Phật
Gặp nhau đánh lễ Ngài*

*Vĩ đại không sanh hữu
Điều phục bậc tối thượng
Trong người được điều phục
An tịnh bậc ẩn sĩ
Những người được an tịnh
Giải thoát bậc tối thượng
Những người được giải thoát
Vượt qua bậc tối thắng
Những người được vượt qua
Như vậy họ lễ Ngài
Vĩ đại, không sanh hữu
Thiên giới, thế giới này
Không ai được bằng ngài.*

(Nguyên văn bản dịch của HT Thích Minh Châu)

Bản dịch trên đây cho thấy những lời trong bài giảng là những lời do chính Đức Phật nêu lên. Tiếp theo dưới đây là bản dịch của HT Thích Tuệ Sỹ dựa vào kinh điển *Agama / A-hàm*, tức là kinh điển bằng tiếng Phạn đã được dịch sang tiếng Hán (阿含經 / *A-hàm Kinh*). Chữ *Agama / A-hàm* có nghĩa là ‘xuất phát hay thừa hưởng từ lâu đời’. Xin nhắc lại, kinh điển *Agama / A-hàm* là các kinh điển của các học phái xuất hiện khoảng một trăm năm sau khi Đức Phật tịch diệt, trong số này quan trọng nhất là hai học phái Sarvastivāda và Mahasanghika. Các kinh điển *Agama / A-hàm* là các kinh điển đã được ‘dịch lại’ từ kinh điển Pali với ít nhiều sửa đổi (?), phải chăng là để phù hợp với các quan điểm giáo lý chủ trương bởi các học phái sáng lập một trăm năm sau khi Đức Phật tịch diệt? Hơn thế nữa, khi được dịch sang tiếng Hán và sau đó là tiếng Việt, thì không sao tránh khỏi ít nhiều sơ sót. Trong khi đó thì kinh điển Pali thường được xem là xưa nhất và chính thống nhất của Phật giáo. Các kinh điển này được kết tập vài tháng sau khi Đức Phật tịch diệt và đã được hiệu đính vào thế kỷ

thứ III trước Tây lịch dưới triều đại của vua Azoka / A-dục, trước khi được đưa vào hòn đảo Tích Lan và được chính thức ghi chép trên các tờ lá bối vào thế kỷ thứ I trong niên đại của chúng ta.

Dưới đây là bản dịch bài giảng này dựa vào kinh điển *Agama / A-hàm*:

KINH TRUNG A-HÀM

Hán dịch: Phật Đà Da Xá và Trúc Phật Niệm

Việt dịch và hiệu chú: Thích Tuệ Sỹ

TP. Hồ Chí Minh 2002

137. KINH THẾ GIAN[1]

Tôi nghe như vậy:

Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

“Nhu Lai đã tự mình giác ngộ về thế gian và cũng nói lại cho người khác. Nhu Lai biết [02] thế gian. Nhu Lai tự giác ngộ về sự tập khởi của thế gian và cũng nói lại cho người khác. Nhu Lai đoạn trừ thế gian tập. Nhu Lai tự giác ngộ sự diệt tận của thế gian và cũng nói cho người khác. Nhu Lai chứng ngộ thế gian diệt. Nhu Lai tự giác ngộ đạo tích [03] của thế gian và cũng nói cho người khác. Nhu Lai tu thế gian đạo tích.

“Nếu có tất cả những gì cần được hiểu biết một cách toàn diện [04], tất cả những gì thì điều đó Nhu Lai đã biết, thấy, giác, ngộ, chứng đắc. Vì sao vậy? Nhu Lai từ đêm chứng ngộ Vô thượng chánh đẳng chánh giác cho đến ngày hôm nay vào lúc ban đêm sẽ đi vào tịch diệt trong Vô dư Niết-bàn giới [05]; trong khoảng thời gian giữa đó, nếu những gì được nói ra, được ứng đối từ chính miệng của Nhu Lai, tất cả những điều ấy đều là chắc thật, không hư vọng, không ra ngoài

sự Như [06], cũng không phải là điên đảo. Đó là sự chắc thật, là sự chân thật.

“Nếu nói về sự tử như thế nào, thì hãy nói về Như Lai cũng như vậy. Vì sao vậy? Như Lai ở giữa đại chúng nếu có giảng thuyết thì đó chính là tiếng rống của Sư tử [07].

“Đối với tất cả thế gian, Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí, từ trời đến người, Như Lai là Phạm Hữu [08]. Như Lai là Bạc Chí Lãnh [09] vì không phiền cũng không nhiệt. Như Lai là Bạc Chân Thật không hư vọng [10]”.

*Bấy giờ Thế Tôn liền nói bài kệ:
Biết tất cả thế gian;
Ra khỏi mọi thế gian;
Thuyết tất cả thế gian;
Trọn thế gian như thật [11]
Đấng Tối Tôn Đại Hùng
Giải thoát mọi triền phược,
Diệt tận hết thủy nghiệp,
Sanh tử đều giải thoát.
Là trời cũng là người,
Thấy đều quy mạng Phật.
Cúi đầu lễ Như Lai,
Đại dương sâu vô cực.
Chư Thiên, thần Hương âm [12],
Kính lạy Đấng Đã Biết.
Chúng sanh trong tử sanh,
Đều cúi đầu quy phục,
Cúi đầu lễ Trí sĩ;
Quy mạng Đấng Thượng Nhân;
Không trần lụy, vô ưu,*

*Vô ngại, các giải thoát;
 Vì vậy, hãy vui thiền,
 Sống viễn ly tịch tịnh.
 Hãy tự mình đốt đèn,
 Vì Như Lai khó gặp [13].
 Không gặp thời Như Lai,
 Đời sống trong địa ngục.*

Phật thuyết như vậy. Các Tỷ-kheo sau khi Phật thuyết, hoan hỷ phụng hành.

-
- [1] Tương đương Pāli A.4.23 Loka-sutta; tham chiếu It. 112 Loka.
- [2] Bốn Thánh đế, tri khổ, đoạn tập, chứng diệt và tu đạo.
- [3] Đạo tích 道跡; Pāli: paṭipāda, phương pháp, hay đường lối thực hành.
- [4] Nhất thiết tận phổ chánh hữu 一切盡普正有 (?) Có lẽ là (...) chánh tri, thay vì chánh hữu. Tham chiếu Pāli: yam... sadevakassa lokassa... sadevamanussasāya diṭṭhaṃ suttaṃ mutaṃ viññataṃ pattaṃ pariyesitaṃ anuvaritaṃ manasā sabbhaṃ taṃ tathāgataṃ abhisambuddhaṃ, thế giới này bao gồm Thiên giới, cho đến chư Thiên và nhân loại, những gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết đến, được đạt đến, được tầm cầu, được suy xét bởi ý; tất cả những cái ấy đều được Như Lai giác ngộ.
- [5] Vô dư Niết-bàn giới 無餘涅槃界. Pāli: anupādisesā nibbānadhātu.
- [6] Bất ly y như 不離於如. Pāli nói: sabbhaṃ taṃ tatheva hoti, no aññathā, tất cả những điều ấy chính thực là như vậy, không thể khác.
- [7] Pāli khác hẳn: nói như vậy thì cũng làm như vậy (...) cho nên gọi là Như Lai. Yathāvādī tathākārī (...) tathāgato vuccati.
- [8] Phạm Hữu 梵有 được hiểu là “Bậc Tối Diệu” (Pāli: Brahmabhūta, S.IV. Pp-95, M.I. P.111), không được đề cập trong bản Pāli.
- [9] Chí lãnh hữu 至冷有, cực kỳ mát lạnh, vì đã dập tắt các thứ lửa. Pāli:?
- [10] Chân đế bất hư hữu 真諦不虛有, không rõ Pāli. Đoạn văn Pāli được coi tương đương: (...) Tathāgato abhibhū anabhibhūti aññadṛatthudaso vasavattī, Như Lai là Vị chiến thắng, Vị không thể bị đánh bại, là Vị thấy tất cả, biết tất cả, tự do tự tại.
- [11] Pāli: sabbaṃ loke yathātatham, (biết) tất cả thế gian một cách như thật.
- [12] Hương âm thần 香音神, hay nhạc thần, hay Càn-thát-bà; Pāli: Gandhabba.
- [13] Vô ngã tất thất thời 無我必失時.

(Nguyên văn bản dịch và chú thích của HT Thích Tuệ Sỹ)

Bản dịch từ kinh điển *Agama / A-hàm* trên đây cho thấy rõ ràng là những lời do chính Đức Phật thuyết giảng. Chúng ta hãy nêu lên một câu trong bài giảng như sau: ‘*Nếu nói về sư tử như thế nào, thì hãy nói về Như Lai cũng như vậy. Vì sao vậy? Như Lai ở giữa đại chúng nếu có giảng thuyết thì đó chính là tiếng rống của Sư tử*’. Đức Phật là một người khiêm tốn, đơn sơ, một kẻ khát thực, không tự ví mình với một con sư tử hung dữ, Ngài là một người chỉ là ‘*Như Thế*’ (Như Lai / Tathāgata). Những lời thuyết giảng của Ngài là những lời chỉ dạy giúp con người nhận biết thế giới đúng với nó, nhưng không hề là các tiếng ‘*rống*’ của một con sư tử.

Dưới đây, cũng xin trích dẫn thêm bản dịch bài giảng này sang tiếng Hán dựa theo kinh điển Pali, nhằm giúp các độc giả rành tiếng Hán tìm hiểu thêm về bài giảng này:

增支部4集23經 世間經 (*Thế Gian Kinh*)

(「比丘們！世間被如來現正覺，如來是世間中的離繫者；比丘們！世間集被如來現正覺，對如來而言，世間集已被捨斷；比丘們！世間滅被如來現正覺，對如來而言，世間滅已被作證；比丘們！導向世間滅道跡被如來現正覺，對如來而言，導向世間滅道跡已被修習。)

比丘們！包括有諸天、魔、梵的世間；包括有諸沙門、婆羅門、天、人的世代中，凡其所見、所聞、所覺、所識、所得、所求、被意所隨行，一切都被如來現正覺，因此被稱為『如來』。而且，比丘們！凡在這如來現正覺無上遍正覺之夜，到般涅槃於無餘涅槃界之夜中間，他說、談、表明，一切都如實不異，因此被稱為『如來』。

比丘們！如來行如其言；言如其行，因此被稱為『如來』。

比丘們！包括有諸天、魔、梵的世間；包括有諸沙門、婆羅門、天、人的世代中，如來是征服者、不被征服者、全見者、自在者，因此被稱為『如來』。

證知世間一切後，在世間中一切如實，
世間的一切已離繫，在世間中一切無執著。
他實在是征服一切的賢者，一切束縛的解脫者，
最高的寂靜已被他接觸：無畏的涅槃。
這位煩惱已盡的覺者，無惱亂、已斷疑，
已達一切業的滅盡，在依著上消滅的解脫者。
這位世尊他是覺者，這位無上的雄獅，
對包括天的世間，梵輪已被他轉起。
像這樣，天與人，凡歸依佛陀者，
應會合禮敬你：大無畏者。

已調御，他是調御者 [中] 的最上者，已寂靜，他是使之寂靜者 [中] 的仙人，

已解脫，他是解脫者的最高者，已渡，他是已渡者的最上者。

像這樣，禮敬你：大無畏者，
在包括天的世間中，沒有與你對等者。」

Vài lời ghi chú

Đến đây, chúng ta lại tiếp tục trích dẫn một bài giảng ngắn, nêu lên thật ngắn gọn và trực tiếp các phương cách không trị những sự ám ảnh dục tính nói đến trong bài giảng trên đây:

Bài giảng về những kẻ bảo vệ thế giới **Lokapāla Sutta - AN 2.9**

(Dựa theo các bản dịch tiếng Anh của John D. Ireland, Thanissaro Bhikkhu, Bhikkhu Sujato và bản tiếng Pháp của Bhikkhu Sekha)

Hậu ngữ *pāla* trong chữ *Lokapāla* tựa của bài giảng, có nghĩa là ‘người bảo vệ’ hay ‘người canh chừng’ (a guard, a protector). Bài giảng này cũng thấy được ghi chép lại trong tập *Itivuttaka* (nguyên nghĩa của chữ này là ‘Những điều đã được nói lên như vậy’, kinh sách Hán ngữ gọi là ‘Như Thị Ngữ Kinh’, là một tập gộp chung 112 bài giảng ngắn của Đức Phật). Bài giảng này như sau:

“Này các tỳ-kheo, có hai kẻ bảo vệ [mang các phẩm tính] rạng ngời (bright / sáng chói) có thể bảo vệ cho thế giới. Vậy hai kẻ bảo vệ ấy là gì? Biết **xấu hổ** và biết **hối hận**. Khi hai kẻ bảo vệ rạng ngời ấy không còn bảo vệ được thế giới nữa, thì nào có còn nhận biết được người ấy là ‘mẹ mình’, nào có còn nhận biết được người ấy là ‘chị hay em gái của mẹ mình’ (aunt / cô, dì, thím, bác của mình), nào có còn nhận biết được người ấy là ‘vợ của chú hay của bác mình’ (uncle / chú, bác, cậu, dượng của mình), nào có còn nhận biết được người ấy là ‘vợ của thầy mình’, hoặc nào có còn nhận biết được người ấy là ‘vợ của những người mà mình kính nể’.

Thế giới sẽ lâm vào cảnh loạn luân (promiscuity), tương tự như đàn dê đực và đám dê cái, như bầy gà trống hay đàn heo đực, hoặc như bầy chó đực hay đàn chó rừng (jackal / chacal). Sở dĩ, hai kẻ bảo vệ [mang các phẩm tính] sáng chói ấy có thể bảo vệ được thế giới, thì đây là nhờ vào sự nhận biết (recognition / sự ý thức) đây là ‘mẹ mình’, nhờ vào sự ý thức đây là ‘chị hay em gái của mẹ mình’, nhờ vào sự nhận biết đây là ‘vợ của chú hay của bác mình’, nhờ vào sự nhận biết đây là ‘vợ của thầy mình’ và đây là ‘vợ của những người mà mình kính nể’ ”.



Trong tập *Itivuttaka* (*Như Thị Ngữ Kinh*), bài giảng này được ghép thêm các câu ‘kệ’, do đó các câu này có thể là các câu xuất hiện muộn:

*Đối với những người
Mà sự xấu hổ và hối hận
Không mấy khi hiện lên với họ,
Thì đây là những người
Đánh mất cả cội nguồn của sự rạng ngời.
Họ sẽ không sao tránh khỏi sự sinh và cái chết.
Thế nhưng đối với những người
Biết xấu hổ và hối hận,
Thực hiện được một cuộc sống thánh thiện,
Thì họ sẽ tìm được sự thanh thản,
Và sự hình thành sẽ chấm dứt
Với họ trong tương lai.*

Vài lời ghi chú

Hầu hết các bản dịch sang các ngôn ngữ Tây phương được tham khảo đều dịch chữ *pāla* trong chữ *Lokapāla*, tựa của bài giảng, là ‘phẩm tính’, ‘nguyên tắc’, thế nhưng nghĩa từ chương của chữ này là kẻ bảo vệ (guard, keeper, protector). Duy nhất chỉ có bản dịch của nhà sư Thanissaro Bhikkhu là dịch đúng chữ này là ‘kẻ bảo vệ’, cách dịch này từ chương và trung thực hơn cả. Đó là cách Đức Phật nhân cách hóa hai phẩm tính ‘*biết xấu hổ*’ và ‘*biết hối hận*’ với hai kẻ bảo vệ gia đình và xã hội, tức là thế giới.

Các lời cảnh giác của Đức Phật thật đanh thép, không một chút nhân nhượng, đánh thẳng vào các ý nghĩ đen tối phát sinh từ bản năng truyền giống của con người và cả cầm thú. Nói một cách khác mở rộng hơn, thì các ý nghĩ ấy là các sự tạo tác tâm thần (*saṅkhāra*) đưa đến sự hình thành của thế giới dục tính bên trong tâm thức của mỗi cá thể. Dập tắt được bản năng đó, các ý nghĩ đen tối đó là cả một sự gay

go, dù là đối với người thể tục hay người tu hành, dù bước theo tôn giáo này hay tôn giáo kia thì cũng vậy.

Qua một góc nhìn khác, thì thật hết sức rõ ràng Đức Phật không những thuyết giảng các sự hiểu biết siêu việt trong các lãnh vực tư tưởng và triết học, mà còn khuyên dạy những điều thiết thực, trực tiếp, cụ thể và thực dụng, giúp con người không chế các ý nghĩ đen tối, u mê và lầm lẫn, có thể đưa đến các hành động đồi bại, tạo ra một xã hội phi đạo đức, một thế giới đảo điên.

Xin trích dẫn dưới đây bản dịch của bài giảng này trong *Đại Tạng Kinh* tiếng Việt để độc giả tiện tham khảo thêm.

Anguttara Nikāya / Kinh Tăng Chi Bộ

Phẩm Hình Phật – 2.1-10.

Hai Loại Tội

Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là pháp đen. Thế nào là hai? Không tầm (*tầm là tiếng Hán, có nghĩa là xấu hổ*) và không quý (*là tiếng Hán, có nghĩa là e thẹn*). Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp đen. Hai pháp này, này các Tỷ-kheo, là pháp trắng. Thế nào là hai? Tầm và quý. Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là hai pháp trắng (*trong các bản dịch sang các ngôn ngữ Tây phương thì sự xấu hổ và hối hận không hề là các hình phạt hay tội phạm, trái lại là các phẩm tính rạng ngời, bởi vì hai phẩm tính đó sẽ giúp mình không vi phạm vào những điều tai hại và tội tệ. Đen và trắng là cách dịch từ chương, các chữ này phải chăng là có ý nói lên tính cách hữu ích của các phẩm tính xấu hổ và hối hận và sự tai hại của các ý nghĩ đen tối?*).

Hai pháp trắng này, này các Tỷ-kheo, che chở cho thế giới. Thế nào là hai? Tầm và quý. Nếu hai pháp trắng này, không che chở cho thế giới, thì không thể chỉ được đây là mẹ hay là em, chị của mẹ, hay đây là vợ của anh hay em của mẹ, hay đây là vợ của thầy hay đây là vợ của các vị tôn trưởng. Và thế giới sẽ đi đến hỗn loạn như giữa

các loài dê, loài gà vịt, loài heo, loài chó, loài dã can. Vì rằng, này các Tỳ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho thế giới, nên mới có thể chỉ được đây là mẹ hay đây là chị em của mẹ, hay đây là vợ của anh hay em của mẹ, hay đây là vợ của thầy hay đây là vợ của các vị tôn trưởng.

(Nguyên văn bản dịch của HT Thích Minh Châu trong *Đại Tạng Kinh*)

Ngoài ra, HT Thích Minh Châu cũng có dịch toàn bộ tập *Itivuttaka* mang tựa là ‘*Kinh Phật thuyết như vậy*’ (Thiền Viện Vạn Hạnh, 1978), trong khi đó kinh sách Hán ngữ thì gọi tập ‘kinh’ này là ‘*Như Thị Ngữ Kinh*’. Bản dịch của Hòa thượng trong tập kinh này gần với tiếng Việt hơn so với bản dịch của Hòa thượng trong *Đại Tạng Kinh*. Tuy nhiên giữa hai bản dịch này cũng có một vài điểm khác biệt, do vậy xin trích dẫn thêm bản dịch này của Hòa thượng trong tập *Itivuttaka* để độc giả tiện đối chiếu và tìm hiểu cặn kẽ hơn về bài giảng này:

(XLLII) (Duk. II, 5) (It. 36)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe: Này các Tỳ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời. Thế nào là hai? Xấu hổ và sợ hãi. Này các Tỳ-kheo, nếu hai pháp này không che chở cho đời, thời ở đây không có sự phân biệt giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh em của mẹ, hay giữa vợ của bậc giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng; thế giới sẽ rơi vào loạn luân như các loài dê cừu, gia cầm, heo, chó và các con chó rừng. Vì rằng, này các Tỳ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời, cho nên ở đây có sự phân biệt giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh em của mẹ, hay vợ của bậc giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Với những ai không có,
 Xấu hổ và sợ hãi,
 Liên tục và thường xuyên,
 Họ đi xuống bào thai,
 Dựa trên gốc tinh dịch
 Họ đi đến sanh tử,
 Với những ai chánh trí,
 Xấu hổ và sợ hãi,
 Liên tục và thường xuyên,
 Vẫn trú trên Phạm hạnh,
 Họ được sự an tịnh,
 Tái sanh được diệt tận.

(Nguyên văn bản dịch của HT Thích Minh Châu trong tập Itivuttaka)

Đến đây, chúng ta lại trích dẫn thêm một bài giảng khác mang tựa là *Bài giảng cho Ānanda / Ānanda Sutta - AN 3.32*, để đối chiếu với hai bài giảng đã được trích dẫn trên đây là ‘*Bài giảng về sự ám ảnh tâm thần*’ và ‘*Bài giảng về hai kẻ bảo vệ thế giới*’.

Bài giảng cho Ānanda

Ānanda Sutta - AN 3:32

(Dựa theo các bản dịch tiếng Anh của Thanissaro Bhikkhu, Bikkhu Sujato, Bhikkhu Bodhi và Suddhāso Bhikkhu)

Ngài Ānanda tìm gặp Đấng Thế Tôn, khi đến nơi thì vái chào Thế Tôn và ngồi sang một bên. Sau khi an tọa thì Ngài Ānanda cất lời hỏi Thế Tôn như sau: “Thưa Thế Tôn:

- Một người tỳ-kheo có thể nào đạt được một cấp bậc tập trung tâm thần đến mức độ tạo ra [thể dạng] ‘không có cái tôi’, cũng không tạo ra ‘cái của tôi’, là những thứ khiến làm phát sinh ra sự ý thức về con người của mình (conceit-obsession / sự cảm nhận, sự tự nhận

diện về chính mình, ý thức về sự hiện hữu của mình) trong khi thân xác mình vẫn còn hàm chứa tri thức (câu này có nghĩa là trong lúc hành thiền thì người tỳ-kheo có thể nào thực hiện được thể dạng hoàn toàn không có ‘cái tôi’ cũng không có bất cứ gì là ‘cái của tôi’ cả, trong khi mà mình vẫn còn ý thức được con người của mình, thân xác của mình, sự hiện hữu của mình?);

- [Hoặc] người tỳ-kheo có thể nào tạo ra [thể dạng] không có ‘cái tôi’, cũng không tạo ra ‘cái của tôi’, khiến làm phát sinh ra sự tự nhận (sự cảm nhận, sự ý thức) về con người của mình khác với các sự vật bên ngoài (sự lôi cuốn của các sự vật bên ngoài khiến làm phát sinh ra *chủ thể* là ‘cái tôi’ giữ vai trò nhận biết, và các sự vật bên ngoài sẽ trở thành các *đối tượng* của sự nhận biết của ‘cái tôi’ đó. Thắc mắc nêu lên là trong khi hành thiền thì có thể nào làm hoàn toàn tan biến được ‘cái tôi’ và ‘cái của tôi’ hay không, trong khi mà mình vẫn còn ý thức được sự phân biệt, sự tách biệt, giữa con người của mình và các sự vật trong khung cảnh bên ngoài, qua cặp đối ngẫu ‘chủ thể’ và ‘đối tượng’?);

- [Hoặc] người tỳ-kheo có thể nào tạo ra [thể dạng] không có ‘cái tôi’, cũng không tạo ra ‘cái của tôi’, khiến làm phát sinh ra sự tự nhận về con người của mình, hầu giúp mình hòa nhập và an trú trong thể dạng tỏa rộng của sự tỉnh thức (awareness-release) và sự tỏa rộng của sự nhận thức (discernment-release) trong khi mà mình không tạo ra bất cứ một sự tạo tác nào về ‘cái tôi’, cũng không tạo ra bất cứ một sự tạo tác nào về ‘cái của tôi’, khiến làm phát sinh ra sự tự nhận về con người của mình, [tương tự] như trường hợp của một người nào đó đã [thật sự] thực hiện được sự hòa nhập và an trú trong thể dạng không có ‘cái tôi’, cũng không có ‘cái của tôi’, khiến đưa đến sự ám ảnh về chính mình hay không?”.

“Này Ānanda, điều đó (thể dạng đó) có thể thực hiện được, người tỳ-kheo có thể đạt được một thể dạng tập trung tâm thần đến mức độ có thể tạo ra [thể dạng] không có ‘cái tôi’,... [lập lại câu trên đây].

“Thế nhưng, thưa Thế Tôn, bằng cách nào mà người tỳ-kheo lại có thể thực hiện được một sự tập trung tâm thần đến mức độ đó...?”

“Này Ānanda, đây là trường hợp mà người tỳ-kheo nhận thức được qua cách [suy nghĩ]: ‘Đây là sự an bình (peace / sự bình lặng), đây là sự thanh thoát (exquisite / sự tuyệt diệu) – làm lắng xuống tất cả mọi sự tạo tác; buông bỏ tất cả mọi sự chiếm hữu; tạo được sự chấm dứt đối với mọi sự thèm khát; tìm thấy sự thanh thân (dispassion / không đam mê, thản nhiên, dửng dưng); tạo được sự dừng lại (cessation / không hình thành); thực hiện được sự giải thoát (unbiding / sự vượt thoát, sự cõi trời)’. Đây là cách giúp người tỳ-kheo đạt được sự tập trung tâm thần đến mức độ không còn tạo ra ‘cái tôi’ cũng không còn tạo ra ‘cái của tôi’, là những thứ làm phát sinh ra sự ý thức (sự tự nhận) về con người của mình trong khi thân xác vẫn còn hàm chứa tri thức; [hoặc] người tỳ-kheo ấy không còn tạo ra ‘cái tôi’, cũng không còn tạo ra ‘cái của tôi’, là những thứ làm phát sinh ra sự ý thức (sự tự nhận) về con người của mình, khác với các sự vật bên ngoài (tức là những gì xảy ra chung quanh mình và trong thế giới); [hoặc] người tỳ-kheo ấy không còn tạo ra ‘cái tôi’, cũng không còn tạo ra ‘cái của tôi’, hầu giúp mình hòa nhập và an trú trong thể dạng tỏa rộng của sự tỉnh thức và sự nhận thức, trong khi không có sự tạo tác nào về ‘cái tôi’, cũng không có sự tạo tác nào về ‘cái của tôi’, là những thứ làm hiện lên sự tự nhận (sự ám ảnh) về con người của mình, [tương tự] như trường hợp của một người đã [thật sự] hoà nhập được và an trú được trong thể dạng không có ‘cái tôi’, cũng không có ‘cái của tôi’, là những thứ làm hiện lên sự tự nhận (sự ám ảnh) về con người của mình.

“Thật ra, ta cũng đã từng nêu lên các điều này khi trả lời ‘Các câu hỏi của Puṇṇaka’ (Puṇṇaka-māṇava-pucchā / Puṇṇaka’s Questions, nêu lên trong một bài giảng khác) thuộc phân đoạn giải thích về các Pārāyana (chữ Pārāyana có nghĩa là ‘Chủ đích tối hậu’ / final aim,

chief object. Các ‘Chủ đích’ này được tìm thấy trong Sutta Nipata / Kinh Tập, thuộc Khuddhaka Nikaya / Tiểu Bộ Kinh, qua các câu 1043 đến 1048. Các câu này sẽ được chuyển ngữ trong phần ghi chú dưới đây. Ngoài ra bài giảng này cũng được kèm thêm các câu kệ như sau).

Đối với một người khi đã thăm dò được

Sự thăng trầm của thế giới,

Thì sẽ chẳng có gì khiến mình

Phải xao xuyến trong thế giới.

Những gì tôi tậ [trong tâm thức, qua ngôn từ và trên thân xác]

Đều tan biến hết.

Không mong cầu gì cả,

Thanh thản và an bình.

Này Ānanda, ta bảo với Ānanda rằng:

Con người ấy đã thoát ra khỏi sự sinh,

Và cả sự già nua.

Vài lời ghi chú

Trước hết, chúng ta hãy trở lại với hai bài giảng trích dẫn trước *Bài giảng cho Ānanda* (AN 3.32) trên đây: bài thứ nhất là *Bài giảng về sự ám ảnh tâm thần* (AN 1.1-10) nêu lên các sự thúc đẩy bản năng của người đàn ông và người đàn bà tạo ra cả một thế giới dục tính cho họ, và bài thứ hai là *Bài giảng về hai kẻ bảo vệ thế giới* (AN 2.9) biểu trưng cho hai phẩm tính ‘biết xấu hổ’ và ‘biết hối hận’ giúp họ bảo vệ luân thường cho thế giới. Hai bài giảng này, thật hết sức rõ ràng, nêu lên các lời khuyên thuộc lãnh vực đạo đức xã hội, nhằm cảnh giác người đàn ông và người đàn bà trước các ý nghĩ đen tối của họ trong lãnh vực tính dục, có thể đưa đến các hành động đồi bại

từ trong khung cảnh gia đình cho đến bên ngoài xã hội. Nếu hai bài thuyết giảng đó nêu lên các lời khuyên mang tính cách đại chúng, áp dụng cho tất cả những người đàn ông và đàn bà trong xã hội, thì trái lại *Bài giảng cho Ānanda* (AN 3.32) trên đây nêu lên các lời giải thích về một cấp bậc tu tập và hiểu biết thật cao, dành cho một vị tỳ-kheo uyên bác trong Tăng đoàn là Ānanda.

Người tỳ-kheo thuật lại bài giảng này gọi Ānanda là Ngài Ānanda, điều đó cho thấy Ānanda là một vị tỳ-kheo ‘trưởng lão’ và uyên bác trong Tăng đoàn. Ngài Ānanda hỏi Đức Phật là trong lúc thiền định và sau khi đã thực hiện được thể dạng cảm nhận không có ‘cái tôi’, cũng không có bất cứ một thứ gì gọi là ‘cái của tôi’ cả, thì người hành thiền có còn ý thức được sự hiện hữu về con người của mình hay không, trong khi thân xác mình vẫn còn hàm chứa một tri thức. Thắc mắc đó nêu lên một thể dạng thực hiện thật sâu xa và vô cùng tinh tế trong phép luyện tập thiền định.

Nếu bài giảng về các sự ám ảnh trong tâm trí của người đàn ông và người đàn bà và bài giảng về hai kẻ bảo vệ thể giới là sự xấu hổ và biết hối hận, là hai bài giảng mang tính cách đại chúng, thì *Bài giảng cho Ānanda* (AN – 3.32) nêu lên thể dạng trống không của ‘cái tôi’ và những gì gọi là ‘cái của tôi’, là một bài giảng thuộc một cấp bậc tu tập thượng thặng, đã xóa bỏ được các ý nghĩ đen tối thúc đẩy bởi bản năng truyền giống. Điều đó cho thấy giáo lý của Đức Phật luôn mạch lạc, trung thực và chính xác, dù là giảng cho những người bình dị hay những người đã thực hiện được các cấp bậc quán thấy thật cao. Sự ý thức đó về nội dung và các cấp bậc hiểu biết trong các bài giảng thật hết cần thiết trong việc học hỏi và tìm hiểu Giáo huấn của Đức Phật.

Sau đây, xin trích dẫn bản dịch *Bài giảng cho Ānanda* (AN 3.32) trong *Đại Tạng Kinh* tiếng Việt để bổ túc thêm cho bản dịch trên đây:

Anguttara Nikāya
IV. Phẩm Sứ Giả Của Trời
3.32. Ānanda

Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên; ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

- Rất có thể, bạch Thế Tôn, một Tỳ-kheo được định như vậy, trong cái thân có thức này, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; đối với tất cả tướng ở ngoài, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; và do chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát, không có ngã kiến, ngã sở kiến, ngã mạn tùy miên; vị ấy có thể chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy.

- Rất có thể, này, Ānanda, một Tỳ-kheo được định như vậy... có thể chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy.

- Như thế nào, bạch Thế Tôn, rất có thể, một Tỳ-kheo được định như vậy... có thể chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát ấy?

- Ở đây, này Ānanda, vị Tỳ-kheo suy nghĩ như sau: “Đây là an tịnh, đây là thù diệu, tức là chỉ tức tất cả hành, từ bỏ tất cả sanh y, đoạn tận tham, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn”. Như vậy, này Ānanda, rất có thể Tỳ-kheo được định như vậy,... có thể chứng đạt và an trú tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Lại nữa, này Ānanda, liên hệ đến vấn đề này, Ta đã nói như sau trong kinh tên là “*Những câu hỏi của Puṇṇaka*”, chương về *Pàràyana*.

*Do phân tích ở đời
Những vật cao và thấp
Với vị không dao động
Bởi vật gì ở đời,
An tịnh, không tối mù,
Không phiền muộn, không cầu*

*Ta nói người như vậy,
Đã vượt khỏi sanh già.*

(Nguyên văn bản dịch của HT Thích Minh Châu)

Trong câu cuối bài giảng, Đức Phật có nhắc lại với người tỳ kheo Ānanda là Ngài đã từng nêu lên vấn đề này trong các câu trả lời cho các câu hỏi của *Puṇṇaka*. Các câu trả lời này được ghi chép trong *Khuddakha Nikaya / Tiểu Bộ Kinh* trong tập *Sutta Nipata / Kinh Tập* và được đánh số Sn 5.3. Vậy cũng xin trích dẫn thêm để bổ túc cho bản dịch *Bài giảng cho Ananda* trên đây:

CÁC CÂU HỎI CỦA PUNṆAKA

PUNṆAKA-MANAVA-PUCCHA - Sn 5.3

*(Dựa theo các bản dịch tiếng Anh của Thanissaro Bhikkhu
và John Ireland)*

Puṇṇaka là một vị tỳ-kheo trong Tăng đoàn. Các chi tiết về nhân vật này sẽ được nêu lên trong phần ghi chú. Sau đây là các câu hỏi của *Puṇṇaka* và các câu trả lời của Đức Phật:

Puṇṇaka [hỏi Đức Phật]:

Trước một vị không hề nao núng (tức là Đức Phật),

Thấu triệt được cội nguồn [của mọi sự vật],

Kẻ [hèn mọn] này xin nêu lên một câu hỏi:

*Tại sao lại có nhiều người sáng suốt (seer / những người thấy xa
hiểu rộng),*

*[Chẳng hạn như] các chiến binh cao quý, các vị Bà-la-môn
(tức là những người thuộc đẳng cấp cao nhất trong số bốn đẳng cấp
xã hội),*

*Lại sử dụng việc cúng tế (cúng dường lễ vật, kể cả việc hiến sinh
trong Ấn giáo) các vị Thiên nhân (các vị Trời trong Ấn giáo)?*

Thưa Thế Tôn, xin khẩn cầu Thế Tôn hãy trả lời cho kẻ [hèn mọn] này về câu hỏi ấy.

Đức Phật [trả lời Puṇṇaka]:

Những con người sáng suốt ấy,

Các chiến binh cao quý ấy, các vị Bà-la-môn ấy,

Sở dĩ sử dụng việc cúng tế trong thế giới này

Để [mượn dịp] hiến dâng lễ vật cho các Thiên nhân,

Là vì họ ước mong, nhờ vào việc cúng tế bằng cách hiến dâng lễ vật ấy,

Họ sẽ vượt được xa hơn thể dạng hiện hữu này của họ (được thụ hưởng nhiều hơn, được sống lâu hơn trong kiếp sống hiện tại này của họ),

Bởi vì họ [cảm thấy] mình ngày càng già đi.

Puṇṇaka:

Có những người sáng suốt,

[Họ là] các chiến binh cao quý, các vị Bà-la-môn,

[Thế nhưng] họ lại sử dụng việc cúng tế trong thế giới này,

Để hiến dâng lễ vật cho các vị thiên nhân.

Vậy thì, thưa Thế Tôn, khi chọn con đường (phương tiện) cúng tế,

Thì họ có vượt thoát được sự sinh và sự già nua hay không?

Thưa Thế Tôn, xin khẩn cầu Thế Tôn hãy trả lời cho kẻ [hèn mọn] này về câu hỏi ấy.

Đức Phật:

[Chẳng qua là vì] họ luôn ước mong, thụ hưởng và thèm khát,

Nên họ thực hiện việc cúng tế.

Họ ước mong tìm được các thú vui dục tính,

Chạy theo các sự lợi lộc.

Ta bảo với Puṇṇaka rằng:

Những kẻ tự buộc vào cổ mình cái ách cứng tế,

Say mê sự thèm khát được hình thành,

Sẽ không sao thoát ra khỏi sự sinh và sự già nua.

Puṇṇaka:

Nếu những ai tự buộc vào cổ mình cái ách cứng tế,

Thì sẽ không sao vượt qua được dòng nước cuốn,

Vậy thì thưa Ngài, có những ai trong thế giới này,

Dù họ là thiên nhân hay con người,

Có thể vượt thoát được sự sinh và sự già nua hay chăng?

Thưa Thế Tôn, xin khẩn cầu Thế Tôn hãy trả lời cho kẻ [hèn mọn] này về câu hỏi ấy.

Đức Phật:

Đấy là trường hợp của một người,

Khi đã thấu triệt được sự thăng trầm của thế giới (thấy xa hiểu rộng),

Thì sẽ chẳng có gì trong thế giới khiến người ấy phải xao xuyến,

Các thói hư (vices / các tật xấu, các ý nghĩ [dục tính] đồi bại) đều tan biến hết.

Không thèm khát, không dao động,

Người ấy sẽ tạo được cho mình sự an bình.

Ta bảo với Puṇṇaka rằng:

Người ấy đã thoát ra khỏi sự sinh và sự già nua.

Vài lời ghi chú

Puṇṇaka là một thanh niên còn trẻ, thương gia trong một đoàn xe lưu động (caravan). Tên gọi Puṇṇaka của người thanh niên này là một từ ghép (Puṇṇa+ka), *Puṇṇa* là tên gọi, *ka* có nghĩa là bình dị. Vào một dịp khi đoàn xe buôn đến kinh thành Sāvattthī (Xá Vệ) thì người thanh niên bình dị này được dịp nghe Đức Phật thuyết giảng, và sau đó đã quyết định rời bỏ đoàn thương buôn và xin gia nhập Tăng đoàn. Đức Phật rất chú ý đến người tỳ-kheo trẻ tuổi này. Một hôm, Puṇṇaka xin Đức Phật thuyết giảng riêng cho mình một bài giảng giúp mình tự học hỏi và tu tập sau khi rời Tăng đoàn trở về quê quán của mình nơi xứ Sunāparanta. Đức Phật bèn giảng cho người tỳ-kheo Puṇṇaka một bài giảng mang tựa là *Puṇṇovāda Sutta / Các lời khuyên dành cho Puṇṇa*. Bài giảng này được ghi chép lại trong *Majjima Nikaya / Trung Bộ Kinh* và được đánh số MN 145. Sau khi trở về quê quán, người thanh niên Puṇṇa tiếp tục tu tập và đạt được cấp bậc arahant / a-la-hán, sau đó thì đứng ra giảng dạy và quy tụ được rất nhiều môn đệ. Puṇṇaka, nay đã trở thành một vị thầy, dựng lên một chiếc am toàn bằng gỗ đàn hương, sau đó thì nhờ người mang một cành hoa biếu tặng Đức Phật, ngụ ý mời Đức Phật viếng quê hương mình. Đức Phật thân hành đến nơi này cùng với năm trăm vị Arahant trong Tăng đoàn. Ngài nghỉ một đêm trong chiếc am và sáng hôm sau thì cùng với đoàn tùy tùng ra đi trước khi mặt trời mọc (viết theo tư liệu của Wisdom Library).

Mạn phép giải thích dài dòng về các bài thuyết giảng của Đức Phật trên đây là nhằm mục đích nêu lên một thí dụ cụ thể, trước hết là sự mạch lạc và sau đó là các cấp bậc hiểu biết khác nhau trong toàn bộ Giáo huấn của Đức Phật. Vì vậy, mỗi khi muốn tìm hiểu một bài thuyết giảng của Đức Phật thì phải đặt nó trong khung cảnh không gian và thời gian của nó, cùng các các tình tiết liên hệ với nó, kể cả cấp bậc hiểu biết và thấu triệt phù hợp với khả năng của người nghe.

Nếu tách rời một bài giảng ra khỏi các khía cạnh và yếu tố đó, thì quả khó nắm bắt được ý nghĩa trung thực, sâu sắc và mạch lạc trong toàn bộ *Dhamma* của Đấng Thế Tôn.

Ngoài ra bài giảng về *Các câu hỏi của Puṇṇaka* trên đây cũng đã được cư sĩ học giả Nguyên Giác phiên dịch và bình giải trong quyển sách của ông mang tựa *Kinh Nhật Tụng Sơ Thời* (Ananda Viet Foundation, 2018, tr. 114-115). Do vậy, cũng xin mạn phép trích dẫn dưới đây để độc giả tiện tham khảo thêm:

**Sn 5.3: *Punnaka-Manava-Puccha*
Các câu hỏi của Puṇṇaka
(dịch giả Nguyên Giác)**

Lời mở đầu của dịch giả Nguyên Giác:

Nghi lễ tôn giáo vô ích. Cúng lễ, hiến tế vô ích. Giải thoát là người đã thấy được xa và gần trong thế giới này (has discerned far and near in the world). Xa và gần là gì? Có thể hiểu như Kinh Sn 5.2. Nhưng Kinh Sn 5.3 không nói gì về chặng giữa, cho nên “xa và gần” có thể hiểu như nhìn thấy trong chánh niệm các pháp tập khởi và biến diệt. Đức Phật cũng dạy là phải vắng lặng và tỉnh thức, và xa lìa tham với sân.

Tóm lược ý kinh: Vắng lặng và tỉnh thức, xa lìa tham sân. Chuyện nghi lễ, cúng tế chỉ vô ích.

Kinh này gồm các bài kệ từ 1043 tới 1048.

Bài giảng như sau:

1043. [Puṇṇaka] Đối trước người bất động, người đã thấy cội rễ, con xin nêu câu hỏi: Vì sao nhiều đạo sĩ, dân chúng, giới quý tộc và giới bà la môn trong thế giới này cúng lễ các vị thiên? Xin Đức Phật trả lời cho con.

1044. [Đức Phật] Hỡi Punṇaka, bất kỳ các đạo sĩ, dân chúng, quý tộc và ba la môn đó cúng lễ các vị thiên, vì họ khao khát tái sinh. Khi họ già yếu, họ cúng lễ.

1045. [Punṇaka] Các đạo sĩ, dân chúng, quý tộc và Bà la môn đó cúng lễ các vị thiên, dâng lễ hiến tế các vị thiên. Bạch Thế Tôn, những người tinh tấn theo con đường cúng lễ có vượt qua được sinh và già hay không? Xin Đức Phật trả lời cho con.

1046. [Đức Phật] Hy vọng, cầu nguyện, thèm khát và cúng lễ hiến tế. Thèm khát có niềm vui thọ lạc, như thế là họ muốn kiếm thêm. Do vậy họ cúng lễ hiến tế, ham muốn để tái sinh. Ta nói rằng, họ không vượt qua được sinh và già.

1047. [Punṇaka] Bạch Thế Tôn, nếu những người cúng lễ hiến tế không vượt qua sinh và già, thì ai trong cõi trời và người đã vượt qua được sinh và già. Xin Đức Phật trả lời cho con.

1048. [Đức Phật] Đó là người đã nhìn thấy xa và gần trong thế giới này, người không còn dao động dù ở đâu trong cõi này, người sống vắng lặng, tỉnh thức, không còn tham hay sân. Ta nói, người như thế đã vượt qua sinh và già.

(Nguyên văn bản dịch và các lời bình giải của học giả Nguyên Giác)

Bures-Sur-Yvette, 06.08.24

(Còn tiếp)





Nụ cười MÙA XUÂN

Nguyễn Cần

Đạo Phật và mùa xuân

Đã tự bao giờ, nghĩ đến đạo Phật, người ta thường nghĩ đến một tôn giáo dành cho những người thất bại, tuyệt vọng, lánh đời, cụ thể qua những tác phẩm văn học, âm nhạc, cứ hễ thất tình hay thất vọng trong cuộc đời là tìm về cửa Phật. Những kẻ bất đắc chí, thất bại trong chính trường, thương trường cuối đời tìm quên nơi cảnh Phật. Và rồi nghi lễ Phật giáo thường chỉ dành cho các buổi cầu an, cầu siêu, sám hối, trai đàn... thăng hoặc đôi khi có một lễ Hằng thuận cho các bạn trẻ làm đám cưới. Điều này, không mới vì cách đây 40 năm, Thiền sư Nhất Hạnh đã viết: “Đạo Phật, khi ra đời, vốn nhằm mục đích phục vụ cho *sự sống* của nhân loại, nhưng trong thế kỷ gần đây đã suy đồi cho đến nỗi chỉ biết phục vụ cho *sự chết* của nhân loại... Cho nên chùa nào đi đám nhiều nhất là chùa đó sung túc nhất, chùa nào có nghĩa địa lớn và đẹp nhất là chùa đó giàu nhất... Số lương tín đồ thuần cẩn nhất là số lượng của những ông bà lớn tuổi, niệm Phật để dọn ‘đường về cực lạc’... Hướng đi của đạo Phật mà như thế, thì thử hỏi sinh khí của đạo Phật còn gì? Đức Phật có ngờ đâu rằng giáo lý siêu việt và thực dụng của mình đã bị hướng về một mục đích quá nghèo nàn và khô héo như thế?” (Thích Nhất Hạnh - *Đạo Phật đi vào cuộc đời*, NXB Lá Bối -1964).

Vẫn có những người trẻ chột nghĩ đến Phật khi xuân về, đi lễ chùa, cầu tài, cầu lộc và cả cầu may nữa? Dù sao hình ảnh các bạn trẻ nườm nượp đến chùa đêm giao thừa cũng đáng ghi nhận vì ít ra trong những người trẻ ấy, niềm tin tâm linh, dẫu mong manh, nhưng vẫn còn. Chúng ta lại nghe những câu hát “*Trên đường đi lễ xuân đầu năm...*” (Hoài An) “*Đầu mùa xuân cùng mẹ đi lễ...*” (Phạm Duy phổ thơ) v.v... thấy âm áp một không khí linh thiêng và gần gũi. Chúng ta cần biết dấu giáo lý nhà Phật dựa trên “Tứ Diệu Đế” mà “khổ đế” là nguyên lý đầu tiên, thì nhận định ấy là một sự kiện (fact) phát biểu về bản chất cuộc đời, chứ không hề là một ý kiến (opinion), vì đó là một chân lý. Nhưng không vì thế mà chúng ta chán nản vì “...cái đạo Phật bi thảm phản chiếu trong các đĩa hát cải lương vọng cổ kia, cái đạo Phật yếu đuối trốn đời phản chiếu trong các cuốn tiểu thuyết lãng mạn vô ý thức kia, không thể không lột xác để làm sống dậy một đạo Phật trẻ trung, đầy sinh lực, tiếp nối được dòng sinh hoạt truyền thống của những thế hệ Phật tử huy hoàng trong Phật giáo sử. Phải đem Phật giáo trở về phục vụ sự sống” (TNH-sdd.tr.111).

Các thiền sư xưa nay khi nói đến đạo Phật trong mùa xuân thường có cái nhìn an nhiên, tự tại, đầy hỉ lạc.

Tận nhật tâm Xuân bất kiến Xuân
 Mang hài đạp biển lãnh đầu vân
 Quy lai tiểu niệm mai hoa khứu
 Xuân tại chi đầu dĩ thập phân

(Mai Hoa Ni)

Tạm dịch:

*Tìm suốt ngày xuân chẳng thấy xuân
 Non cao giày cỏ giẫm mây ngàn
 Trở lại ngắt đóa mai cười, gửi
 Mới biết trên cành rục rờ xuân*

(Nguyễn Cảnh dịch)

Hay như Trần Nhân Tông trong bài *Xuân vãn*:

*Niên thiếu hà tăng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm tại bách hoa trung.
Nhu kim khám phá đông hoàng điện,
Thiền bản bỏ đoàn khán trụ hồng.*

Tạm dịch

*Tuổi trẻ xưa nào biết sắc không,
Trăm hoa xuân nở rộn vui lòng.
Chúa xuân nay đã nhìn tỏ mặt,
Nệm cỏ ngồi xem rụng cánh hồng.*

(Nguyễn Cận dịch)

Có gì khác với suy tư của người đời không. Trong nhân gian, người ta quan niệm đó là mùa vui, mùa rộn rã tiếng cười vì sum họp, đoàn tụ, với hội hè đình đám, cuộc vui bất kể thời gian, say sưa chè chén. Thế nên nhiều nhà thơ viết về mùa xuân ngoài việc ca tụng niềm hoan lạc cũng tỏ ra ngậm ngùi vì tiếc cho mùa xuân qua nhanh “*Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn/ Nếu tuổi trẻ hai lần không trở lại*” (Xuân Diệu) hay mùa xuân không trọn vẹn vì xa nhà, “*Chị ơi Tết đến em mua rượu/ Em uống cho say đến não nùng...*” (Nguyễn Bính) hoặc u sầu “*Tôi có chờ đâu có đợi đâu/ Đem chi xuân lại gọi thêm sầu?*” (Chế Lan Viên). Sao vậy? Vì họ nhìn quanh thấy người ta vui mà lòng mình thì quạnh vắng nỗi cô đơn. Và họ ‘đổi chiếu’ cái vui bên ngoài với nỗi buồn bên trong, cảm thấy cô đơn, không thể cảm nhận cái vui an nhiên được!

Nụ cười mùa xuân thường trụ

Phạm Thiên Thư bắt đầu bài thơ *Động Hoa Vàng* với hai câu:

*Mười con nhận trắng về tha
Nhu Lai thường trụ trên tà áo xuân*

Đó cũng là cái nhìn của người phương Tây khi học Phật. Họ khám phá nét tích cực trong quan điểm của đạo Phật về cuộc đời. Gary Gach, một học giả nước ngoài khi viết về Đức Phật và Phật pháp đã bắt đầu chương một trong quyển sách của mình: *“Những lời thuyết giảng của nụ cười: Cuộc đời đức Phật”* (The Complete Idiot’s Guide to Buddhism - Alpha Books -2009). Gary Gach nhận định rằng cuộc đời đức Phật không phải là một huyền thoại như nhiều người ngộ nhận hay như các nhà lãnh đạo tôn giáo khác. Người ta đã tìm thấy những di chỉ, những dấu tích xưa qua những trụ đá từ thời Ashoka, từng nơi đức Phật đi qua, hành trì, thiền định và đắc đạo hay chỗ người ngồi thuyết giảng vẫn còn đó. Gach viết “Đây là một con người mà lịch sử cuộc đời gắn gũi với chúng ta trong những chuyện kể dân gian lưu truyền từ đời này qua đời nọ”. Tác giả cho rằng nếu chúng ta phải nghiêng mình chào đón thành tựu của những người ‘sáng tạo’ ra bánh mì, cho phép chúng ta nuôi dưỡng cuộc đời này, hay ghi nhớ công ơn anh em Wright vì đã nghĩ ra máy bay cho nhân loại hôm nay du hành khắp chốn. Vậy thì sao bạn không muốn hội ngộ một người đã vạch ra con đường vô giá, hoàn hảo, khả tri, để đưa chúng ta đến bến bờ hạnh phúc? Sự khám phá của người mang tính phổ quát, và luôn sẵn sàng cho bất cứ chúng sanh nào. Con đường ấy ở ngay trước mắt chúng ta. Nhưng vì nó quá bình dị nên không phải ai cũng chịu nhìn thấy. Tại sao không? Vì Đức Phật chỉ dạy những gì người đã thực chứng và mời gọi người khác cố gắng hành trì để nhận ra chân lý như mình. Người là kẻ soi đường nhưng không phải là thần thánh, trong khi người ta chỉ thích mong cầu Thượng Đế hay để cho các tu sĩ chỉ bảo những gì lẽ ra họ có thể tự tìm thấy hay tự trong trực giác họ đã nhận biết. Hơn nữa, người ta luôn tưởng tượng hạnh phúc của mình kéo dài vô tận. Nhưng trong thực tế, có người lại trải qua những thời khắc khó khăn, tích tụ bao nỗi buồn và vết thương tâm hồn đeo đẳng suốt đời, bám lấy sâu khố như một thứ ‘nội kết’ thay vì để nó nguôi ngoai, quên lãng đi để cảm nhận đời sống nhẹ

nhàng hơn. Bạn hãy nhìn bầu trời quang đặng, mặt đất xanh ngát với bao cây cỏ đâm chồi, và tận hưởng phút giây hiện tại thay vì cứ mãi ca cẩm bài hát ‘Thân phận con người’ và rồi chúng ta cứ chạy vòng quanh cái lồng hay cái cũi chuột chật chội mà mình tự tạo ra mặc dù không ai khóa nó lại cả. Và ngày nào chúng ta còn sống như đi trong cơn mộng của mình, hay chìm đắm trong giấc mộng ấy thì ngày ấy vẫn còn cơ hội cho sự giác ngộ. Đó là những điều Phật dạy. Về bản chất, người đánh thức ta, không phải về thân xác mà làm ta mở mắt thấy rằng mình đang thức. Ta tỉnh thức trong tâm hồn và trí tuệ. Bạn hãy thử dừng lại, lắng nghe, tập trung tâm trí, nhìn quanh sẽ thấy hay nghe âm thanh hay hình ảnh Phật trước mắt chúng ta: trong mỗi tia nắng, mỗi ngọn gió, mỗi giọt mưa, mỗi tiếng cười trẻ thơ, mọi thứ đều mở ra huy hoàng và kỳ diệu. Đó là ý nghĩa của “Nhu Lai thường trụ trên tà áo xuân”. Chúng ta nhận ra rằng cuộc đời Đức Phật là một bài thuyết giảng hùng hồn nhất. Đức Phật dạy ta sống không lo âu, sợ hãi, gắn bó với vuộc đời, luôn tỉnh thức; nói theo ngôn ngữ Bát Chánh Đạo là sống trong “chánh niệm”, dùng hết năng lực ẩn sâu trong tâm hồn và ta sẽ thấy Phật trong mỗi chúng ta. Nó cũng quan trọng như sống và chết, và dễ dàng như uống một tách trà!

Một hiền giả người Anh tu tập theo hệ phái Theravada, Martin Evans, trong bài viết “*Buddha’s smile*”, ông muốn chúng ta hãy “vun xới niềm hân hoan” (cultivate the joys). Ông viết: “Quý vị hãy nhìn lên gương mặt của đức Phật xem sao. Quý vị có trông thấy nụ cười của Ngài hay chẳng? Nụ cười của Ngài thật là tinh tế. Thế nhưng tại sao Ngài lại mỉm cười? Có phải đây là một thể dạng phúc hạnh mà Người cảm nhận được trong khi thiền định hay chẳng?... Tôi nghĩ rằng đây là kinh nghiệm cảm nhận về những giây phút của hiện tại, một sự đình chỉ của cuộc phiêu lưu và tìm kiếm một điều gì đó nằm bên ngoài những giây phút hiện tại. Trong tâm thức tham lam, thèm khát thì sẽ không có một thể dạng kinh nghiệm cảm nhận nào về những giây phút hiện tại có thể hiện hiện ra được... Có gì khác trong

nụ cười Đức Phật hay chẳng? Đây là nụ cười của lòng từ bi... Chỉ khi nào làm cho cảm tính về cái tôi và cái của tôi, tức ảo giác về một cái ngã biến mất thì khi đó mới không còn bất cứ gì ngăn chặn được sự biểu lộ của lòng từ bi. Thật cũng lạ, dù rằng lòng từ bi là một sự cảm nhận về nỗi đớn đau của kẻ khác, thế nhưng lại hiện ra dưới hình thức một nụ cười. Thế nhưng chẳng phải nụ cười ấy cũng thoang thoảng một nét buồn hay sao? Một nụ cười chứa cả hạnh phúc lẫn khổ đau... Nụ cười ấy không phản ánh một sự thoát tục nào cả, mà đúng hơn là sự mở rộng hoàn toàn vào thế giới này” (<http://www.buddhacommunity.net>).

Nụ cười ấy là ‘*nụ cười thường trụ*’ trên khuôn mặt Phật, nụ cười tràn đầy hỷ lạc và minh triết về khổ đau của kiếp người. Chẳng phải là một điều tuyệt diệu hay sao khi mà nụ cười ấy có sẵn bên trong mỗi con người chúng ta, và nó cũng chỉ hiện ra khi chúng ta lắng tâm sống trong tỉnh thức. Phép tu theo thiền minh sát (vipassana) là một những phương pháp giúp ta hành trì nhằm buông bỏ cái tôi và cái của tôi. Trong kinh *Quán tứ niệm xứ* có dạy: “Khi có tham dục, biết rằng có tham dục; khi không có tham dục, biết rằng không có tham dục”. Tương tự khi có sân hận hay khi có giải thoát, chúng ta đều biết và khi không có, chúng ta cũng biết không có. Chúng ta hiểu: “Đời đầy khổ đau nhưng đời cũng đầy rẫy những mẫu nhiệm. Tất cả đều vận hành theo nguyên lý vô thường vô ngã, như ngoài mùa đông có mùa xuân, ngoài bóng tối còn có ánh sáng, ngoài tật bệnh còn có sức khỏe, ngoài nắng hạn và bão lụt còn có gió thuận mưa hòa... Chỉ cần mở mắt ta thấy được trời xanh, mây trắng, mưa thuận gió hòa, trẻ con được đi học, buổi sáng bông hoa đang nở, sức khỏe của chúng ta... đó là những yếu tố tích cực của bình an và hạnh phúc vượt lên trên những yếu tố tiêu cực như bất công xã hội, kỳ thị chủng tộc, trẻ em thiếu ăn, v.v... Ý thức về những gì hư xấu và nguy hiểm đang xảy ra là cần thiết, bởi vì do đó mà ta có thể tìm ra phương pháp cứu chữa”.

(TNH - *Con đường chuyển hóa*). Bản thân ta phải tự ‘tịnh hóa’ tâm hồn mình:

*Bất cứ đâu giữ lấy mình cho sạch
Sen ngát hương bởi thử thách trong bùn
Ngọc Ma ni khiến nước đục sáng trong
Nước đứng yên căn bã không phải lọc.*

*Tâm cũng vậy định rồi nào phải học
Nãi phiền nào cho mọc rễ trong ta
Niệm rỗng rang bình minh hiện xa xa
Tánh bất giác như trời sa sương mọc.*

(Tháng Mười, Chiều Đê 14/11/2024)

Hiểu nguyên lý chuyển hóa ấy, chúng ta không thể cứ mãi lo lắng về những buồn phiền, âu lo đến mức không còn niềm vui và cạn kiệt ước mơ hay sinh lực để vui sống hay phụng sự. Phải *tìm lại mùa xuân* và nụ cười an nhiên trong chính chúng ta, ngay giây phút này vì đó là những yếu tố bình yên và tích cực giúp ta tiếp xúc với những mâu nhiệm trên thế gian này và truyền đạt những cảm thọ hỷ lạc ấy sang cộng đồng và tha nhân. Trong hoàn cảnh xấu nhất, chúng ta chợt nhớ lời từ trong *Kinh Dịch* về quẻ Bĩ: “*Bĩ chi phi nhận bất lợi quân tử trính, đại vãng tiểu lai*” (Thời bế tắc trên dưới mâu thuẫn, thiên hạ bất mãn. Tình thế bất lợi bất an, quân tử nên ở ẩn, tuy nhiên nên giữ lòng chính bền, chờ thời cơ hành động). Vì ở Hào 5: “*Huru bĩ, đại nhân cát. Kỳ vong, kỳ vong, hệ vu bao tang*” (Bậc trượng phu có khả năng chuyển Bĩ thành Thái, khai thông bế tắc, ắt thiên hạ được nhờ), hay như Hào 6: “*Khuyh bĩ, tiên bĩ, hậu hỷ*” (Chuyển được thời thế từ Bĩ qua Thái, trước bế tắc, sau hanh thông).

Đây chính là tinh thần của “*Nhất chi mai*” khi Thiên sư Mãn Giác viết:

*Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.*

(Cáo tật thị chúng)

*Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai*

(Ngô Tất Tố dịch)

Tinh thần thiền lạc ấy thấm nhuần văn hóa Việt Nam, tạo nên sức nội sinh mạnh mẽ trong lòng dân tộc. Thế giới bình yên khi tâm con người bình yên. “Tâm bình, thế giới bình”, hay nói cách khác, “Tâm xuân, thế giới xuân”. Hãy quán chiếu nụ cười Thích Ca và tìm về nụ cười Di Lạc, khi lòng ta hoan hỷ, bao dung, từ ái, chia sẻ và cảm thông nhau. Nói như Thiền sư Nhất Hạnh: “Hạnh phúc nằm ngay nơi mỗi khoảnh khắc: đó là bài học hiện đại quý giá nhất mà Phật giáo đem đến cho người Tây phương”. Tại sao chúng ta không tự tạo mùa xuân trong tâm thức mình, biến cuộc đời chung quanh đáng yêu và đáng sống với nụ cười thường trụ “bây giờ, ở đây” trong tâm trí tỉnh thức và tràn đầy chánh niệm.

*Nẻo phía trước bước chân không cô độc
Lối đi qua đờng ngó lại làm chi
Hãy chỉ đường cho muôn vạn người mê
Nhân gian tịnh độ quê ta ngay đây*

(TM, Chiêu ĐỀ, 14/11/2024)

Hãy làm cho đạo Phật đi vào cuộc đời chúng ta và cộng đồng chúng ta đang sống như một tôn giáo phục vụ sự sống: linh hoạt, biến chuyển, sinh động, tràn đầy sinh lực và hạnh phúc trong mỗi phút, mỗi giây, trong từng sát na. Đây là lời chúc trước thềm mùa xuân mới.■



Giữa
TRỜI XUÂN

Ngô Nguyên Nghiễm

*Nam Mô Bồ Tát Nhất Sanh Bồ Xứ
Nên Sala đỏ rực giữa mùa Xuân
Phật đương lai chuyển hóa sắc cầu vòng
Hoa Hoan Hỷ, Bao Dung đang chọt nở.*

*Ngàn năm, UDUMBALA mỏng manh trước gió
Gọi Thiên sinh nương gậy trúc thời gian
Tiếng chuông từ thiên cổ vọng âm sang
Vách núi trùng trùng lời Phật tích...*

*Bên Thánh tượng, đầy nụ cười Hạnh Phúc
(Đã muôn trùng vạn kiếp Tử Sinh)
Khách nhân gian như lạc giữa mây ngàn
Hóa thân an tịnh trăm ngàn kiếp!*



*Phật niệm thiên bách ức Hạnh Nghiệp
Ủm, Thiên sinh nương gậy chống lưng trời
Qua đi, qua đi...sầu cửa Luân Hồi
Giữa Nhật Nguyệt, hoa sen chột nở...*

*Bóng Xuân đang về, bên Pháp Giác Ngộ
Nụ cười vui Thánh tích, Vườn Hoa Lâm
Suốt đời người, ẩn hiện Sắc Không
Xuân Bao Dung, Từ Tâm trăm kiếp trước...*

*Giữa Trời Đất, lành thay Thánh Tượng
Hoa Sala rục rở giữa trời Xuân
UDUMBALA, ngàn năm nở một lần
Hạnh Phúc, Nụ Cười Vui Bỏ Tát.*



ĐỨC PHẬT *Giáo giới* VỀ PHÁP THẦN THÔNG

Tuệ Ân (Tổng hợp)

Đức Phật cùng chư đại đức tỳ khuru Tăng, an cư nhập hạ tại núi Makula trong xứ Magadha. Một sự việc xảy ra, ông phú hộ Rājagaha có một gốc cây trầm đỏ rất quý giá, ông cho thợ tiện một cái bát rồi treo trên một cây cao và thông báo rằng:

- Trong đời này, nếu có vị nào là bậc Thánh Arahán, có thần thông, thì xin vị ấy bay lên lấy cái bát trầm này, tôi sẽ phát sinh đức tin nơi vị ấy.

6 nhóm ngoại đạo thường tự cho mình là bậc Arahán có nhiều thần thông, đều đến xin ông phú hộ dâng cái bát trầm ấy, nhưng ông phú hộ thưa rằng:

- Nếu Ngài là bậc Arahán có thần thông, thì xin Ngài bay lên lấy cái bát trầm xuống đây.

Đã 6 ngày qua, không có một vị nào bay lên lấy cái bát trầm ấy được. Dân chúng trong thành Rājagaha thầm nghĩ rằng trong đời này không có bậc Thánh Arahán chăng?

Đến ngày thứ 7, Ngài Đại đức Mahāmoggallāna và Ngài Đại đức Piṇḍobhāradvāja đi vào khất thực trong kinh thành Rājagaha. Khi nghe tin như vậy, Ngài Đại đức Mahāmoggallāna bảo Ngài Đại đức Piṇḍobhāradvāja bay lên lấy cái bát trầm, để đem lại đức tin cho mọi người.

Ngài Đại đức Piṇḍobhāradvāja hóa phép thần thông bay lên lấy cái bát trầm ấy, bay 3 vòng quanh kinh thành Rājagaha, rồi đáp nhẹ xuống ngôi nhà ông phú hộ. Ông phú hộ phát sinh đức tin trong sạch, thỉnh Ngài vào lâu đài, ngồi trên chỗ cao quý, đánh lễ Ngài và đón nhận cái bát, cúng dường vật thực ngon lành dâng lên Ngài Đại đức.

Đại đức Piṇḍobhāradvāja trở về chùa, có số đông dân chúng chưa được tận mắt nhìn thấy Ngài biểu diễn thần thông, nên họ kéo nhau đến tìm Ngài, xin Ngài biểu diễn thần thông cho họ xem.

Khi ấy, đức Thế Tôn biết sự việc xảy ra, nên hội họp chư tỳ khuru Tăng lại và đức Thế Tôn quở trách Đại đức Piṇḍobhāradvāja rằng:

- Nay Piṇḍobhāradvāja, chỉ có cái bát trầm này, mà ngươi biểu diễn thần thông cho người tại gia xem. Đó không phải là phận sự của Samôn, không làm phát sinh đức tin đối với người chưa có đức tin.

Đó là nguyên nhân đầu tiên, đức Phật chế định cấm tỳ khuru không được biểu diễn thần thông cho người tại gia xem. Tỳ khuru nào biểu diễn thần thông, Tỳ khuru ấy phạm giới tác ác (dukkata).

Sau đó, đức Phật truyền dạy đập bể cái bát trầm ra từng mảnh nhỏ, tán mịn làm thuốc nhỏ mắt cho tỳ khuru đau mắt.

Nguyên mẫu trong Tạng Luật Vinaya Pitaka, Cullavagga:

“Vào lúc bảy giờ, nhà đại phú ở thành Rājagaha có được khúc gỗ đàn hương thuộc loại đàn hương rất quý giá. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã khởi ý điều này: “Hay là ta cho đẽo thành cái bình bát với khúc gỗ đàn hương này? Và phần gỗ vụn sẽ là sở hữu của ta, còn cái bát ta sẽ cho đi làm quà biếu”.

Sau đó, nhà đại phú thành Rājagaha đã cho đẽo thành cái bình bát với khúc gỗ đàn hương ấy rồi buộc với một sợi dây và bảo treo ở trên ngọn một cây tre, xong buộc nhiều cây tre tiếp nối nhau và tuyên bố rằng:

- Vị sa-môn hoặc Bà-la-môn nào là vị A-ra-hán và lại có thần thông nữa thì hãy lấy quà biếu chính là cái bình bát xuống.

Khi ấy, Pūraṇa Kassapa đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này:

- Nay gia chủ, chính ta là vị A-ra-hán và lại có thần thông nữa, người hãy dâng cái bình bát cho ta.

- Thưa ngài, nếu ngài là vị A-ra-hán và lại có thần thông nữa thì ngài hãy lấy quà biếu chính là cái bình bát xuống đi.

Sau đó, Makkhali Gosāla, Ajita Kesakambala, Pakudha Kaccāyana, Sañjaya Velatṭhaputta, Nigaṇṭha Nātaputta đã đi đến gặp nhà đại phú thành Rājagaha, sau khi đến đã nói với nhà đại phú thành Rājagaha điều này:

- Nay gia chủ, chính ta là vị A-la-hán và lại có thần thông nữa, người hãy dâng cái bình bát cho ta.

- Thưa ngài, nếu ngài là vị A-ra-hán và lại có thần thông nữa thì ngài hãy lấy quà biếu chính là cái bình bát xuống đi.

Vào lúc bảy giờ, đại đức Mahāmoggallāna và đại đức Piṇḍolabhāradvāja vào buổi sáng đã mặc y, cầm y bát, rồi đi vào thành Rājagaha để khất thực. Đại đức Piṇḍolabhāradvāja là vị A-ra-hán và lại có thần thông nữa. Đại đức Mahāmoggallāna cũng là vị A-ra-hán và lại có thần thông nữa. Khi ấy, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã nói với đại đức Mahāmoggallāna điều này:

- Nay đại đức Mahāmoggallāna, hãy đi và lấy xuống cái bình bát kia đi. Cái bình bát ấy là của đại đức.

Đại đức Mahāmoggallāna cũng đã nói với đại đức Piṇḍolabhāradvāja điều này:

- Nay đại đức Piṇḍolabhāradvāja, hãy đi và lấy xuống cái bình bát kia đi. Cái bình bát ấy là của đại đức.

Khi ấy, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã bay lên không trung, cầm lấy cái bình bát, và đi (trên không) quanh thành Rājagaha ba vòng.

Vào lúc bảy giờ, nhà đại phú thành Rājagaha cùng vợ và con đang đứng ở tại nhà của họ, hai tay chấp lên, thành kính làm lễ rằng:

- Thưa ngài, xin ngài đại đức Bhāradvāja hãy ngự đến nhà của chúng tôi ở ngay chỗ này.

Sau đó, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã ngự đến tư gia của nhà đại phú thành Rājagaha. Khi ấy, nhà đại phú thành Rājagaha đã nhận lấy cái bình bát từ tay của đại đức Piṇḍolabhāradvāja, chắt đầy vật thực cứng loại đất giá rồi dâng lại cho đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Khi ấy, đại đức Piṇḍolabhāradvāja đã nhận lại bình bát ấy rồi đi về chùa.

Dân chúng đã nghe rằng: “Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi ngài đại đức Piṇḍolabhāradvāja”. Và các người ấy với âm thanh ồn ào ầm ĩ đã nối đuôi nhau đi phía sau đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Đức Thế Tôn đã nghe âm thanh ồn ào và ầm ĩ, sau khi nghe đã bảo đại đức Ānanda rằng:

- Nay Ānanda, âm thanh ồn ào và ầm ĩ ấy là gì vậy?

- Bạch Ngài, cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Bạch Ngài, dân chúng đã nghe rằng: “Nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được lấy xuống bởi ngài đại đức Piṇḍolabhāradvāja”. Và bạch Ngài, những người ấy với âm thanh ồn ào và âm ĩ đã nối đuôi nhau đi phía sau đại đức Piṇḍolabhāradvāja. Bạch Thế Tôn, âm thanh ồn ào và âm ĩ kia là chuyện ấy.

Khi ấy, đức Thế Tôn nhân lý do ấy nhân sự kiện ấy đã triệu tập hội chúng tỳ khuru lại và hỏi đại đức Piṇḍolabhāradvāja rằng:

- Nay Bhāradvāja, nghe nói cái bình bát của nhà đại phú thành Rājagaha đã được nhà người lấy xuống, có đúng không vậy?

- Bạch Thế Tôn, đúng vậy.

Đức Phật Thế Tôn đã khiển trách rằng:

- Nay Bhāradvāja, thật không đúng đắn, không hợp lẽ, không tốt đẹp, không xứng pháp sa-môn, không được phép, không nên làm. Nay Bhāradvāja, vì sao người lại để lộ pháp thượng nhân tức là sự kỳ diệu của phép thần thông trước hàng tại gia vì mục đích cái bình bát gỗ tầm thường? Nay Bhāradvāja, giống như người đàn bà cho xem chỗ kín vì mục đích của đồng xu tầm thường; nay Bhāradvāja, tương tự như thế vì mục đích cái bình bát gỗ tầm thường, pháp thượng nhân tức là sự kỳ diệu của phép thần thông đã bị người để lộ ra trước hàng tại gia. Nay Bhāradvāja, sự việc này không đem lại niềm tin cho những kẻ chưa có đức tin, hay làm tăng thêm niềm tin của những người đã có đức tin. Nay Bhāradvāja, hơn nữa chính sự việc này đem lại sự không có niềm tin ở những kẻ chưa có đức tin và làm thay đổi (niềm tin) của một số người đã có đức tin.

Sau khi khiển trách, Ngài đã thuyết Pháp thoại rồi bảo các tỳ khuru rằng:

- Nay các tỳ khuru, không nên để lộ pháp thượng nhân, tức là sự kỳ diệu của phép thần thông trước hàng tại gia; vị nào để lộ thì phạm

tội dukkaṭa (tác ác). Nay các tỳ khuru, hãy đập vỡ bình bát ấy, nghiền thành bột vụn, rồi hãy dâng đến các tỳ khuru làm hương liệu của thuốc cao. Nay các tỳ khuru, không nên sử dụng bình bát bằng gỗ; vị nào sử dụng thì phạm tội dukkaṭa (tác ác)” (Khuddakavatthukkhandhakam - Chương các tiểu sự)■





Giọt nước
CÀNH DƯƠNG

Người Sông Hậu

Một ngày nắng mới vừa lên
Reo trên lá biếc bình yên cội nguồn
Ngọt ngào giọt nước cành dương
Trong veo chờ đón giọt sương lia cành.

Có đi qua cõi hồng trần
Thoát vòng sinh tử muôn phần gian nan
Chùa xưa chiêm bái Phật vàng
Tìm trong chánh niệm bàng hoàng giấc mơ.

Ta về chấp cánh cho thơ
Nghìn năm soi bóng rừng mơ cội tùng
Giữ lòng thanh khiết bao dung
Bay qua dâu bể nghìn trùng truân chuyên.

Trang kinh thấp thoáng mây thiên
Hương trầm bát ngát qua miền cỏ lau
Hỏi lòng khúc hát Lý Tao
Kiếp người cũng chỉ sắc màu phù du.

Hành trình lạc nẻo thiên thu
Hạc vàng bay mất mật mù mây xưa
Hỏi người xuân đã về chưa
Cành dương hạt ngọc dầu xưa có còn.



Xuân TRÊN ĐÔI CỎ NON

*Xuân trên đôi cỏ non
Ven đường hoa dại nở
Sen hồng trước thiên môn
Đong đưa hương trước gió.*

*Ngồi ngắm hoa nguyệt quế
Thường trà đón bình minh
Lòng vui theo chánh niệm
Sương sớm tưng hồi kinh.*

*Suối nguồn muôn đời chảy
Chan chứa tình yêu thương
Thời gian thâm trôi mãi
Tử sinh chuyện vô thường.*

Mênh mông lòng của biển
Chờ thuyền Đạo ra khơi
Trang kinh nơi cửa Phật
Nở muôn đóa hồng tươi.

*

Kuôn trên đời cỏ non
Khanh một màu bất tận
Uyên nguyên lá hoa còn
Cải vàng đơm mây lặn.

Ngôi đốt lò hương cũ
Mùi nhang trầm đầu dây
Tâm an bình tĩnh ngộ
Phật tánh đâu ai bày.

Trái bốn mùa âm lạnh
Mây hồng rạng dương quang
Đầu phai màu mưa nắng
Nguyện theo ánh đạo vàng.

Lòng như hoa buổi sớm
Lên đồi nghe chuông ngân
Bước chân qua rừng trúc
Nhành mai vàng trước sân.



Ý NGHĨA TÂM LINH *trong cõi Trời Đâu Suất*

Trần Lê Đình Hiếu

Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học - Công nghệ và Giáo dục

Trời Đâu Suất, còn gọi là Tuṣita Heaven, là một trong những cõi Trời quan trọng trong vũ trụ học Phật giáo, đặc biệt được đề cập trong các giáo lý Phật giáo Đại thừa và Nguyên thủy. Đâu Suất là một cõi thuộc Dục giới (Kāmadhātu) và được chia thành hai phần chính: Nội viện và Ngoại viện. Theo quan niệm Phật giáo, đây là nơi các Bồ tát cư ngụ và tích lũy công đức, chuẩn bị cho lần dẫn sinh cuối cùng trước khi đạt đến giác ngộ và trở thành Phật. Sự tồn tại của Đâu Suất

không chỉ mang ý nghĩa về mặt không gian mà còn mang ý nghĩa triết lý sâu sắc, liên quan đến trạng thái tâm thức và hành trình giác ngộ của các Bồ tát.

Khái niệm về Trời Đâu Suất xuất hiện từ thời kỳ đầu của Phật giáo, gắn liền với tư tưởng về các cõi giới khác nhau trong vũ trụ. Trong các văn bản kinh điển, Đâu Suất là một trong sáu cõi Trời của Dục giới, nơi cư dân có thể sống trong trạng thái an lành và thanh tịnh¹, không bị chi phối bởi dục vọng. Đặc biệt, Đâu Suất là nơi mà các vị Bồ tát trú ngụ để chuẩn bị cho nhiệm vụ lớn của họ là giảng sinh xuống trần gian và thực hiện sứ mệnh cứu độ chúng sinh. Trời Đâu Suất được đề cập trong nhiều kinh điển Phật giáo như *Kinh Di Lặc Thượng Sinh* và *Kinh Di Lặc Hạ Sinh*, trong đó khẳng định rằng Đức Di Lặc, vị Phật tương lai, hiện đang cư ngụ tại đây. Từ thời kỳ Phật giáo Nguyên thủy, Trời Đâu Suất đã được xem như một cõi lý tưởng cho sự tu tập và tích lũy công đức của các vị Bồ tát. Khái niệm này càng được phát triển mạnh mẽ hơn trong Phật giáo Đại thừa, khi các Bồ tát như Đức Di Lặc được xem là người tiếp nối dòng Phật pháp, sẽ xuất hiện trong tương lai để cứu độ chúng sinh khi Phật pháp suy thoái. Việc hình thành khái niệm Trời Đâu Suất trong Phật giáo là một phần trong quá trình phát triển tư tưởng về các cõi Trời và trạng thái tồn tại khác nhau sau khi chết, từ đó giúp các Phật tử hiểu rõ hơn về hành trình tâm linh của mình. Trong vũ trụ quan Phật giáo, Trời Đâu Suất là một cõi Trời mang ý nghĩa đặc biệt, không chỉ là một nơi tồn tại sau khi chết mà còn là biểu tượng của sự thanh tịnh và từ bi. Đâu Suất là nơi mà các vị Bồ tát sống và thực hành các phẩm hạnh cao quý, chuẩn bị cho lần giảng sinh cuối cùng. Đây là cõi Trời thứ tư trong sáu cõi của Dục giới², nằm trên các cõi Trời Đao Lợi và Dạ Ma, nhưng dưới các cõi Hóa Lạc Thiên và Tha Hóa Tự Tại Thiên.

1. Thanh tịnh của đạo Phật là trong sạch từ bên ngoài đến bên trong, từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói tới việc làm.
2. (欲界) Cõi Dục. Phạn, Pàli: Kàma-dhātu. Chỗ ở của loài hữu tình. Cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc gọi chung là ba cõi (tam giới). Cõi Dục gồm: Địa ngục, qui đốì, súc sinh,

Trời Đâu Suất đối với Phật tử

Trời Đâu Suất là một biểu tượng mạnh mẽ cho Phật tử trong hành trình tu tập và hoàn thiện bản thân. Đối với các Phật tử, Đâu Suất không chỉ là một cõi Trời lý tưởng mà còn là hình ảnh của sự thanh tịnh và sự tiếp nối của Phật pháp. Sự hiện diện của Đức Di Lặc tại Đâu Suất là niềm hy vọng cho Phật tử rằng khi Phật pháp ở trần gian suy thoái, vẫn sẽ có một vị Phật khác xuất hiện để tiếp nối sự nghiệp cứu độ chúng sinh. Cõi Trời Đâu Suất là nơi lý tưởng mà các Phật tử mong muốn đạt đến trong hành trình tu học của mình, là biểu tượng của lòng từ bi và sự kiên trì trong quá trình giác ngộ. Đây là cõi Trời thanh tịnh, không còn những phiền não và dục vọng, là hình ảnh lý tưởng cho những ai mong muốn đạt được sự thanh tịnh tuyệt đối trong tâm hồn. Trời Đâu Suất là một phần quan trọng trong vũ trụ quan Phật giáo¹, không chỉ mang ý nghĩa là một cõi Trời thanh tịnh mà còn là biểu tượng của sự tiếp nối Phật pháp và lòng từ bi vô hạn. Đây là nơi mà các Bồ tát có thể tích lũy công đức, phát triển trí tuệ và chuẩn bị cho lần đản sinh cuối cùng để cứu độ chúng sinh. Với các Phật tử, cõi Trời Đâu Suất là một hình mẫu lý tưởng, là đích đến trong hành trình tu học, nơi họ có thể tìm thấy sự an lạc và hoàn thiện

a tu la, người và trời Lục dục. Các loài hữu tình ở thế giới này nặng về thực dục, dâm dục, thụ miên dục (ham ngủ) nên gọi là cõi Dục. Cõi Dục bao gồm hữu tình thế gian và khí thế gian. Cõi Sắc và cõi Vô sắc là nơi định tâm (tâm vào Thiền định không tán động), còn cõi Dục là nơi tán tâm (tâm bình thường loạn động), vì thế cõi Dục được gọi là Tán địa. Nhưng, vấn đề cõi Dục có định hay không thì trong luận *Tì bà sa* quyển 10 và *Đại thừa nghĩa chương* quyển 11 có ghi nhiều thuyết.

1. Dựa vào sự nghiên cứu về các luận thuyết duyên khởi trên và dựa theo căn cơ, nghiệp lực của chúng ta, thì hai thuyết Nghiệp cảm duyên khởi và A-lại-da duyên khởi rất phù hợp để chúng ta cải tạo vũ trụ. Bởi thế giới này thanh tịnh hay bất toàn, đều do chiêu cảm bởi nghiệp lành hay dữ, và do huân tập các chủng tử vô lậu hay hữu lậu trong A-lại-da. Do đó, đối với nghiệp, chúng ta phải có hướng ra khỏi sự hoặc, lý hoặc, dứt các nghiệp ác, hành các nghiệp lành để chiêu cảm chánh báo, y báo đời sau được trang nghiêm, tốt đẹp. Đối với chủng tử, chúng ta nên huân tập các điều chân chánh của thánh hiền để tu quán các pháp là duy thức và phá trừ ngã chấp, pháp chấp. Được như thế, chắc chắn chúng ta sẽ làm cho thân thể và vũ trụ này trở nên hoàn toàn thanh tịnh.

bản thân. Biểu tượng của Đâu Suất là lời nhắc nhở về sự thanh tịnh và lòng từ bi, giúp các Phật tử hướng tới trạng thái pháp lạc và niềm hy vọng vào một tương lai giác ngộ. Sự thanh tịnh tại cõi Trời Đâu Suất là mục tiêu mà các Phật tử mong muốn đạt đến, là đích đến trong hành trình tìm kiếm giác ngộ. Đây không chỉ là một cõi Trời lý tưởng mà còn là lời nhắc nhở về sự thanh tịnh và lòng từ bi, là điều kiện cần thiết để các Phật tử có thể hoàn thiện bản thân và tiến gần hơn đến trạng thái giác ngộ. Cõi Trời Đâu Suất, với Nội viện và Ngoại viện, trở thành biểu tượng cho quá trình phát triển tâm thức mà mọi Phật tử hướng tới.

Ý nghĩa của Pháp lạc tại cõi Trời Đâu Suất

Trong tư tưởng Phật giáo, pháp lạc là một khái niệm cao siêu, biểu hiện của niềm vui và sự mãn nguyện không dựa vào dục vọng hay vật chất mà đến từ sự giác ngộ và sự thực hành Pháp¹. Pháp lạc không chỉ là trạng thái tinh thần mà còn là nền tảng sống của các cư dân ở cõi Trời Đâu Suất. Tại đây, các vị Bồ tát và chúng sinh có công đức cao sống trong trạng thái pháp lạc, một niềm vui đến từ trí tuệ và lòng từ bi sâu sắc. Đây là trạng thái lý tưởng của sự an lạc và thanh tịnh, giúp cư dân Đâu Suất vượt qua mọi ham muốn vật chất, tập trung hoàn toàn vào hành trình tu tập, và tiếp tục phát triển trí tuệ và từ bi.

Pháp lạc là trạng thái niềm vui và mãn nguyện tinh thần, không bị ảnh hưởng bởi những dục vọng hay phiền não, mà hoàn toàn đến từ sự giác ngộ và thực hành Phật pháp. Trong cõi Trời Đâu Suất, pháp lạc không phải là một cảm giác tạm thời mà là trạng thái sống ổn định, giúp cư dân duy trì sự an nhiên và tập trung vào giáo lý Phật

1. Theo Từ điển Phật, Pháp có các nghĩa chính như: Luật lệ, tập quán, thói quen, tiêu chuẩn của phép cư xử, bốn phận, nghĩa vụ, quy củ trong xã hội...; Điều lành, việc thiện, đức hạnh; Đối tượng của tâm ý (pháp trần); Giáo pháp của Đức Phật bao gồm Kinh-Luật-Luận; Chân lý, thực tại tối hậu, bản thể, tự tính.

pháp mà không bị tác động bởi những yếu tố bên ngoài. Theo nghiên cứu của Kalupahana (1986), pháp lạc là biểu hiện của trí tuệ giác ngộ, nơi cư dân đạt được trạng thái tự do nội tại, không còn bị chi phối bởi những cảm dỗ của thế gian, là một trong những điều kiện quan trọng giúp họ tiếp tục hành trình tu học. Trạng thái pháp lạc tại Đâu Suất không đơn thuần là niềm vui mà còn là biểu hiện của lòng từ bi và sự thanh tịnh tuyệt đối. Các cư dân tại đây, đặc biệt là các Bồ tát, sống trong trạng thái này mà không cần đến các yếu tố vật chất như thức ăn, nước uống hay các nhu cầu sinh lý khác. Điều này, cho thấy rằng pháp lạc không chỉ là trạng thái cảm xúc mà còn là cốt lõi của sự thanh tịnh, giúp cư dân tại Đâu Suất duy trì tâm trí trong sự an nhiên và thăng hoa.

Pháp lạc tại Đâu Suất giúp các cư dân duy trì trạng thái thanh tịnh trong suốt thời gian dài, giúp họ không bị xao lãng bởi các cảm xúc tiêu cực hay phiền não. Đối với các vị Bồ tát, pháp lạc là công cụ giúp họ giữ vững tâm trí và không bị chi phối bởi các yếu tố ngoại cảnh.

Pháp lạc không chỉ là trạng thái của niềm vui và sự thanh tịnh mà còn là phương tiện giúp cư dân tại Đâu Suất đạt đến giác ngộ. Đối với các vị Bồ tát, pháp lạc là yếu tố quan trọng giúp họ duy trì tâm hồn thanh tịnh và không bị tác động bởi dục vọng. Theo Gethin (1997), pháp lạc không chỉ là niềm vui mà còn là điều kiện giúp các cư dân tại Đâu Suất tập trung vào việc phát triển trí tuệ và từ bi, hai phẩm chất quan trọng để đạt được giác ngộ. Kalupahana (1986) chỉ ra rằng pháp lạc là trạng thái mà cư dân tại Đâu Suất duy trì liên tục để tích lũy công đức và chuẩn bị cho sứ mệnh cứu độ chúng sinh. Đây là nguồn cảm hứng để các Phật tử hướng đến, là hình ảnh lý tưởng về sự an nhiên và thanh tịnh mà họ mong muốn đạt được trong hành trình tu học. Pháp lạc là biểu tượng cho sự tự do nội tại, giúp các cư dân tại Đâu Suất tiến gần hơn đến giác ngộ mà không bị xao lãng bởi bất kỳ yếu tố ngoại cảnh nào.

Tóm lại, pháp lạc tại cõi Trời Đâu Suất là một trạng thái niềm vui và sự thanh tịnh tối thượng, không phụ thuộc vào các yếu tố vật chất mà đến từ sự giác ngộ và thực hành Pháp. Đây là nguồn sống của cư dân tại Đâu Suất, là trạng thái lý tưởng mà các Phật tử khao khát đạt được trong hành trình tu học. Pháp lạc giúp cư dân Đâu Suất duy trì sự thanh tịnh, phát triển trí tuệ và từ bi, là điều kiện quan trọng để họ đạt đến giác ngộ. Đối với các Phật tử, pháp lạc là hình ảnh lý tưởng của trạng thái an nhiên và niềm vui nội tại, là mục tiêu hướng tới trong quá trình tu tập. Pháp lạc tại cõi Trời Đâu Suất không chỉ là niềm vui đơn thuần mà còn là biểu hiện của sự giải thoát và hoàn thiện tâm thức.

Biểu tượng của lòng tin vào tương lai giác ngộ

Cõi Trời Đâu Suất, trong vũ trụ quan Phật giáo, không chỉ là một cõi Trời thanh tịnh mà còn mang giá trị sâu sắc về tâm linh và triết học, là biểu tượng của sự tiếp nối Phật pháp và lòng từ bi vô biên. Qua các mục nghiên cứu, chúng ta thấy rõ rằng Đâu Suất là nơi mà các vị Bồ tát hoàn thiện trí tuệ, từ bi, và pháp lạc – những phẩm chất tối thượng chuẩn bị cho lần giáng sinh cuối cùng. Đối với các Phật tử, Đâu Suất là đích đến lý tưởng của hành trình tu học, là nơi mà họ có thể đạt đến trạng thái thanh tịnh cao nhất và tự do khỏi mọi dục vọng.

So với Tây Phương Tịnh Độ, cõi Trời Đâu Suất mang một chiều hướng tu tập dựa vào tự lực, phù hợp với những người mong muốn tích lũy công đức qua quá trình tu học lâu dài. Trong khi Tịnh Độ mang lại giải thoát nhanh chóng nhờ vào Phật lực, Đâu Suất đại diện cho hành trình tự giác, là nơi mà các Bồ tát, đặc biệt như Đức Di Lặc, duy trì lòng từ bi và kiên nhẫn, chuẩn bị cho sứ mệnh cứu độ chúng sinh. Điều này, cho thấy rằng Phật pháp luôn tạo ra những con đường đa dạng, đáp ứng những nguyện vọng và căn cơ khác nhau của các Phật tử. Sự hiện diện của Đức Di Lặc tại cõi Trời Đâu Suất cũng là

niềm hy vọng rằng Phật pháp sẽ luôn có người tiếp nối, mang lại ánh sáng và sự cứu rỗi khi thế gian suy tàn. Đây không chỉ là một biểu tượng tôn giáo mà còn là lời nhắc nhở về lòng từ bi và sự dẫn thân vì chúng sinh của các Bồ tát. Cõi Trời Đâu Suất, vì thế, trở thành nguồn cảm hứng không ngừng nghỉ, động viên các Phật tử phát nguyện sinh về cõi này để tu học dưới sự dẫn dắt của các Bồ tát, đặc biệt là Đức Di Lặc.

Tóm lại, cõi Trời Đâu Suất là cõi giới lý tưởng của thanh tịnh và pháp lạc, là biểu tượng của niềm tin vào tương lai giác ngộ, là nơi giúp các Phật tử thấy rằng hành trình tu học của họ không chỉ để đạt đến trạng thái giải thoát mà còn để duy trì và phát triển Phật pháp. Đây là hình ảnh lý tưởng cho sự an lành, trí tuệ, và lòng từ bi – những phẩm chất mà mỗi Phật tử hướng đến, đóng góp vào sự trường tồn của giáo lý Phật giáo trong thế gian.■





MÙA XUÂN
EM ĐI LỄ CHÙA

Nguyễn An Bình

*Giao thừa thời khắc chuyển sang
Lên chùa lễ Phật dịu dàng áo hoa
Trên cành riu rít chim ca
Nụ tầm xuân nở la đà biếc xanh.*

*Sân thiên vọng tiếng chuông ngân
Không gian tĩnh lặng hương trầm thoảng bay
Hoa đào hồng sắc men say
Tóc thơm trong gió ngọt dài nắng mai*

*Tâm thành khấn niệm tương lai
Lời răn dưới bóng Phật đài chớ quên
Má hồng chúm chím nét duyên
Từ bi hỉ xả lòng thiên tịnh tâm.*

*Lên chùa đánh lễ đầu năm
Xin lành lộc mới cầu an cho người
Lá hoa khoe sắc môi cười
Em tôi làm cả đất trời vào xuân.*



Fan man KHOẢNH KHẮC GIAO THỪA

Bên nồi bánh trước giao thừa
Mẹ còn giữ lửa đợi mùa giêng sang
Tận cùng trầm tích thời gian
Sợi bắc chử rét sang ngang giữa chèo.

Củi reo tí tách ngập ngừng
Khởi mùi khói bếp thơm lừng bánh quế
Niu chân tôi bước trở về
Giấc mơ tuổi trẻ bộn bề đa đoan.

Buồn vui thành hạt sương tan
Đan vào nỗi nhớ muôn màng trước sân
Không gian lắng đọng muôn phần
Ngược xuôi ký ức bao lần đầy vơi

Nén trầm thơm mãi trong tôi
Thiêng liêng thời khắc xanh ngời sớm mai
Chạm tay nhớ một chỗ ngồi
Còn xanh góc bếp khoảng trời mùa xuân.

LỄ PHẬT

Đầu năm

Lâm Băng Phương

*Mùa Mai pha nắng lụa thưa
Trên cành vàng ánh mới vừa khoe tôi
Từng tia nắng thả giọt rơi
Chạnh lòng năm cũ vừa trôi qua thêm.*

*Chim chuyền hót khúc bình yên
Giêng hai khẽ bước bên hiên nhẹ nhàng
Cúc, Hồng hương tỏa mênh mang
Se se gió lạnh mầm xanh nẩy chồi.*

*Ngoài sân Vạn Thọ nồng tươi
Thơm tràn đầu ngõ đất trời đón xuân
Góc vườn Lan cũng nhú dần
Giao thừa hái lộc đầu xuân an bình.*

*Về chùa lễ Phật trang nghiêm
Nhang trầm khói tỏa thiêng liêng diệu kỳ
A Di Đà Phật từ bi
Quan Âm Bồ Tát độ trì nạn tai.*

*Bên hồ Sen ngát hương lay
Thân tâm thanh tịnh xa bay muộn phiền.*



Bức tranh

Sơn Thủy

VŨ LĂNG NGUYÊN

Lê Hải Đăng

Vũ Lăng Nguyên là khu bảo tồn thiên nhiên thuộc thành phố Trương Gia Giới, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Trước khi UNESCO công nhận Di sản thiên nhiên năm 1992, Vũ Lăng Nguyên đã nổi tiếng với cảnh quan hùng vĩ, núi rừng hiểm trở, sương giăng mây mù suốt bốn mùa. Bộ phim truyền hình Trung Quốc “*Tây du ký*” của đạo diễn Dương Khiết đã chọn Vũ Lăng Nguyên làm cảnh quay cho tập 10 “*Tôn Ngộ Không ba lần đánh Bạch Cốt Tinh*”.

Đến Vũ Lăng Nguyên vào bất cứ mùa nào trong năm cũng có thể cảm nhận vẻ nguy nga, hùng vĩ, hoang sơ của đất trời nơi này. Những ngọn núi đột khởi, vách đá dựng đứng cao ngất giữa rừng già, huyết động âm u, sâu thẳm, chiều về từng áng mây bằng lăng trên lưng trời xanh thẳm... Tất cả tạo cảm giác kỳ thú như chốn bồng lai tiên cảnh giữa nhân gian.

Nhìn từ độ cao ngàn mét

Quần thể thiên nhiên Vũ Lăng Nguyên chia làm ba khu vực chính, gồm: Công viên Rừng quốc gia, Vườn Địa chất quốc gia và ba khu bảo tồn thiên nhiên: thung lũng Sở Khê, núi Thiên Tử, Trương

Gia Giới với tổng diện tích khoảng 391km², riêng khu vực cảnh quan trung tâm rộng trên 250km².

Vũ Lăng Nguyên có hệ sinh thái gần như nguyên thủy, địa mạo rừng núi đa dạng với trên 3.000 ngọn núi hình thù kỳ dị, hơn 800 con suối vắt vẻo qua rặng núi, rừng già... Năm 1980, Vũ Lăng Nguyên bắt đầu được khai thác phục vụ khách tham quan, năm 1988 chính thức trở thành Danh thắng trọng điểm quốc gia, đồng thời thành lập chính quyền Khu Vũ Lăng Nguyên.

Để chiêm ngưỡng cảnh quan này, người ta đã làm những con đường ăn sâu vào rừng, đi xuyên qua núi, như: cáp treo, thang cuốn trong lòng núi, thang máy áp sát vách núi, hệ thống đài quan sát nhìn từ trên cao, 999 bậc thang lên trời, cung đường 99 khúc cua, đặc biệt là cây cầu kính dài 403m nằm ở độ cao 1.430m so với mực nước biển nối qua hai tầng núi sừng sững... Tất cả công trình này vừa giúp du khách đến gần di sản chiêm ngưỡng vẻ nguy nga, kỳ vĩ, đồ sộ của thiên nhiên, vừa là bằng chứng ghi nhận sức người trên phương diện chinh phục thử thách.

Ngồi trên cáp treo lơ lửng, đứng đưa qua rặng núi dựng đứng như cột trụ trời hiên ngang, không thể tưởng tượng thiên nhiên đã sáng tạo ra cảnh tượng ấy hàng triệu triệu năm về trước. Vào thời viễn cổ, Vũ Lăng Nguyên còn là đại dương mênh mông. Sau khi biển lùi, các lớp trầm tích lưu lại trên nham cát, đá thạch anh, đá ong cùng cảnh quan kỳ vĩ. Khi thời khắc, khí tượng chuyển mùa, chuyển mình, những ngọn núi thoát ẩn thoát hiện sau bức màn mây mù vần vũ. Cảnh núi rừng mơ màng, mây mù điệp trùng bao phủ khu rừng tạo nên vẻ thần bí, đượm chất “Liêu trai”. Chẳng phải ngẫu nhiên mà đạo diễn Dương Khiết lại chọn Vũ Lăng Nguyên làm bối cảnh tập phim “*Tôn Ngộ Không ba lần đánh Bạch Cốt Tinh*”. Vì, đây hội tụ cả năm sắc thái: kỳ vĩ, oai hùng, u tịch, hoang dã và tú lệ.

Chiêm ngưỡng vẻ choáng ngợp của thiên nhiên mới hiểu tại sao đề tài sơn thủy lại ám ảnh nhiều họa sĩ Trung Quốc đến thế, đồng thời tiết lộ ai là người thầy đầu tiên dạy vẽ sơn thủy. Từ cổ chí kim, đề tài sơn thủy luôn dẫn đầu các thể tài trong tranh thủy mặc. Nó như một giá trị trường tồn. Sơn thủy chính là hình ảnh phóng dụ từ thiên nhiên. Suối, rừng, khe núi, tùng, trúc, hoa, điều... tất cả đã đi từ thiên nhiên vào hội họa thủy mặc. Xưa kia, nhiều họa sĩ trước khi vẽ đã phải lên đường vào núi học tập, quan sát khí tượng. Sau khi thâm nhập sự biến ảo của thời tiết, khí tượng, khí núi, mây mù... vào ký ức, từ hình ảnh vãng lai trở thành thường trú trong tâm hồn, rồi chờ một ngày đẹp trời chúng sẽ nhảy múa trên giấy lụa.

Đường vào di sản

Địa chất Vũ Lăng Nguyên chủ yếu cấu tạo bởi đá ong thạch anh, gồm 3.103 ngọn núi phân bố trên độ cao từ 500 đến 1.100m so với mực nước biển. Chúng có dạng trụ đá đột khởi giữa rừng núi điệp trùng, đáng kể có quần thể Thiên Tử sơn nằm phía bắc Vũ Lăng Nguyên. Thiên Tử sơn cao 1.262m so với mực nước biển. Con đường quanh co lên núi dài hơn 40km. Còn thung lũng Sở Khê, khu cảnh quan thiên nhiên có trên 2.000 ngọn núi, 19 rãnh nước, 6 khe suối, cùng các danh thắng như dãy hành lang tranh Thập Lý, thác Uyên Ương, cửa Trời Nam, động Hoàng Long...

Bên cạnh địa hình, địa chất phức tạp, khí hậu ôn hòa, lượng mưa phong phú của Vũ Lăng Nguyên cũng trở thành nguồn dinh dưỡng nuôi sống quần thể thực vật nguyên thủy rậm rạp. Ở đây, rừng bao phủ với mật độ 88%, nơi bảo tồn 4 loại thực vật quý hiếm cấp 1 quốc gia, 19 loại cấp 2, thực vật mẫu 770 loại, trong đó, thông Vũ Lăng là loại độc nhất vô nhị. Ngoài ra, còn có Cứng đồng, cây Bá Lạc, thông quả đỏ miền Nam, thông quả trắng, thông bí tử ba nhánh...

Để chiêm ngưỡng cảnh ngoạn ngạ, đồ sộ của thiên nhiên Vũ Lăng Nguyên, hệ thống cáp treo, thang máy, thang cuốn, đường đèo, thang

lên trời... băng rừng, vượt núi, đi xuyên lòng núi, vách động, cộng thêm những cây cầu treo leo, lơ lửng bắc ngang huyết động, tạc sâu vào lòng núi hiểm trở... qua đó, du khách có thể ngắm cảnh thiên nhiên hùng vĩ từ trên cao xuống, từ dưới thấp lên, tất cả như những tạo vật trong tuyệt tác đất trời.

Làng mây giữa chốn non ngàn

Cùng với dung nham, huyết động, thác nước, núi, rừng... Vũ Lăng Nguyên chính là ngôi làng của mây. Ngay giữa mùa hạ tiết trời tạnh ráo xanh trong, những áng mây phiêu bồng vẫn lớn vờn, quấn quanh, không rời xa khu rừng. Ngôi trên cáp treo lơ lửng băng qua dãy núi, tầng dần lên cao, mây la đà xung quanh như có cảm giác bị vây hãm bởi màn sương trắng xóa. Nhờ mây, sương mù khiến cho cảm giác sợ hãi độ cao vơi đi phần nào. Mây bay ngang đầu, mây quanh quần dưới chân, mây thấp thoáng, chập chờn khắp sườn núi, mùi mây quyện vào gió lạnh. Tất cả vẽ nên lạc cảnh giữa chốn mây ngàn. Khi bước lên một ngọn núi cao ngất có thể nhìn thấy mây trải dài miên man bất tận. So với những đám mây khổng lồ vươn dần ra xa, con người thật nhỏ bé. Xóm làng của mây ngự trị ngay giữa Vũ Lăng Nguyên. Chiều về, mây lang thang qua đỉnh núi, sà xuống cánh rừng và tối về ngủ trên lưng trời.



Cầu số 1



Đỉnh Ngự Bút



Thiên Tử Sơn



Trại Hoàng Thạch

CHƠN TÂM *Qua lời* ĐỨC PHẬT DẠY

Minh Quang

Hiện nay, sự sống của chúng ta đang được duy trì và tiếp diễn, điều này cũng có nghĩa là mạng căn của chúng ta đang đặt trên đương niệm và niệm niệm sanh diệt sanh khởi không cùng tận mà chúng ta quen gọi là tâm thức. Đức Phật dạy, chúng sanh do một niệm bất giác mà luân hồi trong tam giới với đầy đủ thiện ác thị phi. Từ đó đến nay, chúng ta chưa một ngày yên ổn, và cũng chưa một lần nghĩ đến là nhất định phải thoát ra khỏi vòng luân hồi luân quản đó.



Khi nhìn vào cái tâm vắng lặng, chúng ta tin rằng đó chính là cái tâm điên đảo vọng tưởng chứ không đâu khác. Vậy cái tâm trong sáng minh mẫn mà chúng ta đang bàn, nó ở đâu, chúng ta có thể diễn tả nó được chăng? Đây là lý do chúng tôi trích dẫn những lời Đức Phật khai thị về chơn tâm trong kinh điển nhằm giúp quý Phật tử có thêm tài liệu tham khảo trên tiến trình tu học, đồng thời qua đó sẽ củng cố niềm tin về tự tánh và sẽ không còn hướng ngoại rong ruổi tìm cầu.

Thật ra, trong Tam Tạng kinh điển, dù là truyền thống Phật giáo Nguyên thủy hay truyền thống Phật giáo phát triển, trong mỗi bộ kinh, Đức Phật cũng đều khai thị về chơn tâm và chỉ rõ phương hướng để chúng ta tự tin trở về nguồn cội. Song, đại đa số Phật tử chúng ta chỉ thiên về tụng niệm, một bộ phận thì đọc kinh sách là để nghiên cứu thu thập kiến thức, một bộ phận khác nữa thì “Y kinh giảng nghĩa”. Trong khi đó, “Tứ Y Pháp”¹, Đức Phật dạy “Y nghĩa bất y ngữ”, tức là phải “được ý quên lời”. Chính vì vậy mà yếu chỉ Phật pháp ngày càng mai một. Người tu hành mặc dù tinh tấn và có nương theo lời Phật dạy, nhưng thật ra cũng chỉ mới dừng lại ở chỗ kết duyên. Và thật đáng tiếc, từ những lý do này mà người học Phật ngày càng xa rời tự tánh. Trước tình trạng này, chúng tôi cố gắng phân tích những lời Phật dạy liên quan đến nội dung này, với niềm tin mong muốn quý Phật tử khi đọc qua sẽ tiếp cận nó bằng chánh nhân trần trở thao thức trước khổ đau luân hồi sanh tử và với niềm tin “Tức Tâm Tức Phật”.

Kinh *Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm* là bộ kinh quan trọng của người học Phật. Trong đó, Đức Phật bằng đại bi tâm dùng vô số phương tiện nhằm chỉ cho người học Phật nhận ra chân lý để sống với chơn tâm. Đây là bộ kinh trọng yếu, thiết thực đối với hành giả trên bước đường trở về cố quận, nên chúng tôi rất cần trọng trong việc hệ thống chất lọc và xin lược trích ra đây những đoạn văn kinh đi sâu

1. Tứ Y pháp là Y pháp bất y nhân, Y nghĩa bất y ngữ, Y trí bất y thức, Y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh.

vào nội dung chương này, nhằm đáp ứng nhu cầu cần làm sáng tỏ phương hướng trở về tự tánh.

Đa phần người học Phật đều nói về cái tâm, đều hướng đến việc tu tâm sửa tánh, nhưng lại rất mơ hồ khi được người khác gạn hỏi rằng tâm ở đâu? Chỉ nội điểm này thôi, thì chúng ta đã thấy ngay rằng bản thân mình đã thiếu căn bản và mất phương hướng ngay từ bước đầu học Phật.

Chơn tâm không phải ở trong thân, cũng không phải là cái biết suy nghĩ

Để chỉ cái tâm ở đâu, đầu tiên Đức Phật dạy Tôn giả A Nan không nên chấp rằng cái tâm là ở trong tám thân tứ đại này: “A Nan, cái tâm của ông rõ biết hết thấy, nếu hiện nay cái tâm rõ biết ấy thật ở trong thân thì trước hết nó phải rõ biết mọi thứ trong thân thể. Vậy có chúng sinh nào, trước thấy bên trong thân, rồi sau mới thấy những vật ở ngoài không? Dầu không thấy được tim, gan, tì, vị, nhưng móng tay mọc, tóc dài ra, gân chuyển, mạch nhầy, lẽ phải rõ biết, sao lại không biết, đã không biết bên trong, sao lại biết được bên ngoài, vậy nên biết rằng, ông nói cái tâm hay biết hiện ở trong thân, thật không có lẽ nào như vậy”¹.

Theo như lời Đức Phật dạy, nếu chúng ta nói cái tâm ở trong thân thì không đúng. Vậy thì nó ở đâu? Nguyên do nào mà chúng ta không biết cái tâm của chúng ta đang ở đâu? Đức Phật dạy: “Tất cả chúng sinh từ vô thủy đến nay điên đảo nhiều cách, giống nghiệp tự nhiên nhóm lại như chùm quả ác xoa. Những người tu hành không thành được đạo Vô Thượng Bồ Đề, mà thành Thanh Văn, Duyên Giác hoặc thành ngoại đạo, chư Thiên, Ma vương hay bà con ma, đều do không biết hai chữ cội gốc, tu tập sai lầm, cũng như nấu cát mà muốn thành cơm, dầu trải qua nhiều kiếp như vi trần, rốt cuộc vẫn không thể thành tựu được. Thế nào là hai thứ cội gốc, A Nan, Một là cái cội gốc

1. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Phần Chính Tông, Chương I - Chỉ chỗ viên ngộ, Mục I - Gạn hỏi cái tâm, Đoạn II - Chấp tâm ở trong thân.

sinh tử, như ông ngày nay cùng các chúng sinh dùng cái tâm phan duyên mà làm tự tính; Hai là bỏ rơi cái thể bản lai thanh tịnh Bồ đề Niết bàn mà sinh ra các duyên ma, do các chúng sinh bỏ rơi cái bản minh ấy nên tuy cả ngày sống trong tính bản minh mà không tự giác, oan uổng vào trong lục đạo”¹.

Sau khi nêu rõ nguyên do việc chúng ta không thấy tâm, tức chúng ta chưa từng sống trong tánh giác. Tiếp đến, khi được gạn hỏi cái tâm ở đâu, Tôn giả A Nan cho rằng: “Cái biết suy nghĩ ấy, tôi lấy nó làm tâm”. Đức Phật liền dạy: “A Nan, cái biết suy nghĩ ấy không phải là tâm của ông, đó chỉ là cái tướng tượng những tướng giả dối tiền trần, nó làm mê lầm chân tính của ông, do từ vô thủy đến nay, ông nhận giấc làm con, bỏ mất tính bản lai thường trụ nên phải chịu luân hồi...; nếu cố chấp cái tính hay biết suy xét phân biệt là tâm, thì cái tâm ấy phải rời các trần: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, chứ như hiện nay ông vâng nghe pháp âm của tôi, đó là nhân cái tiếng mà có phân biệt: dầu cho diệt hết tất cả cái thấy, nghe, hay, biết, bên trong nắm giữ cái u nhân, không biết không nghĩ, thì đó cũng chỉ là sự phân biệt bóng dáng pháp trần mà thôi...; chẳng phải tôi bảo ông chấp cái ấy không phải là tâm, nhưng ông phải, chính nơi tâm suy xét chín chắn, nếu rời tiền trần (có tính phân biệt), thì đó mới thật là tâm của ông... Tiền trần không phải thường trụ, nên khi nó thay đổi diệt mất rồi thì cái tâm nương vào tiền trần đó cũng đồng như lông rùa sừng thỏ, và nếu vậy, pháp thân của ông cũng thành ra đoạn diệt thì còn gì mà tu chứng vô sanh pháp nhẫn”²...

Nhìn nhận chơn tâm qua cái thấy

Một điểm vô cùng đặc biệt, chúng tôi chủ quan cho rằng sẽ ít có ai để ý và nhận ra điều này, đó là mọi sự tốt xấu thiện ác đều khởi đầu từ con mắt của chúng ta, trong Duy Thức học thì Nhãn thức (cái thấy

1. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Phần chính tông, Chương I, Mục II - Chỉ rõ tính thấy, Đoạn V - Chỉ cái biết suy xét có thể tính
2. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Chương I, Mục II - Chỉ rõ tính thấy, Đoạn V - Chỉ cái biết suy xét có thể tính

của con mắt) là một pháp đứng đầu trong 100 pháp và Chân Như Vô Vi là pháp cuối cùng của 100 pháp, nói đúng hơn là thông qua con mắt sáng suốt (không mê lầm) của Tâm thì tiến trình chuyển hóa sẽ tích cực nhiều hơn, sẽ đưa chúng ta đến mục tiêu tối hậu là thể nhập Chân Như Vô Vi, tức là Chân Như Tự Tánh.

Trong đoạn nói về bản tính của “Lục nhập” vốn là tính chân như nhiệm màu của Như Lai tạng, Đức Phật dạy bản tính của “Nhãn nhập” như sau: “A Nan, nơi trong con mắt khi ngó chăm sẽ phát ra sự mỗi một, thì cả cái thấy và cái mỗi một đó đều là thể tính Bồ đề chăm chú phát ra tướng mỗi một. Nhân nơi hai thứ vọng trần sáng và tối, phát ra cái thấy bên trong, thu nạp các trần tướng ấy gọi là tính thấy; cái thấy đó rời hai trần sáng và tối kia, rốt ráo không có tự thể. A Nan, ông nên biết cái thấy đó không phải từ nơi sáng, nơi tối mà đến, không phải từ nơi con mắt mà ra, cũng không phải do cái hư không mà sinh. Nếu từ cái sáng mà đến, thì khi tối đã theo cái sáng mà diệt, lẽ ra không thấy được tối; nếu từ cái tối mà đến, thì khi sáng phải theo cái tối mà diệt, lẽ ra không thấy được sáng; nếu do con mắt mà sinh, hẳn không có sáng, có tối, thì cái thấy như vậy vốn không tự tính; nếu do hư không mà ra thì ngó trước thấy các trần tượng, xoay về phải thấy con mắt; lại hư không tự thấy, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông, vậy nên biết, nhãn nhập là luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên”¹.

Kế tiếp, để chỉ cái thấy của chúng ta là “Chủ”, Đức Phật bảo đại chúng rằng: “...Các ông hãy xem ông A Nan, đầu tự lay động mà cái thấy không lay động, lại hãy xem bàn tay tôi mở ra nắm lại mà cái thấy không duỗi co. Làm sao các ông hiện nay lại lấy cái động làm thân, lấy cái động làm cảnh, tự đầu đến cuối, niệm niệm sinh diệt, bỏ mất chân tính, làm việc trái ngược; tâm tính mất chỗ chân thật, nhận vật làm mình, xoay vần trong ấy, tự nhận lấy cái trôi lăn trong lục

1. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Quyển Ba - Đoạn III - Thu 6 Nhập, Nhãn nhập, Nhĩ nhập, Tỷ nhập, Thiệt nhập, Thân nhập và Ý nhập, Chi 1. - Thu Nhãn nhập.

đạo”¹... Và: “Lúc bấy giờ ông A Nan cùng đại chúng nghe lời Phật dạy, thân tâm thư thái, nghĩ mình từ vô thủy đến nay, bỏ mất bản tâm, lầm nhận sự phân biệt bóng dáng tiền trần làm tâm, ngày nay được khai ngộ, ở nơi thân tâm chỉ ra chỗ chân chỗ vọng, chỗ hư chỗ thật, ở nơi hiện tiền phát minh ra hai tính sinh diệt và không sinh diệt².

Nhằm nhấn mạnh “Tánh thấy” vốn không sinh không diệt, trong một đoạn văn kinh khai thị vua Ba Tư Nặc, Đức Phật dạy: “Đại vương, mặt ông tuy nhăn, nhưng cái thấy đó chưa hề bị nhăn; cái bị nhăn thì thay đổi, còn cái không bị nhăn thì không có thay đổi. Cái thay đổi thì phải diệt, còn cái không thay đổi kia vốn không sinh diệt... Sắc, tâm, các duyên và các tâm sở, các pháp sở duyên, đều duy tâm biến hiện; thân tâm đều là những vật hiện ra trong tâm tánh, làm sao các ông lại bỏ mất tâm tánh quý báu ấy, nhận cái mê trong ngộ.... Một phen nhận cái tướng ấy làm tâm, thì quyết định làm tướng tâm ở trong sắc thân, mà không biết sắc thân, cho đến núi sông, hư không, đất liền bên ngoài đều là những vật hiện trong tâm tánh”³.

Để chỉ rõ về tánh thấy vốn không phải là vật, Đức Phật dạy: “A Nan, cùng tốt sức thấy của ông, từ mặt trời, mặt trăng đều là vật, chứ không phải ông; các vật gần xa đó, tuy sai khác nhau, nhưng đồng do cái thấy của ông thanh tịnh trong thấy, thì các thứ vật kia tự có sai khác mà tính thấy của ông không có sai khác. Cái thấy nhiệm màu sáng suốt đó thật là tánh thấy của ông...; A Nan, nếu khi không sáng mà gọi là không thấy, thì lẽ ra không thấy được tối; nếu đã thấy được tối, thì khi đó, chỉ là không sáng, chứ đâu phải là không thấy. A Nan, nếu trong lúc tối, vì không thấy sáng mà gọi là không thấy; vậy nay, trong lúc sáng, không thấy cái tối, thì lại cũng phải gọi là không thấy;

-
1. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Chương I, Mục II - Chỉ rõ tính thấy, Đoạn VII - Gạn hỏi ý nghĩa hai chữ “khách trần” để chỉ ra cái thấy là Chủ.
 2. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Chương I, Mục II - Chỉ rõ tính thấy, Đoạn VIII - Chỉ tính thấy không sinh không diệt.
 3. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Chương I, Mục II - Chỉ rõ tính thấy, Đoạn VIII và Đoạn IX - Chỉ tính thấy không sinh không diệt.

thế thì cả hai lúc sáng, tối, cũng đều gọi là không thấy cả. Còn nếu như hai cái sáng và tối tự lẫn át nhau, chứ không phải trong đó, tính thấy của ông tạm thời không có; thế thì biết cả hai lúc đều gọi là thấy, chứ sao lại gọi là không thấy. A Nan, vì vậy ông nên biết rằng, trong lúc thấy sáng, cái thấy không phải là cái sáng, trong lúc thấy tối, cái thấy không phải là cái tối, trong lúc thấy hư không, cái thấy không phải là hư không, trong lúc thấy ngăn ngại, cái thấy không phải là ngăn ngại; ông nên biết, khi nhận thấy tánh thấy thì tánh thấy không phải là cái thấy, tánh thấy còn rời cả cái thấy và cái thấy không thể đến nơi tánh thấy được, tại sao ông còn nói đến những nhân duyên, tự nhiên và tương hòa hợp, nay ông nên khéo suy nghĩ, không được trễ nãi trên đường Bồ đề nhiệm màu”¹.

Qua đoạn văn kinh trên, chúng ta nên hiểu, Đức Phật ngụ ý, “Tánh thấy”, hay nói gọn hơn là “Tự tánh” sinh ra “cái thấy”, và “cái thấy” là diệu dụng của “Tự tánh”. Thật ra, tất cả các tướng huyễn hóa nơi tiền trần là từ tâm sinh ra, rồi theo nơi tâm mà diệt, cái huyễn hóa giả dối như Ngũ âm, Lục nhập, Thập nhị xứ và Thập bát giới thủy đều là “tướng”, còn “tánh” chính là tâm tính nhiệm màu sáng suốt; cho đến nhân duyên hòa hợp giả dối có sinh ra, nhân duyên chia lìa giả dối gọi rằng diệt. Kỳ thật, sinh diệt đến đi đều vốn là tính chân như cùng khắp, không lay động, nhiệm màu, sáng suốt, thường trụ của Như Lai tạng. Trong tánh chân thường đó, cầu cho ra những cái đến đi mê ngộ, sinh tử khổ đau hẳn không thể được.

Trong một đoạn văn kinh, nhân việc Tôn giả A Nan thắc mắc về Thập bát giới (18 giới) khi thì nói là “tướng”, nhưng Như Lai lại nói nó vốn là tính chân như nhiệm màu của Như Lai tạng. Khi đó, Đức Phật dạy rằng: “Này A Nan, nếu nhân nhãn căn sinh ra, mà không có sắc thì không thể phân biệt, dầu cho có cái thức của ông thì đem ra dùng về việc gì? Cái thấy của ông, ngoài những sắc xanh, vàng, trắng,

1. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Chương I, Mục II - Chỉ rõ tính thấy, Đoạn VIII và Đoạn IX - Chỉ tính thấy không sinh không diệt.

đồ, thì không thể biểu hiện được, vậy do đâu mà lập thành ra giới? Nếu nhân sắc trần sinh ra, thì khi chỉ có hư không, không có sắc, lẽ ra cái thức của ông phải diệt, làm sao còn biết được là hư không? Nếu khi sắc tướng biến đổi thành hư không, ông cũng biết rằng sắc tướng biến đổi, mà cái thức của ông thì không biến đổi; thế thì, do đâu mà lập sắc trần làm giới? Nếu theo sắc trần mà biến đổi, thì tự nhiên sắc trần không thành giới được. Nếu không biến đổi, thì là thường hằng, cái thức đã do sắc trần sinh ra, lẽ ra không thể biết hư không ở đâu. Nếu gồm hai thứ nhãn căn và sắc trần chung cùng sinh ra; vậy, như hợp lại, thì ở giữa phải ly, còn như ly ra, thì hai bên lại hợp, thế tính xen lộn, làm sao thành được giới. Vậy nên biết rằng nhãn căn sắc trần làm duyên, sinh ra giới nhãn thức, cả ba chỗ đều không, và ba giới nhãn căn, sắc trần và nhãn thức vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên”¹.

Trong đời sống con người, “thấy” và “nghe” là hai diệu dụng của tâm hiển lộ rõ nhất và có phạm vi hoạt động cùng khắp. Chính vì vậy mà Đức Phật đã nương vào hai cửa sổ tâm hồn này để khai thị chơn tâm. Trong Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, quyển 3, Đức Phật dạy: “A Nan, ví như người lấy hai ngón tay bịt chặt hai lỗ tai, do lỗ tai mỗi một, trong đầu hóa ra có tiếng; cả cái nghe cùng cái mỗi một đồng là thể tính Bồ đề chăm chú phát ra tướng mỗi một. Nhân nơi hai thứ vọng trần động và tĩnh phát ra cái nghe ở trong, thu nạp cái trần tượng đó, gọi là tính nghe. Tính nghe ấy rời hai trần động tĩnh kia, rốt ráo không có tự thể. A Nan, ông nên biết, cái nghe đó không phải từ nơi động, nơi tĩnh mà đến, không phải từ nơi lỗ tai mà ra, không phải do hư không mà sinh. Vì có sao? Nếu cái nghe kia từ nơi tĩnh mà đến, thì khi động phải theo cái tĩnh mà diệt, lẽ ra không nghe được động. Nếu từ nơi động mà đến, thì khi tĩnh sẽ theo cái động mà diệt, lẽ ra không biết được tĩnh. Nếu do lỗ tai mà sinh, hẳn không có động có tĩnh, thì

1. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Quyển ba, Đoạn V - Thu Mười tám Giới (6 Căn, 6 Trần Và 6 Thức), Chi 1 - Thu nhãn, sắc và nhãn thức giới.

cái nghe như vậy vốn không tự tính. Nếu do hư không mà ra, thì đã có tính nghe, chắc không phải là hư không nữa; lại hư không tự nghe, nào có dính gì chỗ thu nạp của ông, vậy nên biết nhĩ nhập là luống dối, vốn không phải tính nhân duyên, không phải tính tự nhiên”¹...

Trong một đoạn văn kinh nói về việc Tôn giả A Nan còn hồ nghi căn tính không có tự thể, ghi như sau:

“Ông A Nan bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, như lời Phật dạy, chỗ phát tâm cầu được thường trụ trong lúc tu nhân, cốt yếu cần phải cân xứng với những đức tính trong lúc chứng quả. Bạch Thế Tôn, như trong quả vị, nào là Bồ Đề, Niết Bàn, Chân Như, Phật Tánh, Am Ma La Thức, Không Như Lai Tạng, Đại Viên Cảnh Trí, bảy thứ danh hiệu tuy có khác nhau, nhưng thể tính đều thanh tịnh viên mãn, vững chắc như Kim Cương Vương, thường trụ, không hư nát. Nếu cái thấy nghe, ngoài những tướng sáng tối, động tĩnh, thông bịt, rốt ráo không có tự thể cũng như cái tâm niệm, rời tiền trần ra, vốn không có gì, thì làm sao lại đem cái rốt ráo đoạn diệt ấy làm cái nhân tu hành, để được bảy quả thường trụ của Như Lai. Bạch Thế Tôn, nếu rời sáng tối, thì cái thấy rốt ráo là không. Nếu không có tiền trần, thì tự tính tâm niệm diệt mất, lui tới vắn xoay, suy xét chín chắn, vốn không có tâm tôi và tâm sở của tôi; vậy đem cái gì làm nhân, để cầu được vô thượng giác. Đức Như Lai trước kia nói cái tính hay biết yên lặng là viên mãn thường trụ, nhưng đã trái với lẽ thường, thì rốt cuộc chỉ thành hý luận, làm sao nhận được lời nói Như Lai là chân thật, xin Phật rủ lòng đại từ, mở chỗ mê chấp cho tôi”².

(Còn tiếp)

-
1. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Quyển ba, Đoạn III - Thu 6 Nhập: Nhân nhập, Nhĩ nhập, Tỷ nhập, Thiệt nhập, Thân nhập và Ý nhập, Chi 2. - Thu Nhĩ nhập.
 2. Kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, Chương II, Mục XII - Đánh chuông thật nghiệm tính thường, Đoạn I - Nghi căn tính không có tự thể.

Mai này, TÔI BỎ QUÊ TÔI...

Tùy bút của Huỳnh Dũng

Cổng lớn mở, ngôi chùa Tiêu Dao uy nghiêm, cổ kính đón tôi vào. Bảo Châu niềm nở hiện ra, ân cần mở cửa xe: “Chào thầy. Nhiều năm rồi thầy vẫn không thay đổi mấy”.

Tôi là người tin vào định số. Tối hôm nay với buổi tối xa nào... có vẻ như là sự lặp lại đầy bí ẩn. Cuộc đời lăm lức sao y hệt giấc mơ, có phải tôi với Bảo Châu đang ngồi bên, trong cuộc trà đàm hay chỉ là khói sương mộng mị.

Hai mươi tám năm trước, trong một buổi chiều lạnh cũng như cái lạnh đêm nay của đất trời Hà Nội, ở chùa Mây - một ngôi chùa hơn 400 năm tuổi trên vùng đất Chămpa cổ - An Nhơn, có người đàn ông dắt theo đứa con gái nhỏ loạng choạng trượt chân xuống mảnh ruộng ngập úng trước chùa.

Đời tôi luôn là những buổi chiều, luôn là những cú vấp, nhưng may thay chưa ngã.

Cổng chùa mở, cũng Bảo Châu của ngày ấy đưa tôi vào chánh điện lễ Phật và xin thầy trụ trì tá túc.

Mới 3 giờ sáng, tôi thức giấc không phải vì tín hiệu tin nhắn từ chiếc điện thoại, mà vì âm thanh tiếng chổi tre quét lá dưới sân chùa.

Tiếng chổi tre! Tiếng chổi tre xào xạc và bầu trời đêm rạng sáng chi chít hàng vạn ngôi sao nhỏ. Biết ngôi sao nào tên gọi Thu Hoài?

Tiếng chổi ngưng lúc cơn mưa sớm mai chọt lác rắc trên những tán lá trong tự viện chùa Tiêu Dao. Từng giọt mưa tí tách rơi như mang nỗi vắng lặng trên cao hòa cùng bao kỉ niệm thân thương kéo xuống. Trong màn mưa trắng xóa, thước phim của hai mươi tám năm trước quay lại, tôi nghe lẫn trong tiếng mưa như có tiếng ai cười mà đôi mắt u uẩn cứ ánh lên một thứ ánh sáng thao thức, bồn chồn.

...

Kính cẩn chào thầy trụ trì chùa Mây, cô ấy nói nhỏ nhỏ mà rành rọt, dứt khoát:

- Thầy biểu ảnh về đi, con không thể mất chồng.

Thầy trụ trì ôn tồn:

- Chùa này đâu phải nhà riêng của tôi, nên muốn ở thì thầy ở lại, muốn về thì thầy về với cô, chớ tui không biểu được.

Khuôn mặt tuyệt đẹp, phúc hậu với đôi mắt bồ câu như có ánh ráng chiều vụt lướt ngang, đánh lại như giọng nói:

- Con mất chồng, chùa thầy cũng sẽ không yên.

Nhà sư cười độ lượng, cảm thông:

- Hiền lành, bao dung như cô sao lại dọa người?

Bụng mặt bật khóc, hướng vào căn phòng nhỏ sau lưng thầy trụ trì – nơi người chồng khốn khổ đang ẩn nấp - cô thét lên tiếng thét tuyệt vọng của người thủy thủ trong cơn bão dữ giữa biển khơi trên con thuyền sắp đắm: “Về đi! Về với em, về với con đi anh! Em đã làm gì nên tội? Sao vợ chồng mình ra nông nỗi này, hở anh!”.

Giờ nhớ lại chiều nào em lên chùa “bắt” chồng về, tôi thêm được lấy tay lau nước mắt em - những giọt nước mắt trong trẻo đã khiến tôi nhìn đời như cổ tích và đi giữa đời như kẻ mộng du!

Có nhiều cuộc chia tay lạnh lùng, đơn giản như một phép trừ,
nghĩa vợ tình chồng đâu lẽ nào như thế!

*Nợ tình chưa trả cho ai,
Khối tình thác xuống tuyết dài, chưa tan!*

(Truyện Kiều)

Bảo Châu nhẹ chân bước vào phòng tự lúc nào tôi không biết. Chú khều tay tôi, giọng nói từ tốn, nhẹ hơn hơi thở: “Còn nhỏ, lại sớm tu nên trò chẳng biết gì về thất tình lục dục, nhưng học Phật, trò hiểu thầy đang còn nợ cô món nợ ân tình. Nợ trả chưa xong trốn mãi được sao thầy? Về đi thầy! chừng nào trả xong nợ cho cô, thì thầy hãy trở lại chôn này. Chùa Mây vẫn đợi thầy! Trò vẫn mãi đợi thầy”.

Vậy là tôi về!

Để từ đó, tôi đi!

*... chân mềm trên đá
Mộng du rừng, mộng du núi, mộng du cây
Hơn hai mươi mùa qua, loang loáng giấc mơ dài.*

Để từ đó, chân lại vấp trên bao nẻo đường đời bôn ba xuôi ngược, chỉ để đáp lại nghĩa tình đa đoan với vợ.

Nợ cũ trả chưa xong, thì nợ mới lại chất chồng, bởi lối sống quen mình của cô ấy. Mỗi sáng, mỗi chiều, cơm bung nước rót và những lời tỉ tê mọt mọt cứ xát vào lòng tôi bỏng rát như một vết thương chẳng biết tới khi nào thành sẹo: “Sao cũng được, cứ làm tội làm tình, khổ tới cỡ nào em cũng chịu, miễn đừng bỏ em, bỏ con, đừng xuống tóc vô chùa”. Tội nghiệp em, tội nghiệp tôi, chúng ta tìm nhau tự thuở xa xăm trong tiền kiếp, ảo huyền trong mộng mị chiêm bao để kiếp này gặp lại nhau, em được gì khi không ăn cùng mâm, không ngủ cùng phòng. Để mình sống cùng nhà mà cứ như kẻ đầu sông, người cuối biển. Và tôi biết nỗi cô đơn trong em cứ như vì sao khuya, đêm đêm toả sáng một mình.

Đời chỉ gặp một chuyện đau như vậy đã đủ đau cả một đời!

Với em, tôi là người có lỗi, tôi là người mắc nợ nhưng tôi đã làm gì nên tội?

Không hiểu sao tiếng chổi tre quét lá xào xạc trong đêm rạng sáng ở chùa Tiêu Dao cứ gọi lên trong tôi nỗi âu lo. Không hiểu sao hướng về miền biển Quy Nhơn hiền hòa sóng vỗ, ngày đêm tôi vẫn khắc khoải dõi theo cuộc hành trình của một số phận không may.

Đề từ đó...

Dù thực tế không ngừng dạy tôi phải tin vào sức mạnh của trí khôn, đồng tiền và quyền lực. Dù biết rằng chỉ có thực làm vỡ mộng chứ không thể nào mộng biến thành thực. Dù đã sống một đời thầy thợ chẳng bằng ai, nhưng cứ mỗi lần ngoái đầu nhìn về những năm tháng đã qua, tôi không thể nào quên ngôi chùa nhỏ cạnh cái làng nhỏ nằm dưới chân núi Bụt, nhìn ra dòng sông Lại Giang bốn mùa êm ả.

Trong luân hồi của tâm thức, tự đâu đó tôi luôn nghe ngọn gió vô thường đang thổi. Tĩnh tâm dưới gốc cây bồ đề nơi chư vị Tổ sư tĩnh tọa, giữa những cổ tháp hàng trăm năm tuổi của chư Tổ chùa Vân, tôi thấy mình trở nên thơ dại.

Cao cao trên đỉnh ngọn núi, nhiều đêm vẫn lóe sáng ngọn đuốc tự thiêu của bậc Thần tăng tổ đình tự cúng dường toàn thân xá lợi cho Tam bảo. Ngày 30, mồng 1, ngày rằm bà con Phật tử quanh vùng đều hội tụ về chiêm bái.

Hoa quỳnh chỉ sống được có một đêm: khuya mới nở, gần sáng đã tàn... Liệu có bao người kiên nhẫn chờ? Loài hoa ấy tượng trưng cho tình yêu hay tình thương? Tình yêu luôn ngắn ngủi, thất thường. Chỉ tình thương mới là vĩnh cửu.

Cuộc sống cứ dửng dưng trôi, day dứt làm gì? Bao năm rồi tôi đã để nó cuốn trôi đi, vậy sao tôi không chấp nhận mình là chiếc lá?

Đêm trăng mười bốn...

Thiền viện Nguyên Thiều

Lang thang bên ngọn Tháp Chàm hoang vắng. Lại chập chờn mơ tỉnh. Cuộc đời sao y hệt giấc chiêm bao. Sướng, khổ, buồn, vui... mọi thứ dường như đều do mình lại dường như không còn thuộc về mình nữa.

Cái chết rõ ràng quá, nào ai thoát mà phải sợ. Chuyện đáng nói là cái chết thì hiển nhiên mà có khi suốt cả đời, ta chưa một ngày *được sống*.

Thầy trụ trì mời vào...

- Bạch thầy, liệu khi nào đệ tử thành toàn được đại nguyện của đời mình?

Sư ông trầm ngâm:

- "*Đại mộng thùy tiên giác. Bình sinh ngã tự tri*"! Đời người phù du chớp thoáng chỉ là sự tiếp nối của những cơn mơ dài. Và "sông có khúc, người có lúc", khi không gặp "lúc", ta nên sống sao cho trọn với đời. Đã "ngã tự tri" rồi, thầy hãy "nhập thế". Hãy sống có ý nghĩa cho hiện tại! Bởi cống hiến hết mình cho cộng đồng cũng là một "pháp môn" và hãy nuôi dưỡng giấc mộng lớn của đời mình, dẫu phải đợi tới... vô lượng kiếp!

Khi đi xa, không phải ai cũng quay về chốn cũ. Có phải tiếng chổi tre Tiêu Dao đêm nay, có phải ánh trăng xưa gọi tôi về lại hay tiếng chuông, tiếng mõ quyện trong làn khói hương trầm suốt một thời trai trẻ, réo gọi tôi về!

Không ai bắt tôi phải đắm mình trong kỉ niệm. Không ai bắt tôi phải nhớ da diết ngôi chùa nhỏ mỗi khi chiều xuống. Không ai bắt tôi đêm nào cũng mơ thấy bóng trăng thuở nào treo lơ lửng trên đường quê An Phước và rơi từng giọt vàng xuống chỗ Bảo Châu ngồi. Những điều đó đã đến một cách tự nhiên, cũng giống như hồi ấy hễ cứ về chùa Mây, tôi lại thấy lòng mình lặng sóng.

Xin gửi Bảo Châu lời dặn bình thường ngày nào mà sao tôi nghe cứ như lời ước hẹn "...trả xong món nợ ân tình cho cô, thầy hãy trở lại. Chùa Mây vẫn mãi đợi thầy!".

Đời người ngắn hay dài, ở hay đi, rớt cùng cũng đều như con tàu về đến đích. Khi tàu vào ga, trăm người tỏa ra trăm hướng, cuộc gặp gỡ bất chợt, thoáng qua âu cũng là duyên phận...

Vạn vật vô thường; cái gì cũng có thời điểm. Duyên phận cũng vậy! Bởi thế nên phải nắm thật chắc, giữ thật chặt, hết lòng trân quý. Đó là món quà chư Phật ban tặng, lắm khi chỉ trong một giây, một khắc, một đoạn, một năm, chứ chắc gì được cả đời. *Nhân duyên đáng quý là thế! Ngắn ngủi là thế!* Vậy khi có được, sao ta không gìn giữ, chỉ đến khi mất rồi mới hối tiếc thì quá muộn! Tất cả đã một đi không trở lại, vĩnh viễn thành quá khứ!

Thế sự luôn đổi thay, lòng người cũng có thể đổi khác, nhưng từng ấy năm, tôi vẫn hằng mơ ngày trở về chùa Mây như mơ ngày thuyền về với bến, dầu chưa kịp chuẩn bị chút tư lương cho cuộc hành trình.

Bảo Châu ơi! Chú đâu biết cái giọng nói bao giờ cũng từ tốn, nhẹ hơn hơi thở, phảng phất mùi trầm hương cửa Phật đầy sức ám ảnh thuở ấy của chú, đã xua đi bao nhọc nhằn để dầu tôi lại cứ vấp, nhưng chưa ngã một lần.

Đời tôi luôn là những buổi chiều, luôn là những chuyến đi, luôn là những lần trượt, vấp.

Lại một buổi chiều trên sông nước Tràng An!

Hạnh phúc là điều nhiều lúc chẳng dễ nhận ra. Để khi mất rồi, người ta mới biết.

Tôi đã đắm mình trong một buổi chiều hạnh phúc.

Bồng bênh, chấp chới giữa mộng và thực trên chiếc xuồng con với cô nhạc sĩ có cái tên gợi nhớ về một mùa thu xa: Thu Hoài...

Đẹp quá! Những dãy núi đá chập chùng khắc lên giữa đất trời lòng lộng dáng thể Phật nhập Niết bàn.

Đẹp quá! Những thạch nhũ âu yếm trên đầu như bàn tay nào chực vuốt tóc ai.

Đẹp quá! Dáng vẻ kiêu sa, điệu đà của Thu Hoài ngồi tựa mạn xuồng. Quanh em, vô vàn giọt nước li ti long lanh hắt ngược từ lòng sông lên theo mái chèo khua...

Không kiềm nổi cảm xúc, tôi thì thầm đọc:

Ai làm núi đứng ngẩn ngơ

Ai làm nước chảy lơ thơ dưới cầu

Nào ai đã nói gì đâu

...

Tôi hốt hoảng dừng lại khi chợt nhận ra cánh cò trắng chao nghiêng trong đôi mắt ướt ướt của Thu Hoài.

Ở phía chân trời xa, hình như có vài cánh chim bay ngơ ngác. Chúng đang bay về đâu, mà sao đằng sau những đôi cánh chấp chới kia, dãy rặng đò trời chiều cứ cháy lên thảng thốt?

Chiều xuống, lúc chia tay, tôi trượt chân ở bậc thềm đá khi bước lên bờ.

Tại ai?

Tại trời chiều trên sông nước Tràng An đẹp quá! Tại tôi mãi lãng đãng nghĩ về những điều không được phép nghĩ và mơ giấc mơ cổ tích của một thuở xa xôi, dẫu còn đâu bàn tay nuột nà của Thu Hoài lướt nhanh trên phím chiếc dương cầm du dương trong vườn thu xưa với những mùa vàng rực nắng...

Hay tại cánh cò chao nghiêng trong mắt cô nhạc sĩ làm lòng tôi sóng sánh như bát nước đầy?

Về lại Quy Nhơn...

Biển vẫn hiền hòa ngân nga khúc nhạc ngàn năm

Dòng sông Lại giang vẫn êm ả chảy xuôi về những cánh đồng lúa mạ xanh mướt của miền quê Hoài Nhơn trù phú.

Và chùa Mây vẫn như tách trà trong sương ướp bằng bao chuyện cổ tích “ngày xưa, ngày xưa...”

*“Mai này tôi bỏ quê tôi
Bỏ trắng, bỏ gió, chao ôi! Bỏ chùa.”*

(Quê tôi – Nguyễn Bình)

Sao lại bỏ? Có ai bỏ ai đâu, mà câu thơ Nguyễn Bình cứ âm ức, dẫn dỗi như tiếng khóc của cô gái nhỏ lần đầu trong đời khóc một cuộc tình.

Đắm chìm trong sự tĩnh lặng muôn đời của vườn chùa đang thom dịu hương sen, tôi bắt đầu suy cảm về số phận loài lá vàng chết rụng mỗi độ thu về và những con cuộc kêu rí rả suốt mấy tháng hè oi ả. Để rồi, nếu ai có hỏi tại sao tôi cứ cố níu từ cái cầu ao chênh vênh đến túp lều tranh xơ xác, cố níu tiếng chuông ngân nga; cố níu tấm áo nâu sồng ó màu bùn, cố níu những giọt mưa bay bay trong ánh hoàng hôn như tơ trời giăng mắc; cố níu tất cả hình ảnh xưa cũ đã lùi xa vào miền kí ức;... thì tôi sẽ trả lời sao đây?■

Thương nhớ NHẠC SĨ GIÁC AN

Hạnh Phương

Bao giờ tôi cũng thấy Giác An mỏng như lá lúa. Mái tóc dài đen nhánh, dài phủ đến gáy, tóc nhiều xòa rộng như người che gàn kín khuôn mặt người. Bước đi chàng nhạc sĩ lúc nào cũng nhẹ nhàng, bình bông thanh thoát, các em yêu... đừng hòng nghe tiếng gót giày da động thêm hiên tu viện của chàng.

Liên tưởng hình hài lá lúa, cũng là mối duyên tình tự cho mình liên tưởng rất nhiều đến quê hương Việt Nam. Quán niệm Giác An là quán niệm đến con đường hiện đại hóa đạo Phật, con đường đem đạo vào đời. Quán niệm Mặc như lời... Im lặng sấm sét.

Gặp Giác An ở tu viện Phước Hoa nhiều lần, nhưng cứ đến chốn thiền môn quy củ này thì ai vào việc này, không huyên thuyên sáo ngữ, không huyên đàm thế sự... Thời gian riêng tư rất ít ỏi, hình như ai cũng lắng nghe, tiếp xúc được tiếng hải triều vang vọng trong tâm, cảm giác được dòng cam lộ đức Quán Thế Âm gội mát trần tâm. Giác An ngồi vào vị trí đàn Organ, HP ngồi vào vị trí một tín đồ ngoan ngoãn đến chùa lễ Phật... Quy luật im lặng là vàng được áp dụng. Thế nên, dù gặp nhiều lần, tôi chẳng mấy biết điều gì về anh chàng nhạc sĩ kín tiếng. Hy hữu lắm, có lần tôi nghe được lời anh tự bạch. Anh là đệ tử xuất gia của Hòa thượng Thích Tâm Châu.

Khi anh cất bước viễn du, giã từ thế giới ngũ trược, tôi có một nỗi trăn trở, vì đan dứu việc ứng xử thế tình, tôi đã không đến viếng hương linh Giác An... Nay, chân thành bày tỏ nỗi trăn trở này, mong Giác An hoan hỷ, và cũng hi vọng ca sĩ Hiếu Ngọc, và cả các cháu... cảm thông sự vắng mặt của HP trong tang lễ Giác An.

Giác An như cá lội nước, cứ vào nước là bơi là quẫy, là lội... Anh không hề trăn trở suy tư, không hề ứng cơ phản biện, ứng đối. Anh lặng lẽ chuyển tải tinh hoa tư tưởng Phật giáo vào âm nhạc của anh. Tuy đồng thời với quý nhạc sĩ huynh trưởng Hằng Vang, Uy Thi Ca, Lê Cao Phan... nhưng Giác An không nhất thiết tự coi mình là kẻ đồng hành cùng các bậc huynh trưởng... Anh tự có con đường của anh... Anh đã thành công trên con đường anh đã tự hoạch định. Tôi lắng nghe của anh, phảng phất âm hưởng bài thơ *Niệm Phật* của tôi, nhưng tôi biết khi anh viết ca khúc ấy thì anh chưa hề biết bài thơ *Niệm Phật* tôi đã viết. Có lẽ, đây là cứ liệu duy nhất chứng minh tôi với anh đồng cảm, đồng điệu...

Tôi hy vọng, sau Giác An, hãy còn, hãy còn nhiều bạn trẻ, tiếp bước chân anh... Tuy nhiên, muốn thành công trên đường đem đạo vào đời là cả một quá trình kiên nhẫn, kiên trì... tự mình nuôi dưỡng Phật chất, Phật tính, tự mình dưỡng dục tâm linh mình bằng chất liệu Từ bi, Trí tuệ trong bản thân cho đến lúc tinh anh phát tiết ra ngoài...

Nói đến Giác An mà không nói đến ca sĩ Hiếu Ngọc - vợ của anh e khiêm khuyết.

Nhiều lần được nghe Hiếu Ngọc hát ở tu viện Phước Hoa, tôi nhận thấy Hiếu Ngọc hát rất điềm đạm, tròn vành, rõ chữ... tự nghĩ không nên huyền đàm lan man. Nhân đây, tôi muốn tập thể anh chị em văn nghệ sĩ Phật tử chúng mình, bất cứ ai cũng tự coi tinh hoa tư

tượng Phật đạo, là kim chỉ nam, dẫn đạo mình trên con đường đem đạo vào đời...

Tôi nhớ, Thiền sư Nhất Hạnh nói nơi chuyên luận *Đạo Phật ngày mai* rằng: Mỗi người con Phật nên tự xây cất cho mình một ngôi chùa tâm linh... Mái chùa tâm linh ấy, thì không có bất cứ bạo lực tư tưởng nào có thể tàn phá, hủy diệt. Nó tồn tại trường cửu với bản thể tâm linh mình.

Hòa thượng Trí Quang cũng dạy chúng ta: “Chúng tôi nguyện: đem xương máu trang trải cho Phật pháp. Và nếu chết là chết cái chân lý trước bạo lực chứ không phải chết vì bạo lực này kém bạo lực khác”.

Tôi muốn gợi nhắc châm ngôn chánh ngữ ấy nơi lễ tưởng niệm nhạc sĩ Giác An hôm nay, là hãy mở rộng đôi tay tâm thức chánh hạnh của mình, ôm lấy tư tưởng chánh ngữ ấy làm phương châm nhật tụng trên con đường đem đạo vào đời, trên là tâm hương cúng dường Tam Bảo, dưới là nguồn pháp lạc phụng sự nhân hoàn.

NAM MÔ PHÁP HỮ TẠNG BỒ TÁT MA HA TÁT.■





KIM CANG KINH

Diễn ngâm

Phạm Văn Nga

*Phật pháp đó: nhiệm mầu vô thượng,
Muôn kiếp sau tưởng dễ gặp khi!
Nay con xưng tụng thọ trì,
Nguyện lòng tinh tấn nghĩ suy kinh này.*

*Một thưở nọ chợt hay Phật ngữ
Xá Vệ Thành hội đủ chư tăng,
Nghìn hai năm chực thẳng hàng,
Bước theo gót Phật đàng hoàng thọ trai,
Vừa lúc ấy thấy Ngài về trụ,
Độ cơm xong, Phật ngữ pháp tòa,
Tu Bồ Đề mới bước ra,
Áo chìa vai phải, quỳ và kính thưa,
Bạch Thế Tôn, từ xưa ước nguyện,
Lòng con mong có dịp tỏ bày
Trai lành gái thiện hôm nay
Phát tâm vô thượng ngày rày lắng nghe
Quả Chính giác hướng về tâm trụ,
Hàng phục tâm phủ dụ ra sao?
Thế Tôn, Ngài ngữ ngời cao,
Hãy cho con biết đường nào phải đi*

Thế Tôn dạy: Vì con ta nói,
Tốt lành thấy, mong mỗi an tâm,
Chúng sanh thoát khỏi mê lầm,
Hoa tàn lại phục sinh mầm Như Lai,
Nay các con, ai ai phải nhớ,
Bao chúng sinh lớn nhỏ muôn loài,
Dù là sinh nở từ thai,
Dù là noãn thấp hình hài ra sao,
Không phân biệt Phật nào phân biệt,
Chúng sanh cùng sinh diệt như nhau,
Dù cho căn tướng loài nào,
Pháp kia vẫn mở nẻo vào Vô dư
Bởi Niết Bàn không từ đâu tới
Mà chúng sinh chẳng đến từ đâu,
Lấy chỉ mà đắc pháp mẫu?
Vô thường chấp tướng ban đầu là sai,
Phật độ ai, mà ai diệt độ?
Khi tánh lành tự ngộ mà thôi,
Chúng sinh bốn tướng mắc rồi,
Ngã, nhân, thọ giả, một đời quán quanh,
Đừng vọng chấp mới thành Bồ tát,
Dựa tướng kia sao đạt chân tâm,
Muốn mau thoát khỏi mê lầm,
Tu sáu hạnh lớn chuyên cần trang nghiêm,
Hạnh tinh tấn đầu tiên: Bồ thí
Không nương theo mùi vị, thanh âm,
Không nương hình sắc sáu trần,
Thì công đức ấy vô ngần xiết bao,
Tu Bồ Đề, làm sao tính nổi,
Do hư không thế giới mười phương?

Nếu chẳng theo tướng mà nương,
 Bỏ tát bố thí phước dường bao la,
 Người có nghĩ tướng thân là Phật?
 Tu Bồ Đề, người thật nghĩ sao?
 Tướng kia chẳng thật đâu nào,
 Thế Tôn đã dạy làm sao quên lời,
 Phật lại bảo: Trên đời đang sống,
 Thân tướng kia hư vọng mà thôi,
 Hiểu ra vô tướng rõ rồi,
 Mới hay bản thể sáng ngời Như Lai,
 Bạch Thế Tôn, có ai nghe được,
 Máy lời trên sau trước có tin?
 Phật rằng: Chắc chắn sẽ tin,
 Những ai giới hạnh trau mình bấy lâu
 Ai vừa nghe mấy câu đã ngộ,
 Nhân lành xưa quả trở ngày sau,
 Vì chẳng phước huệ nhiệm màu,
 Từ vô lượng kiếp kháu đầu nghe kinh,
 Người phải biết chúng sinh như thế,
 Lòng kính tin bén rễ xưa nay,
 Năm trăm năm cuối sau này
 Khi ta tịch diệt có ngày về nghe,
 Phước như biển tràn trề vô lượng,
 Vì người xem bốn tướng là không,
 Pháp hay phi pháp cũng không,
 Ví như bè đã qua sông cần gì?

ĐẾN CHÙA HÀ

CẦU *Thịnh Duyên*

Đặng Xuân Xuyên

Chùa Hà có tên chữ là Thánh Đức tự, trước kia thuộc làng Dịch Vọng (tên nôm là làng Vòng), huyện Từ Liêm, nay thuộc phố Chùa Hà, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Có hai truyền thuyết về chùa Hà.

Truyền thuyết thứ nhất:

Vào thời Lý, khi vua Lý Thánh Tông trị vì, lúc đã 42 tuổi mà vẫn chưa có con nên đã cầu tự ở một ngôi chùa mà sinh ra Thái tử Càn Đức, do đó ngôi chùa này gọi là chùa Thánh Chúa để kỷ niệm sự kiện này. Trên đường đi vua còn ghé qua một ngôi chùa khác và ban tiền bạc cho chùa để trùng tu lại, vì vậy chùa này (chùa Hà) còn có tên là Thánh Đức tự.

Truyền thuyết thứ hai:

Chùa Hà được xây dựng lên để vua Lê Thánh Tông bày tỏ lòng nhớ ơn các đại thần như Nguyễn Trãi, Nguyễn Xí, Đinh Liệt đã phế bỏ Lê Nghi Dân để phò tá ông lên ngôi vua vào năm 1460.

Trải qua bao phen binh hỏa, chùa Thánh Đức đã bị phá hủy nhiều lần. Đến năm 1680 chùa vẫn còn lợp lá gồi, tường xây bằng gạch vồ nên người dân gọi là chùa Vôi. Đến đời vua Lê Hy Tông (1675-1705) có hai người quê làng Thổ Hà (tỉnh Bắc Giang ngày nay) sang ở chùa

để bán các đồ gốm sứ ở chợ trong và ngoài thành Thăng Long. Nhờ buôn bán phát đạt, hai gia đình này tình nguyện công đức số tiền lớn cùng nhân dân trong xóm xây dựng lại chùa với quy mô lớn bằng gạch ngói vào năm Chính Hòa (1680). Từ đó hai làng Thổ Hà và Dịch Vọng Trung kết nghĩa, đặt tên xóm có ngôi chùa là Bối Hà và chùa có tên nôm là chùa Hà.

Kiến trúc của chùa được quy hoạch trong một khoảng không gian rộng thoáng. Ngoài cùng là cổng Tam quan xây hai tầng có hệ thống cầu thang lên ở phía trái. Tầng trên xây kiểu chông diêm, giữa bờ đỉnh mái thượng đắp nổi hình mặt trời lửa đặt trên hình hổ phù, hai đầu kim đắp hình rồng đuôi xoắn, miệng ngậm bờ nóc, mái lợp giả ngói ống. Tầng dưới chia làm ba gian, với 12 cột trụ xây nổi trên mặt tường. Tam quan có ba vòm cửa, cửa giữa rộng hơn.

Tầng hai Tam quan treo chuông đồng Thánh Đức tự, niên hiệu Cảnh Thịnh thứ 7 (1799), một di vật thời Tây Sơn còn bảo quản nguyên vẹn. Chuông cao 1m20, chu vi đáy 1m80 được đúc tinh tế, phần trên bốn múi chuông được khắc nội dung văn chuông, phần dưới được khắc tứ linh: Long, ly, quy, phượng, cách điệu mà rất sống động. Phía trên là hai con bò lao đầu nhìn về hai phía, bốn chân gắn chặt vào chuông



Chùa Hà nhìn ra hướng Tây, kết cấu kiểu chữ Đinh có Tiền đường và Thượng điện, tam bảo năm gian rộng. Tòa Phật điện của chùa được bố trí theo nhiều lớp. Lớp cao nhất là

ba pho Tam thế. Lớp thứ hai là ba pho tượng Tam Thánh. Phía dưới tượng A Di Đà: tượng A Nan Đà, Đức Ông.

Phía ngoài chính điện giáp với đại bái là tượng Thích Ca sơ sinh. Lớp tượng ở nhà bái đường nổi bật nhất là tượng Thiên Tướng Hộ Pháp cao lớn mặc áo giáp vàng ngồi trên con sấu. Hai bên đầu hồi còn đặt 8 vị Thần Vương Hộ Pháp.

Phía sau chính điện của chùa là Điện Mẫu. Kiến trúc Điện Mẫu bao gồm phía trước là phương đình, phía sau là Thần điện. Trong phương đình có đặt đỉnh hương và đôi hạc lớn. Phía sau phương đình là nhà bái đường gồm 5 gian làm theo kiến trúc cổ. Gian chính giữa đặt Mẫu Thượng Thiên trang phục màu đỏ, bên trái là tượng Mẫu Thượng Ngàn trang phục màu xanh, bên phải là tượng Mẫu Thủy trang phục màu trắng. Ngoài ra, còn có tượng các ông hoàng, bà chúa, tượng các cô, các cậu. Đặc biệt là bức phù điêu Bát Tiên treo bên trái hồi rất sống động.

Bàn thờ phía dưới cùng của Điện Mẫu là Ngũ Hổ thần quan, hay gọi nôm là Quan Năm Dinh, biểu tượng bằng 5 mảnh hổ với màu sắc khác nhau.

Nếu như những ngôi chùa khác tập trung nhiều tầng lớp trung niên, các cụ ông cụ bà, đến lễ bái, thì chùa Hà được đông đảo người trẻ tìm đến để cầu tình yêu.

Dân gian tin rằng chùa Hà rất linh nghiệm với những cầu nguyện về thi cử, học hành và tình duyên. Rất nhiều nam thanh nữ tú (nhất là những người đang cô đơn, lẻ bóng, những người không may trong chuyện gia đình) đầu xuân đến chùa Hà để cầu xin sớm gặp được người chồng (vợ) như ý, hoặc cầu xin tình yêu sớm đơm hoa kết trái, hạnh phúc gia đình được viên mãn.

Dân gian cũng tin rằng: Đức Ông chùa Hà rất linh thiêng nên dân quanh vùng có câu “Đức Ông chùa Hà, Đức Bà chùa Hương”■



LẮT PHÁT *Mùa xuân*

Tôn Nữ Mỹ Hạnh

*Mùa xuân về gõ cửa
Phố tràn ngập sắc hoa
Ngọt ngào bay trong gió
Dịu dàng áo lụa sa.*

*Sương còn đọng trên lá
Em theo mẹ lên chùa
Đôi cỏ non xanh mượt
Ngoài trời lất phất mưa.*

*Trên cành lung linh lá
Mấy chú chim chìa vôi
Đốt chì mà lạnh lốt
Phải chăng đón xuân ngời.*

*Chấp chới từng cánh én
Bay về hướng núi xa
Báo tin xuân đã đến
Đất trời rộng bao la.*

*



Mùa xuân đi qua ngỡ
Ai đợi trước thềm hoa
Phải chăng là sắc nhớ
Của một ngày đã xa.

Cùng anh đi hái lộc
Cánh đồng hương cỏ hoa
Trời xanh trong mắt ngọc
Mơ màng khúc hoan ca.

Bao chồi non óng biếc
Trở mình trên đất nâu
Lát phát từng hạt nhỏ
Mùa xuân đến từ đâu.

Cánh đồng thơm trấu hạt
Mùa vàng trên quê hương
Lòng uơm đầy nguyện ước
Mùa xuân của yêu thương.

Những mùa HOA VẠN THỌ

Cưa mình trong nắng ban mai
Hây hây gió sớm sân ngoài ngõ trong
Góc vườn ướt rãi đất thơm
Cành non tách nhánh như đàn nụ hoa.

Nhớ sao cái Tết quê nhà
Đánh hao sợi nắng la đà mưa xuân
Lan man hồn phố cuối năm
Mùa hoa vạn thọ nồng nàn trong tôi.

Cha gieo hạt giống luống cời
Mầm tơ đội đất nảy chồi non xanh
Chạp giêng ngày tháng đến gần
Chờ hoa bùng sắc rộn ràng ngõ trưa.

Se se gió chướng nghịch mùa
Bàn tay gầy quộc mẹ lùa lá mai
Cái dưa gói ghém trong ngoài
Nghe con chim khách đón ai trên cành.

Cúi nồng thơm lừng chưng xanh
Giao thừa lên bếp lửa hồng băng khuâng
Mùa đi mùa đến bao lần
Biết ai còn nhớ sắc vàng hoa xưa.



Về với

THIÊN NHIÊN...

Nguyễn Quốc Nam

Hôm nay về với thiên nhiên
Bỏ bao sầu muộn u phiền sau lưng
Về đây có suối có rừng
Có chim muông hát chào mừng quanh ta
Gió khua ngàn lá hoan ca
Hoà cùng cây cỏ hương hoa ngọt ngào
Suối reo dòng nước dạt dào
Trong xanh mát rượi nao nao lòng người
Nhìn thiên nhiên nở nụ cười
Tâm yên an lạc giữa đời là đây
Niềm vui ngay phút giây này
Đ hạnh phúc có mặt tràn đầy trong ta.



MÙA XUÂN
NHỮNG GIÂY PHÚT
TUYỆT VỜI...

Mùa xuân muôn hoa đua nở
 Dâng sắc hương chạm đến từng trái tim
 Làm lay động lòng người đến tận cùng
 Cuộc sống có những phút giây tuyệt vời
 Những phạm hạnh thanh cao không cần khoe hương sắc
 Nhưng bay xa và lan tỏa khắp nơi
 Đào dạt niềm nhân ái trong cuộc sống
 Nâng niu, chắt chiu từng khoảng khắc yêu thương
 Làm mọi người tỉnh thức thân thiện nhau hơn
 Làm thắm hoa tươi thắm cho cuộc đời
 Trái tim yêu thương và trí huệ bừng sáng
 Bóng tối tự nhiên tan biến trước mắt mọi người
 Cái thiện lên ngôi tràn đầy niềm hoan hỷ
 Ôi mùa xuân những giây phút tuyệt vời...



Vài nét

THÁP DƯỢC SƯ

CHÙA PHÚC LÂM - BIÊN HÒA

Quần Anh

Tháp Dược Sư là một trong các hạng mục công trình trùng tu xây dựng Chùa Phúc Lâm giai đoạn 2023-2024. Tháp Dược Sư có kiến trúc tứ giác, gồm 7 tầng mái, với chiều cao 33 mét (tính từ cốt nền). Tháp Dược Sư được xây dựng bằng nghệ thuật bê tông giả gỗ theo phong cách kiến truyền thống Phật giáo Bắc bộ tại mảnh đất miền Đông Nam bộ. Dự kiến ngôi tháp này sẽ hoàn thiện trước thềm xuân Ất Ty 2025.

Theo như lời tâm sự của Thượng tọa Thích Minh Trí, trụ trì chùa Phúc Lâm, mục đích xây tháp mang đậm nét chân quê mộc mạc bình dân, “để mọi thành phần đều có thể đến chiêm bái cửa Phật. Người khá giả thì lắng lòng tịnh tâm. Người khó khăn thì không mặc cảm tự ti”.

Trong thời gian xây tháp, do bị giàn giáo che chắn nên mọi người khó thấy được kiến trúc cũng như các hoa văn họa tiết của tháp như thế nào. Chỉ đến ngày các nghệ nhân hạ giàn giáo tầng mái thứ 6 để tiếp tục hoàn thiện tầng mái thứ 5 tháp, thì mới làm lộ diện kiến trúc tầng mái thứ 6 tháp Dược Sư với cổ lầu được trang trí bằng lan can hoa văn triện tàu lá vắt.

Thượng tọa Thích Minh Trí cho biết 5 tầng mái còn lại của tháp sẽ đồng kiến trúc như tầng mái thứ 6. Hiện nay, thi công hoàn thiện



tháp Dược Sư có 3 nhóm thợ, tổng cộng 24 người. Nhóm thợ miền Nam hoàn thiện nội thất tháp. Nhóm nghệ nhân Hải Hậu, Nam Định hoàn thiện phần mái tháp. Nhóm thợ sơn giả gỗ hoàn thiện phần kèo cột, rui mè,...dưới tầng mái của tháp. Cả 3 nhóm thợ đều nỗ lực theo nhau hoàn thành mỗi tầng tháp một tuần.

Sau khi hạ giàn giáo tầng mái thứ 6 tháp Dược Sư, mọi người tràn ngập niềm hoan hỷ về kiến trúc tháp Dược Sư. Được biết, tháp Dược Sư chỉ có bản vẽ thiết kế kết cấu, chiều cao của tháp mà không

có bản thiết kế chi tiết trang trí họa tiết. Việc định hình kiến trúc tháp, chọn tỷ lệ thước tắc cân đối giữa chiều cao mỗi tầng và mái cùng với việc chọn các họa tiết hoa văn trang trí tháp đều được thực hiện bằng quá trình quan sát, sự trải nghiệm xây dựng chùa và những kiến thức về văn hóa kiến trúc đình chùa miền Bắc mà thầy trụ trì đã tích lũy qua năm tháng.

Vì vậy, sau khi hạ giàn giáo tầng mái thứ 6 của tháp Dược Sư, nhìn tỷ lệ, hoa văn, màu sắc tầng mái ngấn thứ 6 và tầng mái đỉnh tháp rất cân đối hài hoà với nhau, không một chi tiết nào chống trái nhau. Nhiều người tin rằng hạng mục tháp Dược Sư chắc chắn thành công như mong đợi.

Trên thực tế, việc xây tháp tứ giác điểm khó nhất chính là tỷ lệ giữa mái tháp và thân tháp, giữa tầng mái ngấn trên và dưới, giữa thân tháp và cổ lâu dưới và trên. Những tỷ lệ này đều phải cân đối hài hoà trong không gian 3 chiều.

Điểm khó nữa của việc xây tháp tứ giác là độ cong của các góc mái sao cho không quá công vút làm gãy góc mái, không quá ngang làm mái thiếu đi sự mềm mại.

Điểm khó cuối cùng là trang trí cổ lâu thế nào để thân tháp không bị thấp xuống như người bị rụt cổ.

Để hoàn thiện tháp Dược Sư, ước tính sơ bộ:

- Về hoa văn họa tiết, các nghệ nhân làm và gắn: 28 đầu đao “rồng châu phượng móm”, 14 chữ Thọ tròn, 13 bánh xe Pháp luân, 96 lan can triện tàu lá vắt, 72 trụ đầu vuông, trên 2.000 lá Bồ đề, 28 bông lúa, hơn 300 hoa thị chạy bờ mái, đắp nổi 140 chiếc bầy, 140 chữ Thọ vuông gắn đầu bầy, 02 hoa văn chữ Thọ hóa rồng đồng, dán 22.000 viên ngói mũi hài;

- Về xây tô, các thợ xây phải tô trát 850 m² vuông tường, đắp 400 m² rui mè, ốp tường 23.500 viên gạch (100x300), đắp hàng ngàn mét

chỉ mạch gạch ốp tường, lát gạch 132 mét bậc cầu thang, lót 150 m² gạch nền v.v.

Những điều ít biết về công trình trùng tu xây dựng Chùa Phúc Lâm:

1/ Với diện tích khuôn viên chùa Phúc Lâm khoảng 2.000 m², công trình được xây dựng theo phong cách kiến trúc đình chùa miền Bắc kết hợp nhuần nhuyễn, hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Chất lượng công trình kiên cố, tồn tại với thời gian ít nhất 01 thế kỷ.

2/ Bảo tồn và phát huy được các giá trị kiến trúc và các biểu mẫu hoa văn họa tiết chuẩn cổ của dân tộc Việt.

3/ Đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng, Phật giáo của mọi tầng lớp nhân dân bằng các hạng mục tín ngưỡng, Phật giáo miền Bắc.

4/ Đủ không gian tổ chức các lễ trọng của Phật giáo với khoảng 500 người tham dự.

5/ Đủ tiện nghi cho 10 sư tăng thường trú sinh hoạt trong chùa.

6/ Thượng tọa trụ trì vừa là đại diện chủ đầu tư, vừa là chủ thầu, vừa là công trình sư, vừa là kiến trúc sư, vừa là giám sát sư, vừa là người mua vật liệu xây dựng, trả lương thợ mỗi tuần.

7/ Chủ đầu tư không vay, không nợ dù chỉ một đồng của bất cứ ai từ khi khởi công cho đến ngày hoàn thành.

8/ Hiện nay, chỉ còn lại công trình chạm trở hoa văn gỗ (hoành phi, câu đối, cửa võng, cuốn thư, khám thờ, bệ tượng, bàn hương án) để trang trí bên trong các hạng mục: Tây Phương Điện, Hộ Quốc Từ, Tổ Đường, La Hán Đường, Dược Sư Tháp, Linh Cốt Đường và Ký Linh Đường. Công trình này hiện đang được Nhà gỗ Tú Chinh khẩn trương thi công tại thôn Quân Anh, xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, Nam Định. Dự kiến công trình chạm trở hoa văn gỗ, sơn son thếp vàng này sẽ hoàn thành viên mãn sau đại lễ Phật đản năm Ất Tỵ (2025).

9/ Riêng công trình 36 tôn tượng mộc chư Phật, Bồ tát, Hiền thánh tằng bằng chất liệu gỗ mít ta sẽ được khởi công sơn son thếp vàng tại chùa Phúc Lâm ngay sau Tết Nguyên đán Ất Tỵ (2025).

10/ Năm 2026 là năm đánh dấu kỷ niệm 70 năm hình thành và phát triển chùa Phúc Lâm; tròn 30 năm thầy trụ trì đơn thân độc mã đặt chân đến vùng đất Biên Hoà, đảm nhiệm trọng trách chấn hưng chùa Phúc Lâm khi tuổi đời chưa đến 27 mùa Xuân.

Vì vậy, Thượng tọa trụ trì dự kiến Lễ Khánh thành chùa và tháp

Dược Sư sẽ được tiến hành tổ chức vào tháng 02 âm lịch năm Bính Ngọ (2026) để trùng với 02 cột mốc thời gian trên đây.

11/ Sau khi chính quyền Đồng Nai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trong giai đoạn 2023-2025, chùa Phúc Lâm có địa chỉ mới là: số 1272, đường Phạm Văn Thuận, khu phố 7, phường Tân Mai, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. ■





HAI ANH EM

Cùng làm SA MÔN

Trí Minh Đặng Hùng Anh

*Vào thuở hiệu Phật là Ca Diếp
Có hai anh em ruột xuất gia
Tuy chung một hướng Phật đà
Nhưng đường tu học lại là khác nhau
Anh thì muốn cho mau phát tuệ
Chọn tu thiền, tu phước không ưa
Em thì tu phước say sưa
Những lo bố thí mà chưa thiền ra
Đến đời Phật Thích Ca hoàng đạo
Người anh theo tu tập, tiến nhanh
Bậc A La Hán đạt thành
Nhưng phần cơm áo mong manh, thất thường
Đi khát thực chung đường tăng chúng
Họ bát đầy, anh bát trống không*

Nhiều khi sáu, bảy ngày ròng
Được cho đôi chút lót lòng cầm hơi
Người em sinh làm đời thú vật
Một con voi to, rất kiên cường
Được vua ưng ý, quý thương
Cho đầy vũ khí chống phường xâm lăng
Vua ra lệnh phải săn sóc kỹ
Trên thân voi trang trí ngọc vàng
Đồ ăn thức uống sẵn sàng
Phân vài trăm hộ lo toan ngày ngày
Nhà sư biết voi này, kiếp nọ
Chính là người em ruột của mình
Những điều quán chiếu định ninh
Đến thăm để kể sự tình trước sau
Kể tai voi, Sa môn nói vội
Chúng ta đều có tội biết không?
Lời Thầy khéo dạy vừa xong
Voi liền biết chuyện tiền thân rõ ràng
Rồi từ đó chẳng màng chi cả
Người nài voi sợ quá, tâu ngay
Rằng voi biểu hiện lạ thay
Buồn rầu, đã trải mấy ngày nhịn ăn
Tìm chẳng biết nguyên nhân nhân nào cả
Vua hỏi rằng ai đã đến đây

Đã cho ăn đắng, uống cay
 Hay là xúc phạm, quấy rầy nào chẳng
 Nài nói, có vị tăng ôm bát
 Đến bên voi một lát rồi đi
 Vua nghe, ra lệnh tức thì
 Lùng Sa môn đó kẻ chi xa gần
 Vào rừng, núi đã lần ra được
 Dưa sư về, trình trước bệ rồng
 Vua nói rằng, sẽ rộng lòng
 Nếu sư cho biết đã làm gì voi
 Sư đáp lại, gần voi tôi nói
 Ta, người đều có tội thế thôi
 Giảng thêm nhân quả, luân hồi
 Trái bao duyên kiếp để rồi gặp đây...
 Vua nghe được điều hay, tỉnh ngộ
 Thỉnh vị tăng về chỗ gần vua
 Voi vui vẻ lại như xưa
 Mỗi thân, mỗi phận sớm trưa lo tròn
 Ai tu thiên đừng quên tu phước
 Ai tu phước chớ khước tu thiên
 Pháp này chê, pháp kia chuyên
 Sẽ không thành tựu phước duyên đủ đầy.



MỘT SỐ GIẢI NGHĨ *Về cõi* CỰC LẠC TỊNH ĐỘ

Minh Ngọc (soạn)

1. Có cõi Cực Lạc hay không? Có Phật A Di Đà hay không?

Về Sự: Theo kinh *A Di Đà*, Phật Thích Ca thuyết, có cõi Cực Lạc cách đây 10 muôn ức cõi, và có Phật A Di Đà đang ở đó giáo hóa, thuyết pháp độ sanh.

Về Lý: Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ. Bản tánh sáng suốt, tịch lặng tức là Phật A Di Đà hiện hữu, tâm thanh tịnh không còn phiền não, thì tâm ta tức Tịnh độ. Và chính ngay tại đây, chỗ ta ở đó chính là Tịnh độ, chứ không phải ở đâu xa.

Cách 10 muôn ức cõi tức biểu trưng cho 10 triền sử: Ngũ độn sử + Ngũ lợi sử. Vượt qua được 10 sự trói buộc này tức thấy Tịnh độ.

Nếu chấp Sự cho rằng Có mà bỏ Lý, thì dẫn đến hành giả chỉ có TÍN và NGUYỆN mà không có HÀNH. Nghĩa là chỉ tin có một cõi Cực Lạc, rồi cầu nguyện sanh về nơi đó, mà không nỗ lực tu hành đoạn trừ phiền não, thanh tịnh tâm hồn.

Nếu chấp Lý cho rằng không có cõi Tịnh Độ bên ngoài tâm, thì hành giả chỉ có HÀNH mà thiếu TÍN và NGUYỆN. Như vậy, với cõi đời 5 trước, nghiệp chướng đeo đuổi, vay trả nhân quả, v.v... dễ làm

hành giả thoái bước và mất hướng. Có Tín và Nguyện như là mục đích hướng đến, định vị, khiến cho mình nỗ lực đạt được.

Chấp Không thì rơi vào Đoạn kiến.

Chấp Có thì rơi vào Thường kiến.

Phật dạy đây không phải Chánh kiến. Người tu học Phật phải thoát khỏi 2 cực đoan này, để khỏi rơi vào Thiên kiến, Biên kiến.

Như thế, người chấp Lý luôn luôn cho Tịnh độ chính là ngay hiện tại, không chờ đến kiếp sau, mạng chung mới được vãng sanh. Tuy nhiên, việc thực hiện Tịnh độ nhân gian không phải chuyện đơn giản một kiếp có thể làm xong, cho nên cần phải có nguyện về một thế giới đầy đủ điều kiện tốt, nhiều duyên tốt để tiếp tục tu hành.

2. Muốn vãng sanh cõi Tịnh, phải tu nghiệp Tịnh. Nhưng tại sao hàng phàm phu, nghịch ác khi lâm chung cũng có thể vãng sanh?

Đây trong *Quán Kinh* gọi là hạng Hạ phẩm (hạng 9, hạng bét) trong 9 hạng.

Đúng như kinh *A Di Đà* nói: “Không thể đem chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà có thể sinh sang nước Cực Lạc”. Tuy nhiên, trong trường hợp này được vãng sanh là do 3 lý do sau:

1/ Tâm lực rất mạnh: Hành giả chỉ niệm Phật trong thời gian ngắn ngủi mà có thể thắng nổi nghiệp ác trọn đời, là do tâm lực chí thành, ý chí quyết định tha thiết. Đó gọi là đại tâm.

Như người bị giặc vây khốn, cùng đường mà liều chết không kể thân mạng, phát lực dũng mãnh phá vòng vây.

Như người sắp chết đuối chân tay quơ quào, bầu vúi vào vật gì thì ôm cứng chẳng buông. Nhờ ôm lấy hình tượng Phật, tiếng danh hiệu Phật mà nghiệp lực dẫn dắt đi trong chánh niệm.

2/ Tuy có tạo ác, nhưng hiện đời có tu tam muội, thiên định, nên khi lâm chung được thiện tri thức nhắc bảo trợ niệm, hoặc nhiều kiếp cũng đã từng huân tu niệm Phật, nhưng vì bị dòng đời nghiệp báo lôi cuốn, nên không có duyên để hạt giống niệm Phật hiện hành. Nay sắp lâm chung, chợt được bạn tốt tạo duyên lành, nên định tâm phát khởi, định lực vững vàng ra đi trong chánh niệm.

3/ Không do đời trước đã huân tu, mà do chính giây phút cuối cùng này, người ấy phát tâm sám hối tha thiết, cùng cực, do đó hướng tâm về cõi Tịnh, mà theo nghiệp lực dẫn đi về cõi Thiện.

3. Sống trong đời ai cũng có tội, không tội nặng cũng tội nhẹ. Nếu không sám hối, hoặc sám hối chưa chí thành, tội chưa trừ hết, mà bình thời và lúc lâm chung đều chí tâm niệm Phật, có được vãng sanh không?

Đều được vãng sanh. Đó là nhờ tự lực và tha lực. Trong kinh *Na Tiên* viết: Đem tảng đá thật to để trên thuyền, do nhờ sức thuyền nên đá không bị chìm và được chuyển sang bờ bên kia. Nếu không có thuyền thì dù là hạt cát, hạt sỏi nhỏ vẫn bị chìm xuống nước.

Tảng đá nặng ví như người tạo nghiệp ác nặng.

Thuyền ví như niệm Phật (tự lực cũng là tha lực), mà trong kinh thường nói đó là Nguyên lực của Phật A Di Đà.

Kẻ nghiệp ác tuy nhỏ như hạt cát, hạt sỏi, nhưng không niệm Phật, thì vẫn bị chìm. Còn nếu chí tâm niệm Phật, thì đây là ý nghĩa “Đối nghiệp vãng sinh”.

Câu niệm Phật, hình tượng Phật mang tính nhắc nhở, động viên, khuyến thiện diệt ác (đó chính là tha lực).

4. Kẻ một đời tạo ác, khi lâm chung chỉ niệm Phật đã được Đối nghiệp vãng sinh, vậy thì bây giờ tôi cứ tha hồ tạo ác, đợi khi sắp chết rồi sẽ niệm Phật?

Thật là một lời nói suy luận cực đoan! Cổ đức có câu: “*Nhiễm tâm dị xí, tịnh đức nan thành*”, một khi đã quen làm ác, đâu dễ thay đổi, mà bảo rằng chờ. Như kẻ say, nghiện ma túy, cho đến chết cũng không thể bỏ; kẻ tay quen vấy máu, đâu dễ buông đao, v.v...

Nên biết, hạng “*Phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật*”, chỉ là số hiếm mà thôi, trên thực tế gần như không có. Nếu có, thì thật ra họ cũng có căn lành, phước đức, nhân duyên từ nhiều kiếp, mới đến phút cuối còn được gặp bạn lành chỉ dẫn niệm Phật hoặc trợ niệm.

Phải biết có 10 hạng người (Luận Quần Nghi) khi lâm chung không niệm Phật được:

- 1/ Không gặp bạn lành, nên chẳng ai khuyên niệm.
- 2/ Nghiệp khổ bức bách, không yên ổn thân tâm để niệm Phật.
- 3/ Trúng gió, cứng họng không thể xưng danh Phật.
- 4/ Cuồng loạn, mất trí, không thể chú tâm niệm Phật.
- 5/ Bất chợt gặp tai nạn nước, lửa, mất điềm tĩnh.
- 6/ Bị thú dữ sát hại.
- 7/ Khi lâm chung bị bạn xấu phá hoại lòng tin.
- 8/ Gặp bạo bệnh hôn mê bất tỉnh qua đời.
- 9/ Bị trúng thương chết giữa chiến trận.
- 10/ Từ trên cao té xuống tử vong.

Bạn tha hồ tạo ác lúc khỏe mạnh, nhưng có biết trước khi chết có lọt trong 10 hạng nêu trên hay không mà bảo chờ lúc ấy mới niệm Phật?

Đối với người bình thường có niệm Phật, mà lúc lâm chung, tứ đại rã rời đau đớn, tâm trí còn bị nghiệp duyên trần gian níu kéo đó là tình cảm gia đình, sự nghiệp dở dang, hạnh phúc tan vỡ, không nở xa lìa, mà còn không giữ được chánh niệm, huống là bình thời không niệm, làm ác ư?

*Cười thương kẻ giàu sang
Lo giàu thêm rộn ràng
Hủ gạo sanh sâu mọt
Kho tiền đầy ngổn ngang
Ngày cảm cân suy nghĩ
Đêm đốt đuốc tính toán
Hình hài trơ lản thân
Tâm trí rối bòng hoàng
Vô thường khi chợt đến
Biển nghiệp sóng mênh mang.*

5. Đại khái pháp môn Tịnh Độ như thế nào?

1/ *Niệm*: Nhớ nghĩ

a/ *Lý niệm*: Niệm bản tính thanh tịnh sáng suốt ngay tại tâm mình. Luôn luôn giữ tâm mình trong chánh niệm, trong các oai nghi tế hạnh, tâm định tĩnh sáng suốt.

b/ *Sự niệm*: Niệm danh hiệu Phật A Di Đà nhất tâm bản loạn, không gián cách, không tạp niệm. Ngày đêm 6 thời, như trong kinh *Lãng Nghiêm*:

“Nhớ Phật, niệm Phật, hiện đời hoặc đương lai nhất định thấy Phật, cách Phật không xa...”, như người nhiễm hương, thân có mùi hương, v.v...

Hoặc như các kinh khác đã chỉ dạy: suốt đời, hoặc 49, hoặc 7 ngày, 1 ngày 1 đêm nhất tâm bản loạn, hoặc khi lâm chung cho dù tạo ác nghiệp, nếu chí thành nhất tâm xưng danh hiệu Phật 10 niệm cũng được vãng sinh.

Niệm có 4 cách:

1/ Quán tưởng niệm Phật (công đức, 48 nguyện)

2/ Quán tượng niệm Phật (tranh tượng)

3/ Trì danh niệm Phật (niệm thầm, niệm ra tiếng)

4/ Thật tướng niệm Phật: (Niệm mà như vô niệm).

2. *Chúng hạnh*: Thực hành các hạnh lành, thiện nghiệp:

* Như trong kinh *Quán Vô Lượng Thọ* nói: Muốn sanh về Cực Lạc, phải tu 3 loại phước.

1/ Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ (hầu hạ) sư trưởng, tâm từ bi không giết hại, tu 10 nghiệp thiện.

2/ Thọ trì tam quy, giữ trọn các giới, không phạm oai nghi.

3/ Phát tâm Bồ đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh pháp Đại thừa, khuyến tấn người khác tu hành.

* Hoặc như trong kinh *Hoa Nghiêm*, Bồ tát Phổ Hiền khuyến tấn Thiện Tài đồng tử và đại chúng dùng 10 đại nguyện cầu sanh Tịnh độ.

1/ Lễ kính chư Phật 2/ Xưng tán Như Lai 3/ Rộng tu cúng dường 4/ Sám hối nghiệp chướng 5/ Tùy hỷ công đức 6/ Thỉnh chuyển pháp luân 7/ Thỉnh Phật trụ thế 8/ Thường tùy Phật học 9/ Hằng thuận chúng sanh 10/ Khấp đều hồi hướng.

* Trong kinh *A Di Đà* cũng nói: “Không thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên được sinh sang Cực Lạc”, tức phải hướng đến thiện căn Bồ tát, phước đức lục độ, nhân duyên hóa độ chúng sanh hướng đến hạnh lợi tha của Bồ tát đạo.

3. *Hồi hướng*: Nguyện mọi công đức của trì niệm, và các hạnh đã làm, mong được về cảnh giới an lành (cực lạc) để tiếp tục tu hành, thành tựu và sau đó hóa độ cho mọi chúng sanh, chứ không phải để cầu phước báo an vui ở cõi Trời, Người.

6. Niệm Phật để vãng sinh, tức sau khi chết mới thấy lợi ích, hiện tại chỉ thấy nhọc nhằn không lợi ích thiết thực chi cả. Phải chăng đó cũng là duyên có thích đáng cho sự thoái tâm, biếng lười của người tu?

Đầu tiên, phải xác định niệm Phật không phải cầu xin Phật (bất cứ Phật, hay Bồ tát) ban cho lợi dưỡng, tài lộc vật chất, hay những quả báo tốt đẹp, mà niệm Phật là nghĩ đến Phật, công hạnh vĩ đại của Phật, trí tuệ của Phật, mà để theo đó tu hành, chuyển hóa tâm hồn từ phàm phu lên Thánh Hiền. Và niệm Phật tức là để diệt trừ những vọng niệm khác, khiến cho tâm được yên định, thanh tịnh. Từ đó, tâm được chánh niệm, sáng suốt cho đến khi sắp lâm chung, sẽ được hướng theo nghiệp lành dẫn đến cảnh giới tái sinh mới thích ứng với nhân đã gieo trồng trong hiện tại.

Vả lại, trong kinh có nói: Người nào chí tâm thọ trì danh hiệu Phật hiện đời sẽ được 10 điều lợi ích:

- 1/ Ngày đêm thường được thiên thần bát bộ ủng hộ.
- 2/ Thường được 25 vị đại Bồ tát như Quán Thế Âm, v.v... theo hộ vệ bên mình.
- 3/ Được chư Phật hộ niệm, Phật A Di Đà phóng quang, v.v...
- 4/ Tất cả quỷ dạ xoa, rồng độc, rắn độc, v.v... không thể hại.
- 5/ Không bị những tai nạn: nước, lửa, giặc, v.v...
- 6/ Các oan gia trái chủ nhiều đời kiếp không còn theo đòi.
- 7/ Đêm ngủ an ổn, hoặc mơ thấy điềm lành, sắc thân Phật A Di Đà.
- 8/ Thường được mọi người kính trọng, giúp đỡ hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật.
- 9/ Tâm thường an vui, nhan sắc sáng bóng, khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt.

10/ Khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện tiền thấy Phật A Di Đà và Thánh chúng tiếp dẫn.

7. Về mặt Lý, phải hiểu hóa sanh trong hoa sen là như thế nào?

Hoa sen được sanh ra từ bùn. Suy ra Cực Lạc sanh ra từ Sa Bà. Hay nói khác hơn, sen không tách rời bùn mà tồn tại, Cực Lạc không tách rời Sa Bà.

Hạnh phúc sanh ra từ khổ đau.

Bồ đề sanh ra từ phiền não.

Cũng vậy, ngay trong phòng này, nếu ta để hình Phật, kinh sách, và cùng ngồi đọc tụng, học hỏi... thì đây là đạo tràng thanh tịnh. Nếu như chúng ta để dàn karaoke, vài thùng bia, vài người ăn nhậu... thì đây trở thành cảnh trần tục, viển cảnh, hiện cảnh của cõi Dục giới, A tu la, ngạ quỷ, địa ngục, súc sinh v.v... cõi Sa Bà đây 5 trước.

Như thế, nếu tâm ta thanh tịnh được phần nào thì tức là chúng ta đang hóa sanh trong hoa sen thanh tịnh. Dù hằng ngày sống trong cảnh phiền não, như ướm mà tâm ta bất động trước những cảnh đó, thì chính là chúng ta đã, đang hóa sanh trong hoa sen. Tịnh độ và hoa sen nở ngay, hay phải chờ đợi ấy là do sự cố gắng, tinh tấn thanh lọc những ướm trong tâm hồn của chúng ta.

8. Người niệm Phật, để cầu vãng sanh, phải chăng cũng giống như một số tôn giáo khác để lên thiên đàng?

Người niệm Phật khác hoàn toàn với tín đồ những tôn giáo khác.

1/ Niệm Phật không phải là cầu xin một vị có đầy quyền năng sáng tạo, có quyền ban phước giáng họa. Vì Phật chỉ là bậc đã giác ngộ, còn chúng sinh là Phật chưa giác ngộ. Tính bình đẳng như nhau.

Với đạo Phật, cõi Tịnh Độ, khi sanh qua thì Bồ tát đều là bạn lữ, chứ không phải thần dân.

2/ Ngoài ra, niệm Phật đây còn là trở về với tính giác ngộ sáng suốt ở trong tâm mọi người, một khi tâm ta hoàn toàn thanh tịnh,

trong sáng, lúc ấy Phật ở trong tâm chúng ta chứ không phải một vị Phật nào ở ngoài cả.

3/ Thiên đàng là nơi sung sướng hưởng lạc, còn Cực Lạc là nơi tiếp tục tu tập, là môi trường tốt để tu tập tiếp chứ không phải để hưởng lạc. Sau khi tu tập xong, quay lại cõi Sa Bà để thực hành hạnh độ sanh.

9. Hiểu câu này như thế nào? Muốn thanh tịnh quốc độ (môi trường), trước phải thanh tịnh tâm mình, khi tâm mình tịnh rồi thì quốc độ tự tịnh.

Ví dụ, nơi cắm vứt rác, cắm đại tiện bừa bãi. Vấn đề ở chỗ ý thức, nếu ý thức tốt thì tự nhiên nơi đó không cần ngăn cấm mà trở thành thanh tịnh.

Cũng vậy, khi tâm ta thanh tịnh, không còn phiền não, thì ngay tại nơi ở của ta cũng trang nghiêm đẹp đẽ. Trang nghiêm đẹp đẽ ở đây không phải bằng những vật liệu đắt giá, mà bằng những chất liệu của thất chánh tài: Tín, Tấn, Tàm Quý, Giới, Văn, Xả, và Định Tuệ.

Chỗ ở không phải sang trọng, không phải nhà cao tầng, phòng máy lạnh, mà chỉ là nhà tranh vách lá, đất cằn, khô khốc chung quanh, nhưng tất cả đó là cảnh Tịnh độ.

Khi ấy, chúng ta nghe tiếng chim hót buổi sớm mai, nhìn những lá cỏ, những bông hoa dại còn đọng lại hạt sương lóng lánh, như đó là những tiếng thuyết pháp của pháp thân chư Phật, hoặc tiếng nói của chính chân tâm thanh tịnh của mình.■



MÙA

Xuân

ĐÍCH THỰC

Tuệ Quán

Trong thời tiết xoay vần, bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông thay nhau, mùa Xuân được chọn cho khởi đầu một năm mới. Mùa Xuân cũng là mùa đẹp nhất, lòng người vui vẻ đón chào, hân hoan nhất. Bầu trời trong xanh hơn, tia nắng ấm áp hơn khi mùa Đông giá rét đã đi qua. Cây cối đâm chồi nảy lộc, hoa cỏ thay sắc áo Xuân tươi thắm. Chim hót líu lo, cảnh đào hồng thắm, mai vàng rực rỡ, lòng người rộng mở, ấm áp hơn, tất cả đều hân hoan trong sắc Xuân.

Nhưng bốn mùa luôn thay đổi, cuộc đời cũng vẫn xoay. Tất nhiên



phải chấp nhận bốn mùa theo thời tiết, nhưng có lẽ trong lòng ai cũng mong ước, tâm hồn mình luôn tràn ngập mãi mùa xuân.

Có thể như vậy được chăng? Và bằng cách nào?...

Tạm mượn hai câu chuyện, cùng một nội dung, đơn giản ngắn gọn, đạo

lý giúp con người vượt qua bao nghịch cảnh, cần nhẫn nại, ẩn thân, dẹp đi tự ngã, lẳng lẽ, ẩn tàng, Đêm Đông tắm tới giá rét sẽ qua, rồi sẽ tìm lại mùa Xuân nơi lòng mình.

Cũng là qua câu chuyện ngắn, ai nhận được yếu chỉ chư Tổ, chư Phật chỉ bày, thoát cũi sổ lồng, thoát khỏi sự trói buộc của tâm thức, vượt qua thế giới tương đối nhị nguyên, thể nhập trong ánh sáng nguyên sơ, nhận lại nơi mình mãi mãi một Mùa Xuân đích thực.

Chim sẻ và Sơ Tổ

Chim sẻ nhốt trong lồng

Duyên lành Tổ đi qua

Tổ ơi, cho yếu chỉ

Giúp con được tự do!

Tội nghiệp con, sẻ khờ!

Hãy lẳng lẽ im hơi

Chim nhận ra lời dạy

Nhắm mắt nằm ngay đơ

Chủ thấy sẻ bất động

Nghĩ nó đã chết rồi

Đem sẻ ra khỏi lồng

Thừa cơ chim vỗ cánh.



Nai Con

*Chuyện ngày xưa Phật kể
Nai con được dạy dỗ
Huấn luyện cùng thực hành
Bồi Nai Chúa đầu đàn*

*Nhưng vì tính trẻ con
Vẫn còn ham chơi lắm
Đạo ngắm cảnh rừng hoang
Lìa đàn sa bẫy rập*

*Đau đớn đến tận cùng
Vẫy vùng càng siết chặt
Hoảng loạn và tuyệt vọng
Lòng bồng nhớ Chúa Nai*

*Trợn mắt, sùi bọt mép
Phóng uế ra khắp nơi
Nín hơi bụng trương phình
Đuối mình nằm ngay đơ*

*Sáng sớm thợ săn đến
Nhìn thấy nai như vậy
Chắc mắc bấy khá lâu
Giờ âu đã chết sinh*

*Liên thảo bầy khỏi chân
Quay lưng đi gom cỏ
Nai nhỏ chờ có vậy
Vùng dầy phóng về rừng...*





Đời lòng BÌNH YÊN

Trần Quê Hương

Như tất cả chư huynh đệ và các Phật tử đều biết, là người con Phật thì tất cả chúng ta đều có một sở nguyện, đó là khi phát nguyện tu tập, hướng đến con đường giải thoát thì đương nhiên mình muốn cho thân được yên, rồi tâm được yên. Trong cuộc sống hàng ngày, mỗi người chúng ta luôn muốn được bình yên và hạnh phúc, có lẽ đó là điều mà tất cả chúng ta đều hướng đến. Tuy nhiên, trong thực tế, phước nghiệp của từng người lại dẫn dắt chúng ta đi theo cái nghiệp của nó. Điều này, được Đức Phật đã dạy ngay câu đầu tiên trong Kinh *Pháp Cú*: “*Nghiệp lực sẽ theo ta như bánh xe lăn theo chân con vật kéo*”; tức là trong cuộc sống, những nghiệp nhân mà chúng ta đã tạo ra, thì chúng sẽ đi theo mình như cái bánh xe đi theo dấu chân của con bò. Con bò phía trước đi đâu, thì cái bánh xe lăn theo đó, không thể khác được. Cho nên, chỉ có những người quyết

tâm tu hành, mới có thể nhờ vào giáo pháp của Đức Phật soi sáng cho mình, để kịp nhìn lại, để biết mình đang như thế nào, đang có phước nhiều hay nghiệp nhiều.

Ngay với phước báu mà mình đang có, thì cũng phải hưởng cho đúng. Phần nào mình có thể hưởng và phần nào mình nên chia sẻ cho người khác, để phước ấy được tĩnh lặng và tăng trưởng. Nếu không tỉnh thức, bị phước mê hoặc, rồi chạy theo phước ấy, sống thọ hưởng ngũ dục một cách thái quá, thì chúng ta cũng sẽ đánh mất sự bình yên vốn có nơi tự thân. Vì thế, có một số người phước nhiều quá cũng khổ, không có được sự bình an. Vì họ không biết cách thọ hưởng cho phù hợp. Chính vì lẽ đó, để giúp mọi người có thể tìm được sự bình an trong cuộc sống, chúng tôi xin chia sẻ với quý vị chủ đề “*Cõi lòng bình yên*”.

Quay về nương tựa chính mình

Khi bàn đến những cái khổ ở đời, Đức Phật từng dạy rằng ngay cả những người làm vua, làm quan cũng khổ đau như thường. Như vậy là những người có nhiều phước báu cũng khổ, giàu sang cũng khổ, mà nghèo khó, tội dân thì càng khổ hơn. Cho nên, khi chúng ta sống trong phước, chúng ta cần biết định lượng, cảm nhận và thụ hưởng phước báu trong chừng mực nhất định, rồi san sẻ phước của mình cho bá tánh cư gia, cho những chúng sanh bất hạnh để khi thụ hưởng phước mình luôn được an tịnh.

Với phần thân thể, khi thân chúng ta có phước thì thân được khỏe mạnh, an ổn, còn khi thân thiếu phước thì nảy sinh bệnh tật và suy kiệt, không còn được khỏe mạnh, tươi nhuận nữa. Khi quý Phật tử quy y Tam bảo, giữ gìn Ngũ giới hoặc Bát quan trai giới, hoặc chư Tăng Ni xuất gia tu học, nếu các vị khéo tu tập, khéo an tịnh thì nhất định sẽ sinh ra phước báu, nảy nở phước báu. Nếu quý vị không khéo tỉnh thức, thì ngay khi sống trong phước lại bị phước ấy mê hoặc, để rồi cũng bị khổ đau như thường. Khi chúng ta soi xét lại chính tự thân

của mình, nỗ lực tu tập thì mình được phước báu; lúc đó thì mình không nên ỷ lại. Ngược lại, nếu mình mang nhiều nghiệp khổ thì cũng không vì thế mà bi quan. Chúng ta phải biết rằng, nghiệp do chính mình tạo ra thì mình phải vui trả, như Đức Phật từng dạy: “*Vui gánh gánh nặng đang gánh, nhưng không mơ gánh gánh nặng chưa gánh*”. Như thế thì dần dần, mình sẽ trả được nghiệp quả cũ, tức là mình bớt khổ và tự thân cũng sẽ có được sự an vui. Để có được sự an vui trong cuộc sống, thì không gì bằng việc giữ cõi lòng của mình bình yên trong mọi lúc, trong cái phước lẫn cái nghiệp và cả trong tội khổ.

Ngày xưa, khi nghe lời dạy của Đức Phật thì các bậc Thánh Tăng và các cư sĩ đại duyên liền tổ ngộ, còn chúng ta thì tùy nghiệp duyên của mình mà cảm nhận và hành trì. Ở đây, chúng tôi trích dẫn một số câu kinh của Đức Phật dạy để chư huynh đệ Tăng Ni, Phật tử cùng ôn lại. Đầu tiên là những lời của Đức Phật dạy được ghi lại trong kinh tạng có nội dung như sau: “Hãy quay trở về nương tựa mình trong hiện tại, hãy xem mình như là hải đảo của chính mình; hãy quay về nương tựa mình và nương tựa pháp, hãy là nơi nương tựa cho chính mình, không tìm kiếm một nơi nương tựa nào khác, hãy là hòn đảo nương tựa của chính mình”. Và Hòa thượng Minh Châu đã dịch trong Kinh Pháp Cú, câu 165 cũng có ý pháp tương tự:

*“Tự mình làm điều ác
Tự mình làm nhiễm ô
Tự mình không làm ác
Tự mình làm thanh tịnh
Tịnh, không tịnh tự mình
Không ai thanh tịnh ai”*

Trong cuộc đời, nếu chúng ta chưa có duyên học đạo, chưa được nghe kinh, chưa được học kinh-luật-luận, bằng trí thế gian, chúng ta hay đi tìm nơi này nơi kia để nương tựa. Cho nên, khi mình lớn lên mà không có bà con, không có bạn bè, không có thân thuộc, chưa



biết tu tập, chưa có thầy bạn thì chúng ta hay cảm thấy cô đơn. Thậm chí là cho dù có cha mẹ thì giữa mình với họ cũng có khoảng cách nhất định. Có những người con có phước, thấy cha mẹ là bóng mát của mình, ông bà là bóng mát của mình, cho nên đi đâu, gặp chuyện gì khó khổ cũng về nương tựa, chia sẻ với ông bà, cha mẹ. Lớn lên thì nương tựa vợ, nương tựa chồng. Trong làm ăn, sinh hoạt cũng có bạn bè, nhưng nhiều khi người ta cũng vẫn thấy cô đơn. Có nhiều cha mẹ nghiêm khắc quá, hoặc là có nhiều cha mẹ hiểu đạo và tu tập có được sự yên tĩnh, họ diu dắt con cái tu tập. Một số bậc làm cha mẹ lại nghĩ rằng con mình nay đã trưởng thành rồi, chúng cần tự lập, tự quyết công việc và cuộc sống nên đôi lúc họ ít lưu tâm đến con cái. Điều đó, khiến cho đứa con cảm thấy là dù có gia đình, có cha mẹ nhưng vẫn cô đơn. Từ đó, người con đi tìm bạn để nương tựa. Có người may mắn tìm được người bạn đời như ý, họ đến với nhau và họ lập gia đình để nương tựa nhau. Nhưng có những người kém may mắn, tìm được bạn đời cho mình nhưng rồi lại rơi vào cảnh đồng sàng dị mộng, cùng nằm trên một cái giường nhưng tâm ý mỗi người mỗi khác. Với những người mà trong mối quan hệ hôn nhân, bạn bè và cả mỗi quan hệ huyết thống gia đình đều bị thất bại, thì người ta sẽ cảm thấy bất hạnh và cô đơn vô cùng. Nếu chúng ta có thiện duyên, được quy y Tam bảo, gặp duyên lành nghe kinh học pháp, từ đó chúng ta sẽ nhận ra được mình là nơi nương tựa của chính mình, thì đây mới là nơi nương tựa chắc chắn nhất. Nhờ vậy mà sự đau khổ, bất hạnh của chúng ta sẽ được vui đi rất nhiều,

Thông thường, khi sinh ra thì chúng ta nương cha mẹ để có mặt trong cuộc đời, nhưng cũng chỉ có một mình mình theo nghiệp thọ sanh. Lâu lâu mới có người sanh đôi, sanh ba, có trường hợp sanh tư, sanh năm. Nhưng dù sinh thế nào đi nữa thì cũng tuần tự người trước, người sau chào đời, chứ không phải cùng lúc. Cái thời khắc của người nào chào đời là gắn với phúc nghiệp của người đó. Cho nên, mọi người phải thấy rõ vấn đề này để dừng lại và quyết tâm tu tập,

mình quyết định cho mình và mình nương tựa nơi mình chứ không ai khác. Lúc bắt đầu thì có hơi đơn độc thiệt, nhưng khi nhận ra vấn đề rồi, nương tựa nơi chính mình được rồi, trở thành hòn đảo tâm linh của mình được rồi, thì khi đó đời sống nhất định sẽ được an tịnh. Khi đó mình biết nên đi đâu, ở đâu, lúc nào làm cái gì, nghĩ cái gì. Không những thế, mình còn biết rằng thân già nua thì sinh bệnh, mình biết thân này vận hành theo quy luật sinh, lão, bệnh, tử. Mình biết tất tặn tận! Nhờ cái biết chắc chắn đó mà trong đời sống chúng ta không còn bị hoang mang, không còn bị sợ hãi và cô đơn nữa. Mình đã thấu hiểu và thực tập lời Đức Phật dạy, quay về nương tựa nơi chính mình, nhờ đó mà giữ được cõi lòng bình yên trước mọi sự thăng trầm của cuộc sống, mọi phước duyên trong cuộc đời.

Chúng ta phải khách quan thừa nhận rằng, mỗi người đều có phước của riêng mình và cũng có nghiệp của riêng mình, tức là có cái vui và cũng có cái khổ. Quý vị phải can đảm thừa nhận điều đó, đừng có bi quan. Đừng than trách rằng, đời tôi sao khổ hoài! Khổ hoài sao được? Trong một ngày đêm, cùng lắm là khổ nửa tiếng hoặc một tiếng đồng hồ là đã đủ mệt rồi, thời gian an nhàn còn nhiều lắm chứ. Nếu chúng ta cộng lại một tuần, một tháng, một năm, một đời thì thực sự là thời gian chúng ta đau khổ không phải là nhiều đâu. Thế nhưng chúng ta lại hay ghi nhớ, lo nghĩ đến những phút giây, những sự kiện đau khổ nhiều hơn là những lúc bình an, hạnh phúc. Điều này tương tự như ở trong xã hội, khi người ta đi vay tiền, thường thì khoản tiền lời không nhiều hơn so với tiền gốc, nhưng mà khoản tiền lời đó chi phối rất mạnh, trả tiền lời không kịp thì bị phạt. Nếu lâu quá không trả thì có thể bị tịch thu tài sản, nhà cửa. Chính vì vậy mà người ta thường bị ảnh hưởng lớn bởi những cái khổ, cái buồn trong cuộc đời. Cho nên, chúng ta thấy cuộc sống của mình sao đầy đau khổ. Thực ra thì không có ai chỉ thuần đau khổ cả. Nếu biết nhìn lại, sống an trú trong hiện tại thì chúng ta mới thấy rằng mình được sinh ra đời, với thân hình khỏe mạnh, sáu căn lành lặn, lại có phước duyên gặp

Phật pháp, được quy y Tam bảo, đó là một điểm phúc lớn trong đời mà mình đang thọ nhận, mình còn hạnh phúc hơn rất nhiều người khác trong xã hội. Như vậy là mình có tội mỏng mà phước lại dày. Từ đó, bản thân sẽ an vui, hài lòng với những gì mình đang có và càng chuyên tâm tu tập hơn.

Ngay cả các vị tu sĩ, đã xuất gia làm Tăng Ni rồi mà không khéo tu hành, không biết cách quán chiếu nhân duyên, thì khi gặp những chuyện trái ý nghịch lòng trong cuộc sống cũng dễ bị u sầu, buồn khổ chứ không riêng gì các vị cư sĩ tại gia. Chúng ta phải biết rằng, được là Phật tử đã là phước duyên nhiều đời rồi, mà được làm Tăng Ni thì phước duyên còn cao hơn rất nhiều. Biết vậy để tinh tấn tu hành, quay về với chính mình, tìm sự an trú ngay nơi hải đảo của tự thân, tức là lòng mình vậy.

Tập buông bỏ các khổ ách

Buông bỏ các khổ ách là một đường lối tu hành mà Đức Phật đã chỉ dạy để đưa đến sự an ổn cho tự thân của chúng ta. Trong *Tương Ưng Bộ Kinh*, phẩm *An ổn khởi các khổ ách*, Đức Phật dạy: “*Này các Tỳ kheo, Ta sẽ giảng cho các ông pháp môn đưa đến an ổn, khởi các khổ ách, pháp môn đúng pháp. Hãy lắng nghe. Và này các Tỳ kheo, thế nào là pháp môn đưa đến an ổn, khởi các khổ ách? Này các Tỳ kheo, có những sắc do mắt nhận biết, khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Những Sắc ấy đã được Như Lai đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ, làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Để đoạn tận chúng, Như Lai tuyên bố cái ách. Do vậy, Như Lai được gọi là vị đã được an ổn, khởi các khổ ách... có những tiếng... có những hương... có những vị... có những xúc... Này các Tỳ kheo, có những pháp do ý nhận biết khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Những pháp ấy đã được Như Lai đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ làm cho như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Để đoạn tận chúng, Như Lai tuyên bố cái ách. Do vậy, Như Lai được gọi*

là vị đã được an ổn, khỏi các khổ ách. Nay các Tỳ kheo, đây là pháp môn đưa đến an ổn, khỏi các khổ ách, là pháp môn đúng pháp”.

Trong đoạn kinh trên, 2 từ “khổ ách” hết sức đặc biệt, Đức Phật bảo: “Nay các Tỳ kheo”, dĩ nhiên là Đức Phật kêu hàng Tỳ kheo để dạy, nhưng trong đó cũng bao hàm luôn tất cả hàng đệ tử của Phật, gồm có cả xuất gia và tại gia. Trong cuộc sống, sở dĩ lòng mình không mấy bình yên là do mình hay chấp vào cái huyễn ảo của hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, sự xúc chạm và các pháp. Cho nên, khi các giác quan tiếp xúc với ngoại cảnh bên ngoài, thì mình bị chúng chi phối, bị chúng dẫn dắt và khổ lụy. Chẳng hạn, mình nói bữa nay tôi vui quá, gặp người này tôi vui quá, hôm nay được đi đến xứ này tôi vui quá, hôm nay được ăn bữa cơm này tôi vui quá, hôm nay được dự lễ này tôi vui quá... Nói chung là cái gì mình cũng vui hết. Mình không biết rằng chính những cảm nhận ấy dẫn dắt chúng ta đến với sự đau khổ, cho nên, bản thân Đức Phật đã đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ những sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ấy. Vì còn là phàm phu, còn đang tu học cho nên chúng ta không ngờ rằng, chính những điều mà mình cho là khả lạc, khả hỷ, khả ái, hấp dẫn đó lại là điều mà Đức Phật đã đoạn tận, bởi chúng là cội rễ của si mê, của đau khổ.

Lời Phật dạy cách đây hàng nghìn năm, nhưng bây giờ khi đọc lại và chiêm nghiệm, thì chúng ta vẫn thấy quá rõ ràng và chính xác. Chúng ta bây giờ có người là con của gia đình nghèo khổ, có người là con của các trưởng giả triệu phú, có người là con các vị quan chức lớn trong xã hội, một khi đối diện với các sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ở đời thì mình liền nảy sinh khả lạc, khả hỷ, khả ý, khả ái, rồi mình bị chúng hấp dẫn, liền chạy theo để thỏa mãn ý dục của mình.

Đức Phật ngày xưa vốn là một thái tử, sống trong cung vàng điện ngọc, lớn lên Ngài có cả vợ đẹp con yêu, có đủ người hầu hạ, còn vàng bạc, lụa là, trang sức trên người thì không biết bao nhiêu mà kể. Thế mà Ngài đã buông chúng xuống. Ngài đã từ bỏ tất cả để xuất gia cầu đạo giải thoát. Các vị cư sĩ tại gia sống trong cuộc sống đời

thường, đôi khi không đi chơi là không chịu nổi. Cho nên, một đêm mà được đi chơi và tìm một thú vui nào đó vừa ý là họ mãn nguyện lắm. Tỉu, sắc, tài, khí hấp dẫn con người ta ghê gớm. Ngay trong cõi đạo, khi mình tu học thì cũng ít nhiều bị lôi cuốn bởi một số yếu tố nào đó và mình cảm thấy rất hài lòng, rất vui sướng vì chúng. Nhưng Đức Phật nói: “Những cái sắc ấy đã được Như Lai đoạn tận, cắt đứt từ gốc rễ”. Ở đây, chúng ta thấy có sự khác biệt rõ ràng: Đức Phật thì tìm cách đoạn tận, cắt đứt những gốc rễ của khổ-lạc, còn chúng ta thì lại mong cầu. Bình thường, chúng ta nhờ phước đức mà được cái này cái kia, thì ta hay khoe khoang. Những người biết tu tập, đã thấu tỏ nguồn cơn của khổ lụy ở đời, thì họ chia sẻ phước đức của mình cho người khác chứ không thụ hưởng riêng,

Trong Kinh *Đại Bảo Tích*, Đức Phật đã dạy rất rõ. Thế nên, khi khéo tu thì mình sẽ nhận ra mọi vấn đề không phải như thông thường mình đã nhìn nhận. Đức Phật đã cắt đứt từ gốc rễ, đã buông bỏ tất cả để được giải thoát, an vui. Chúng ta tu tập thì hãy cố gắng học theo hạnh của Phật, điều chỉnh sự nhận thức và nương giáo lý của Đức Phật để thực tập một cách hiệu quả. Thực tế là có đôi khi mình hiểu lời Phật dạy, mình biết con đường để đi nhưng mình không chịu đi, không chịu hành trì đúng như những gì mình đã hiểu, cho nên mình vẫn bị khổ. Tại mình không chịu dừng lại, không chịu buông xuống, không biết quay về với chính mình mà cứ buông thả và chạy theo vòng xoáy của cuộc đời, chạy theo những thứ bên ngoài, cho nên mình mới khổ đau.

Là người đệ tử Phật, hướng đến đời sống an vui, giải thoát thì chúng ta phải tin chắc rằng, tu học theo con đường mà Đức Phật đã dạy thì chắc chắn sẽ đi từ khổ nhiều đến còn khổ ít và sau đó sẽ hết khổ, chứ không có chuyện khổ đau tăng thêm. Nhất định là khi tu tập, quý vị sẽ dần dần bớt khổ, dần dần sẽ được nhiều an lạc trong cuộc sống. Theo lời Đức Phật dạy, sở dĩ người ta đau khổ là vì đang bị ràng buộc, bị trói bởi những “cái ách” trong đời. Những thứ mà chúng ta

tưởng là mình may mắn có được thì lại là cái ách của mình. Từ tình cho đến tiền, cho đến danh, lợi đều là cái ách kìm kẹp chúng ta.

Chiêm nghiệm lại trong cuộc sống, khi một thanh niên hay một thiếu nữ vừa lớn lên, nếu họ có được thứ gì đó, được tình, được tiền, được danh, được lợi chẳng hạn, thì mọi người đều cho là người đó may mắn. Chính vì lối tư duy này, cho nên nhiều người phải đua chen để có được và có những trường hợp người ta còn hãm hại nhau để được danh, được lợi... Nhưng với Đức Phật, thì Ngài đã nhận ra những gì mà mọi người trong thế gian cho là được đầy chính là cái ách mà Ngài đã từng mang và Ngài đã từng tháo bỏ chúng. Với những người đang ở tuổi đôi mươi mà chúng ta bảo với họ rằng tình cảm, tiền bạc, danh lợi, địa vị chính là những cái ách ở đời, là nguyên nhân của khổ lụy thì họ khó có thể tin được. Nhưng với những người đã từng trải, ở độ tuổi trung niên, thì có thể hiểu và cảm nhận được điều đó. Phải hiểu sâu và tu tập, chiêm nghiệm mỗi ngày thì mới có thể mạnh dạn buông bỏ những cái ách ở đời. Còn không khéo, thì đôi lúc chúng ta đã buông được chúng rồi, nhưng lại thấy tiếc nuối và mang vào lại.

Thực tế cuộc sống cho chúng ta thấy rằng, ở tuổi mới trưởng thành, bước vào đời lập thân lập nghiệp, gặp được một người bạn khác giới tâm đầu hợp để rồi yêu nhau, lấy nhau về làm chồng/vợ của nhau, rồi có được một công việc tốt, thì họ cảm thấy niềm phúc lắm. Nhưng sống một thời gian, người ta mới vỡ lẽ ra, chừng 10 năm, 20 năm sau gặp lại bạn cũ, nghe kể lại hoàn cảnh gia đình của nhau, thì phần lớn đều có đời sống hôn nhân chông chênh. Thông thường thì vài ba chục gia đình mới may ra có một gia đình thăng bằng, số còn lại thì đều không được may mắn, hạnh phúc trong đời sống hôn nhân, gia đình. Có người thì ly hôn, có người thì không ly hôn nhưng vợ hoặc chồng không may qua đời, có người thì khổ vì chồng/vợ sa ngã, vướng vào những thứ không hay ở đời, có người không khổ vì chồng/vợ thì lại khổ vì con cái, thậm chí có người không khổ vì vợ/

chồng, con cái thì lại khổ vì bố mẹ, anh em hai bên gia đình... Lại có người sau một thời gian chung sống, thấy vợ/chồng, con cái hiện tại là một gánh nặng nên tìm cách trốn bỏ gánh nặng đó, nhưng rồi lại đi lấy một người khác, tức là tự mang vào mình cái gánh nặng khác. Họ buông cái gánh nặng này rồi lại đi gánh gánh nặng khác, buông cái ách này để mang cái ách khác vào, thế là khổ chồng thêm khổ. Hai từ “cái ách” mà Đức Phật đã dạy hết sức đặc biệt. Chúng ta biết thế để cố gắng tu tập, cố gắng tháo gỡ và buông bỏ dần những cái ách mà chúng ta đang mang vào mình.

Tình, tiền, danh, lợi là những cái ách lớn trong đời mà hầu hết mọi người đều vướng mang, thậm chí còn cảm thấy hạnh phúc khi có được nó. Mỗi người sẽ nặng mang những thứ khác nhau. Người nào tham tiền, thì bị tiền bạc chi phối. Người nào đắm sắc, thì bị trói buộc và khổ lụy vì sắc. Người nào háo danh, thì bị khổ vì danh vọng. Người háo lợi, thì khổ vì lợi dưỡng. Ai đắm nhiễm thứ nào, thì thứ đó sẽ trở thành cái ách kìm kẹp họ trong cuộc sống, khiến cho họ không được an vui. Đắm nhiễm càng nhiều, thì khổ đau càng làm.

Một cách diễn đạt khác về những tham đắm ở đời là nói đến lục dục, đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đây là sáu thứ chi phối và dẫn dắt năm giác quan của con người chúng ta, làm cho người ta bị tham đắm. Mắt bị hấp dẫn bởi sắc đẹp, tai bị thu hút bởi tiếng hay, mũi bị đắm nhiễm bởi hương thơm, miệng thì bị trói chặt bởi những vị ngon, thân thể thì đắm chìm vào trong những xúc chạm êm ái, mướt mà và ý thì bị dính mắc vào những pháp trần.

Để có thể buông bỏ những cái ách đó xuống, thì chúng ta phải tập từ từ, vì chúng ta đều là những người phạm phu, đắm nhiễm trong ngũ dục và tự đeo ách vào mình quá lâu đời lâu kiếp rồi. Ngay hiện tại thì chúng ta phải sống cho có giới hạnh, sống cho có tình người và làm tròn bổn phận, trách nhiệm của mình trong cuộc sống. Đời sống xã hội sở dĩ được bình yên là nhờ mọi người trong xã hội, ai ở vị trí nào thì chu toàn phận sự của mình trong vị trí đó.

Chúng ta thấy những lời dạy của Đức Phật, một bậc Đạo sư, Thầy của thiên nhân, nghe rất nhẹ nhàng: “Đề đoạn tận chúng, Như Lai tuyên bố cái ách. Như Lai được gọi là vị đã được an ổn, khỏi các khổ ách!”. Ngài nhận chân rõ những thứ thuộc về hình sắc, âm thanh, hương thơm, mùi vị, cảm xúc, pháp trần đều là những cái ách. Cho nên, Ngài đã buông bỏ và nhờ vậy mà Ngài được an ổn, hạnh phúc. Còn chúng ta thì do chưa hiểu rõ đạo lý ở đời, hoặc hiểu chưa thấu đáo, nên thích đeo và muốn đeo những cái ách vào thân tâm mình, do vậy mà chúng ta chưa có được an ổn và hạnh phúc bền lâu,

Trong cuộc sống, ai đó may mắn có được thân hình xinh đẹp thì lại đắm nhiễm vào nó, chăm chút cho nó, bỏ công sức, tiền của để giữ gìn và chăm sóc nó. Nếu không may thân đó bị một chút tì vết, một vài nếp nhăn là sinh phiền muộn, mất tự tin. Như vậy là chúng ta đã tự mang “cái ách sắc” vào mình. Nếu mình biết rằng, có được thân tướng xinh đẹp như thế là nhờ nhiều đời trước đã khéo tu dưỡng, không gây nhiều hại đến ai, không gây phiền muộn cho ai và bản thân mình biết giữ yên bình cho thân và tâm, cho nên bây giờ mới có được sắc tướng xinh đẹp như thế. Và cũng biết rằng, thân tướng này chỉ là giả huyễn, là tạm bợ. Nhờ vậy mà chúng ta bớt chấp trước vào thân tướng này và bớt khổ đau, phiền muộn vì nó. Năm xưa Đức Phật có đến 32 tướng tốt và 80 vẻ đẹp, thân tướng của Ngài cực kỳ trang nghiêm và mỹ lệ. Ngài biết rõ thân tướng tứ đại ấy rồi đây sẽ trở về với cát bụi, ngũ uẩn giai không, nên Ngài không bận tâm đến nó, không luyến lưu gì nó cả. Ngài biết nương thân tứ đại ấy để tu tập và truyền bá đạo mầu đến cho mọi người, từ tầng lớp thượng lưu, trí thức đến tầng lớp thấp nhất trong xã hội cũng đều được hưởng pháp lạc từ Ngài. Ngài dùng phước đức của mình để ban rải, chia sẻ đến muôn loài chúng sinh.

Với “ách thanh” cũng tương tự: Nhiều khi chúng ta thấy các bạn trẻ nghe bài hát nào đó mà bạn ấy thích, thì cứ mở máy nghe bài đó suốt ngày; khi đi ăn, đi ngủ cũng không rời cái máy nghe nhạc. Nếu



lỡ ai đó không cho nghe nữa, hoặc vì lý do nào đó mà không nghe được thì sinh phiền muộn. Như thế là tự làm khổ mình, tự đeo gông, đeo ách vào mình vì những âm thanh hay, vì bài hát hợp sở thích của mình. Ngay cả với những vị tu sĩ cũng vậy, đôi khi cũng đắm nhiễm vào âm thanh, cũng thích nghe nhạc, cũng thích nghe những lời ca tiếng hát và cũng sinh phiền muộn vì cái sở thích ấy. Như thế là đã tự mang cái ách vào mình và chưa thể có được sự an tịnh. Chúng ta buông bỏ được chùng nào thì thân tâm sẽ thanh thoi, an lạc được chùng đó. Nhưng cũng phải lưu ý là khi nào tâm mình đủ mạnh mẽ, đủ an định thì hãy buông, buông mà như không buông. Nếu tâm chưa đủ an định mà vội buông thì không khéo lại sinh hối tiếc.

Thực tế là không dễ dàng buông bỏ những cái ách trong đời. Chẳng hạn như việc ăn chay của người đệ tử Phật. Hàng tháng các vị tu tại gia phát nguyện ăn chay vài ngày, nếu lúc chúng ta ăn chay mà các thành viên khác trong nhà ngồi bên cạnh mình, họ ăn cá thịt, tôm, cua, mình vẫn không cảm thấy thèm, không động lòng thì mới là buông. Còn mình đang ăn chay, người thân bên cạnh ăn cá thịt, sơn hào hải vị mà mình vẫn còn thèm, thậm chí xin một miếng để ăn thì như thế chưa gọi là buông. Ăn chay là hình thức bên ngoài, buông là xuất phát từ trong tâm. Tâm mình phải không còn thèm muốn các thức ăn mặn, không động lòng trước các món ăn mặn thì lúc đó mới thực sự buông. Hoặc giả có người đến ngày Rằm, mùng một ăn chay, mà tối đến lại đợi cho qua 12 giờ khuya để ăn thịt, ăn cá thì như thế là không ổn. Cho nên, tu là phải tập dần dần và buông bỏ dần dần, đừng vội buông một cách hình thức: mà cần phải có quá trình tập luyện và buông bỏ thực sự từ trong tâm của mình, lúc đó mới thực sự được an vui.

Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đều là những cái ách ở đời, chúng tương tự nhau. Từ việc phân tích, minh họa một vài thứ trên, các vị có thể suy luận ra để tỏ ngộ được nhiều thứ hơn.

Trong *Trung Ưng Bộ Kinh*, phẩm *Cấp Cô Độc* ghi lại rằng: “Có một lần nơi rừng Kỳ Đà, vườn *Cấp Cô Độc*, có một vị Thiên tử tên là *Caputha*, khi đêm đã gần tàn, với nhan sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng *Jetavana* đi đến *Thế Tôn*, sau khi đánh lễ *Thế Tôn*, rồi đứng sang một bên bạch rằng:

- *Thưa Sa môn*, Ngài có hoan hỷ không?

Ngài đáp lại rằng:

- Ta được cái gì, này hiền giả, mà ta hoan hỷ?

- Nếu vậy *thưa Sa môn*, có phải Ngài đang sầu muộn không?

Thế Tôn cũng đáp lại rằng:

Ta có bị mất mát, có bị mòn mỏi cái gì đâu, này hiền giả, mà ta phải sầu muộn?

Vậy thời *thưa Sa môn*, Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?

Đức *Thế Tôn* trả lời:

- Đúng vậy này hiền giả.

Rồi *Thế Tôn* liền nói bài kệ:

“Hoan hỷ chỉ có đến
Với người tâm sầu muộn,
Sầu muộn chỉ có đến
Với người tâm hoan hỷ”

Như lời Đức Phật dạy thì theo lẽ thường, có vui mới có buồn, hoặc ngược lại, khi mình bị buồn nhiều rồi, đến khi được vui thì mình mới cảm thấy vui. Do vậy, khi biết tu thì các Phật tử cố gắng tự cân bằng đời sống của mình.

Ngay từ ban đầu, mình tập bỏ những điều xấu quấy, đưa đến sầu muộn từ thân, khẩu, ý của mình. Nhân xấu thì dẫn đến quả xấu, nhân lành thì sinh ra quả lành, nhân dữ gây ra quả dữ, nhân ác thì đưa đến quả ác, nhân hiền đem lại quả hiền. Trong cuộc sống, chúng ta cứ mãi

sống luân quần trong vòng đọa lạc, nên hết hoan hỷ đến sầu muộn, hết sầu muộn đến hoan hỷ, như sóng chập chùng lên xuống không có ngày dừng. Người hiểu đạo thì thấy rõ hoan hỷ và sầu muộn chỉ là những cặp đôi đũa nhau, không thực thể, nhờ đó mà tâm tĩnh lặng. Để làm được điều này, thì quả thật rất khó. Như mặt biển luôn luôn xao động, khi ít khi nhiều, giữ mặt biển thật phẳng lặng rất khó. Con người ở giữa biển đời cũng vậy, khó giữ được tâm tĩnh lặng, chỉ khi chúng ta học được giáo pháp của Đức Phật, rồi tự mình tu tập, buông bỏ dần thì cõi lòng mới được an tịnh, mới giữ được tâm tĩnh lặng.

Thực tập hiện pháp lạc trú

Hiện pháp lạc trú là một phương pháp tu tập đã được Đức Phật chỉ dạy để giúp cho các hành giả có được an lạc, hạnh phúc ngay trong hiện tại. Trong *Tăng Chi Bộ Kinh*, chương 5, phẩm *An ổn*, bài *An ổn trú*, Đức Phật dạy rằng: *“Có năm pháp, này các Tỳ kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến cảm hứng lớn, ích lợi lớn, an ổn lớn, khỏi các khổ ách, chánh niệm tỉnh giác. Này các Tỳ kheo, có năm pháp đưa đến an ổn, Tỳ kheo an trú từ thân nghiệp đối với các đồng phạm hạnh, cả trước mặt và sau lưng, an trú từ khẩu nghiệp đối với các đồng phạm hạnh trước mặt và sau lưng, an trú từ ý nghiệp đối với các đồng phạm hạnh trước mặt và sau lưng, đối với các giới không bị bẻ vụn, không bị sút mẻ, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm, đem lại giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiên định, vị ấy sống thành tựu các giới như vậy để đối với các đồng phạm hạnh trước mặt và sau lưng, và đối với tri kiến này thuộc bậc thánh, đưa đến xuất ly, được người thực hành chân chánh đoạn diệt khổ đau, vị ấy sống thành tựu tri kiến như vậy đối với các đồng phạm hạnh trước mặt và sau lưng”*.

Lời kinh rất là cô đọng! Đức Phật dạy khá đơn giản, căn bản của đường tu là phải an trú tự thân đối với các đồng phạm hạnh xung quanh trong cuộc sống của chính mình. Đồng phạm hạnh xung quanh ở đây, nếu là Tăng Ni thì đó chính là các huynh đệ đồng tu trong các

đạo tràng, các trường hạ, hoặc các chùa, tịnh xá, tịnh thất, các trú xứ Tăng hoặc Ni; còn với quý Phật tử thì đồng phạm hạnh là những người bạn đạo cùng học, cùng tu với mình. Nếu nói rộng ra, thì đồng phạm hạnh có thể là những người xung quanh chúng ta nói chung, là những người bà con quyến thuộc chung quanh mình và kể cả những người không phải quyến thuộc ở xung quanh. Đức Phật nhìn chúng sanh đều là bà con quyến thuộc nhiều đời nhiều kiếp của Ngài. Còn người bình thường như chúng ta thì chỉ thấy cha mẹ, anh, chị, em, bà con nội ngoại, anh chị em bên chồng, bên vợ mới là quyến thuộc của mình, những người khác thì không phải là quyến thuộc.

Dù thế nào đi nữa, nếu mình muốn bình yên thì mình phải an trú thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp với mọi người xung quanh. An trú thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp là sao? An trú thân nghiệp là đi đứng đàng hoàng nghiêm túc và giữ thân tướng trang nghiêm trong mọi lúc, mọi nơi. An trú khẩu nghiệp là nói năng hòa nhã, từ tốn, dùng lời ái ngữ để đối đãi với nhau, dù trước mặt hay sau lưng. An trú nghiệp là giữ tâm ý thanh tịnh, luôn tư duy tích cực, lạc quan và luôn có tinh thần tương thân, tương ái, tương trợ lẫn nhau trong cuộc sống. Thực tế, có người vào chùa thì thấy yên, còn nhà thì không yên; có vị ở nhà thì yên mà ra chợ không yên, có vị ra chợ cũng không yên; có người đi làm cũng không yên, đi dạy học cũng không yên. Còn với những người biết cách an trú, thì ở đâu họ cũng thấy yên, ở nhà cũng yên, vô chùa cũng yên, đến lớp dạy học trò cũng yên... Nếu người giáo viên nào đem cái tình của người thầy, người cô, của người có kiến thức để dìu dắt, nâng đỡ thế hệ trẻ, xem các em như con hay em của mình, thì đến lớp lúc nào cũng thấy yên. Khi thấy học trò nghịch mà vẫn thương yêu các em, bảo ban, dìu dắt các em thì lòng người thầy/người cô vẫn yên. Còn ngược lại, nếu thầy học trò ngỗ nghịch rồi nổi sân, bực tức học trò, nói năng, hành xử thiếu kiềm chế, thì chắc chắn không thể nào yên được. Đơn giản vậy thôi! Nếu mình sống chung với người khác mà mình không yên, thì những

người xung quanh mình cũng chẳng được yên. Trong *Bài học Khất sĩ*, Tổ sư Minh Đăng Quang từng dạy:

*“Tâm không vọng sự đều không
Tâm chơn vạn pháp thấy đồng quy chơn
Học đòi theo bậc Thánh nhơn
Phải trừ tâm vọng mới huờn bốn nguyên”.*

Cho nên, khi lòng của mình bình yên, không còn vọng tưởng, thì dù ta có đi đâu, ở đâu cũng tự tin, không lo sợ, bất an gì cả. Qua đó, các vị thầy lời Phật dạy đơn giản mà thâm thúy, an trú từ thân nghiệp đến ý nghiệp đối với các đồng phạm hạnh, cả trước mặt lẫn sau lưng, thân mình ở đâu thì, khẩu và ý mình ở đó. Cụm từ “trước mặt lẫn sau lưng mà Đức Phật dạy ám chỉ rằng, chúng ta tu tập là phải dựa trên tinh thần tự giác, tự ý thức, trước mặt hay sau lưng người khác đều như nhau. Cho nên, khi gặp người tốt mình cũng đối xử tốt, gặp người chưa tốt mình cũng đối xử tốt, gặp người tu mình cũng tu và gặp người chưa tu mình cũng tu. Dù trong hoàn cảnh nào mình cũng an trú thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp đối với tất cả mọi người xung quanh, trước mặt lẫn sau lưng. Các vị đừng nghĩ rằng, mình nói sau lưng thì không ai hay biết. Trong thời đại công nghệ kỹ thuật hiện đại như bây giờ, người ta có đủ muôn vàn phương tiện để nắm bắt thông tin, dù nói sau lưng người khác, nhưng nếu cần thiết, người ta vẫn có thể theo dõi mình, vẫn có thể lấy được thông tin từ mình. Cho nên, những lời nói sai quấy phía sau lưng cũng nguy hiểm không kém khi nói trước mặt. Lời Phật dạy cách đây mấy ngàn năm đến bây giờ vẫn hiệu nghiệm vô cùng.

Nếu chúng ta an trú được thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp trong hiện tại thì không những bản thân mình được an vui trong hiện tại, bình yên trong hiện tại, mà lúc nào mình cũng được bình yên và thậm chí những người xung quanh mình cũng được bình yên theo.

Cùng với đó là “*đối với các giới thì không bị bề vụn, không bị*

sút mẽ, không bị nhiễm ô, không bị uế nhiễm”. Giới ở đây là những giới luật mà chúng ta đã thọ nhận. Với Phật tử tại gia thì đó là Ngũ giới, Bát quan trai giới, Thập thiện giới... với tu sĩ thì đó là Sa di/Sa di ni giới, Tỳ kheo/Tỳ kheo ni giới... Một khi chúng ta đã phát tâm thọ trì các giới pháp của Phật, thì cần phải cố gắng gìn giữ, đừng để vi phạm, dù chỉ là những lỗi nhỏ cũng đừng để phạm phải. Và khi chúng ta đã biết tu tập, giữ gìn các giới pháp một cách nghiêm tịnh, giữ thân, khẩu, ý an tịnh thì chắc chắn được các bậc hiền trí, được mọi người ca ngợi, tán dương.

Tự quán sát mình để được an lạc

Để giúp mọi người có được an lạc hạnh phúc, Đức Phật còn dạy mỗi người hãy tự quán sát mình. Nội dung này đã được đề cập đến trong *Tăng Chi Bộ Kinh*, chương 5 phẩm *An ổn trú*, bài *Tôn giả Ananda*:

Một thời Thế Tôn ở Kosambi, tại vườn Ghosita, tôn giả Ananda đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn, chúng Tỳ kheo Tăng sống an ổn trú?

- Này Ananda, khi nào vị Tỳ kheo tự mình đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới. Cho đến như vậy, này Ananda, chúng Tỳ kheo Tăng sống an ổn trú.

- Bạch Thế Tôn, có pháp môn nào khác, nhờ vậy chúng Tỳ kheo Tăng sống an ổn trú?

- Có thể có, này Ananda. Này Ananda, khi nào các Tỳ kheo đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới, tự

quán sát mình, không quán sát người khác. Cho đến như vậy, này Ananda, chúng Tỳ kheo Tăng sống an ổn trú.

- Bạch Thế Tôn, có pháp môn nào khác, nhờ vậy mà chúng Tỳ kheo Tăng sống an ổn trú?

Có thể có, này Ananda! Thế Tôn nói: Này Ananda, khi nào các Tỳ kheo đầy đủ giới và không làm phiền hà người khác với tăng thượng giới, tự quán sát mình, không quán sát người khác, chưa trở thành có danh tiếng, và không cảm thấy bực phiền vì không được có danh tiếng. Cho đến như vậy, này Ananda, chúng Tỳ kheo Tăng sống an ổn trú”.

Tăng thượng giới, tức là làm cho các giới pháp mà mình đã thọ ngày càng tăng trưởng, thân tâm mình ngày càng vui hơn, thân mình lành mạnh hơn, miệng mình yên tịnh hơn, và tâm ý của mình được thanh thoát hơn. Một vấn đề khác mà Đức Phật đề cập đến trong đoạn kinh trên là “*tự mình đầy đủ giới, và không làm phiền hà người khác*”, có nghĩa là tự mình tu tập và không vì sự tu tập của mình mà gây phiền hà đến người khác.

Đức Phật còn dạy chúng ta phải “*tự quán sát mình, không quán sát người khác*”. Theo tinh thần này thì tu tập là tự quán sát mình, tự soi sáng chính mình, tự nhìn vào tâm ý của mình để rồi tự hoàn thiện chính mình, không để ý đến người khác, không quản việc của người khác. Trong thực tế, chúng ta hay để ý đến những sai quấy, lỗi lầm của người khác, rồi chỉ trích, soi mói, nói xấu, thêu dệt đủ điều, làm cho người không yên mà mình cũng không yên. Những người hay tò mò, tọc mạch chuyện của người khác thì bị xem là người nhiều chuyện và mọi người thường tìm cách tránh xa những người đó. Do vậy, vâng theo lời Phật dạy, chúng ta cố gắng dừng lại thói quen quán sát người khác, thay vào đó là tập thói quen quán sát bản thân, quán sát tâm ý của mình để sửa mình, để tu tập. Được như thế thì chúng ta

dần dần sẽ có được an vui, sẽ được sống an ổn. Chúng tôi xin chia sẻ với quý vị ý pháp từ Kinh *Pháp Cú* được chuyển theo thể thơ lục bát như sau:

*“Lỗi người dễ thấy, dễ buồn,
Lỗi mình khó thấy lại thường dễ quên,
Lỗi người cố bơi mót tìm,
Lỗi mình cố giấu như ghìm bài gian”.*

(Kinh *Pháp Cú*, 252)

Đây là những câu kinh rất ý nghĩa! Mọi người cố gắng ghi nhớ và tự nhắc nhở mình trong cuộc sống, để có thể gạt hái được những thành quả tốt đẹp của sự tu tập. Hơn nữa, trong cuộc sống kể cả người tại gia lẫn xuất gia đều thích được nổi tiếng, thích có danh tiếng. Nếu mình chưa có danh tiếng, chưa được nổi tiếng thì mình hay sinh phiền muộn. Đôi khi, cùng tu học trong một đạo tràng, thấy có người kia được khen tặng, mình thấy mình giỏi hơn người kia, mình làm nhiều hơn người kia mà lại không được ca ngợi, không được tán thưởng thì cảm thấy không vui. Cho nên, Đức Phật đã chỉ rõ tâm này cho chúng ta thấy, dù mình không có danh tiếng, thì cũng không cảm thấy buồn phiền vì điều đó. Khi mọi người tu tập dần dần như thế thì sự an lạc, giải thoát sẽ đến với chúng ta một cách tự nhiên, ngay trong đời sống hiện tại, chứ không đợi đến tương lai xa xôi nào cả.

Kết luận

Từ những nội dung mà chúng tôi đã chia sẻ về chủ đề “*Cõi lòng bình yên*”, chúng ta thấy rằng là con người thì ai cũng muốn được bình yên, hay nói cách khác là muốn có được sự an lạc của cả thân và tâm. Tuy nhiên, nhiều khi chúng ta chưa biết cách để tạo dựng và phát triển sự an lạc thân tâm cho mình. Thậm chí là chúng ta còn gây ra nhiều khổ lụy, phiền ưu cho mình và cho người. Từ những lời kinh mà chúng tôi đã trích dẫn, đã phân tích ở trên, hy vọng là quý vị có thể hiểu rõ và vận dụng vào cuộc sống thường nhật để có thể nắm

được pháp vị an lạc, hạnh phúc trong đường tu. Để khép lại chủ đề này, chúng tôi xin tặng quý vị những vần thơ sau:

*Kiếp người một thoáng trăm năm,
Giữ lòng yên tịnh, trắng rằm thanh lương,
Một mai đối diện vô thường
Tâm chơn tĩnh lặng ngát hương sen vàng,
Thời thời thân chấn tâm an,
Đời đời phúc lạc vô vàn thắng duyên,
Phật tử tinh tấn ngày đêm,
Pháp thân bảo sở Thánh hiền kề bên,
Tháng năm tĩnh mặc tâm thiền
Giữ lòng thanh thoát hạo nhiên an bình.*

Thân chúc toàn thể quý vị luôn được bình an, hạnh phúc trong cuộc sống và gặp nhiều duyên lành trong đường tu học. ■





Tháng Mười hai

Chiêu Đề

*Cuối năm rồi hành trình qua một chặng
Thành quả ra sao ngọt mẫn cuộc đời
Cái lạnh về tê tái đến phận người
Ngụm trà nóng mời ngồi quanh bếp lửa.
Nuối tiếc gì chẳng, gió lùa song cửa
Lỗi lầm xưa có sửa chữa được không
Hiếu nguyên do từ nhiều kiếp gánh gồng
Đừng gieo nữa cho cõi lòng thanh thản.
Chướng nạn nhiều đến từ tâm kiêu mạn
Tạo ghét ganh mất bạn ở trần đời
Yêu thương đâu đặt nặng chuyện vốn lời
Nghĩa cử đẹp sẽ sáng ngời nhân cách.
Quán xét mình sống sao cho trong sạch
Đừng quanh co kiểu vạch lá tìm sâu
Dấu hiệu rằng bươn chải phải cơ cầu*

Lấy giá trị thấm sâu làm mục thước.
Tu học như chèo thuyền đi ngược nước
Hể lối tay trở lại bước ban đầu
Dòng sông thì chỗ nước cạn nước sâu
Bờ bến giác cũng muôn màu muôn vẻ.
Hãy gắng tu khi ta còn sức trẻ
Đến lão rồi nào khỏe để bơi xa
Ngược thời gian đâu thể ngược tuổi già
Kinh nghiệm có nhưng qua sông nào dễ.
Nương giáo pháp bè Từ chèo qua bể
Vô Lượng Thọ Phật để tiếp dẫn sang
Hay Mật tông thần lực chú phóng quang
Nếu tự lực chưa mang qua sinh tử.
Đạo nhập thế lấy tình làm thuốc thử
Chọn dẫn thân thay ngôn ngữ Phật đà
Quên chính mình để lập hạnh vị tha
Buông bản ngã bước ra nhà tam giới.
Tổng kết lại một năm nhiều rắc rối
Chướng duyên kia cản lối kẻ tu hành
Thuận duyên thì trút bỏ mọi đua tranh
Nhân duyên đến quả lành cho đạo nghiệp



THÔNG TIN TỪ QUANG TẬP 51

LỄ TƯỞNG NIỆM HÒA THƯỢNG THÍCH HIỂN TU



Sáng 30/9/2024 (nhằm ngày 28/8 Giáp Ngọ), Ban Quản trị và Ban Trụ trì Chùa Phật học Xá Lợi đã tổ chức lễ tưởng niệm Trưởng lão Hòa thượng Viện chủ Thích Hiện Tu.

Ban Quản trị và Ban Trụ trì Chùa Phật học Xá Lợi thống nhất hằng năm chọn ngày sinh 28/8 âm của Trưởng lão Hòa thượng Viện chủ Thích Hiện Tu làm ngày tưởng niệm. Đây là buổi lễ tưởng niệm đầu tiên như ngày Lễ Tiểu tường của Hòa thượng.

Tham dự buổi lễ ngoài chư tôn đức ở nội tự, còn có HT. Thích Minh Hiền, Cố vấn BTS GHPGVN Q.3 đồng thời là Trưởng ban thừa kế tổ đình Bửu Sơn, nơi HT Thích Hiện Tu là Viện chủ; TT. Thích Thiện Bửu, Trưởng BTS GHPGVN Q.3; TT. Thích Kiến Hạnh và ĐĐ. Thích Thiện Châu, Phó BTS GHPGVN Q.3.

TT. Thích An Tín, trụ trì chùa Phước Quang, Củ Chi, làm chủ lễ.

Tham dự còn có các cư sĩ Ban Phật học, Phật tử các đạo tràng của Chùa Phật học Xá Lợi. Chư tôn đức và Phật tử đã có thời kinh trợ tiền cầu nguyện cho Giác linh Hòa thượng.

Toàn thể chư tôn đức và Phật tử đã dâng hương tưởng niệm và đánh lễ cố HT Thích Hiện Tu, cầu nguyện Hòa thượng cao đăng Phật quốc.

Trước buổi lễ, Ban Tổ chức có trình chiếu video clip về cuộc đời Trưởng lão Hòa thượng Viện chủ Thích Hiện Tu.



Tụng thời kinh cầu nguyện



Từ trái qua: HT. Thích Đồng Bổn, Trụ trì Chùa PH Xá Lợi; HT. Thích Minh Hiền, Cố vấn BTS GHPGVN Q3; TT. Thích Phước Triều, Phó trụ trì Chùa PH Xá Lợi dâng hương tưởng niệm



Chư tôn đức và Phật tử tưởng niệm



Cư sĩ Ban Phật học tưởng niệm

LỄ VÍA QUAN THẾ ÂM XUẤT GIA



Nhân kỷ niệm ngày vía Đức Quan Thế Âm xuất gia, lúc 6g30 sáng ngày 21/10/2024 (19/9 năm Giáp Thìn), đông đảo Phật tử các đạo tràng đã vân tập về Chùa Phật học Xá Lợi để tham dự lễ vía. Thượng tọa Thích Phước Triều, Phó trụ trì Chùa Phật học Xá Lợi làm chủ lễ.

Chư Tăng và Phật tử đối trước hai tôn tượng Đức Quán Thế Âm thành kính lễ bái, trì tụng chú Đại Bi và niệm danh hiệu của Ngài trong không khí trang nghiêm, thanh tịnh và thiêng liêng.

Bồ tát Quán Thế Âm, còn được gọi là Bồ tát Quán Tự Tại, chỉ xuất hiện và xuất hiện khá nhiều trong các kinh điển Bắc tông, như *Hoa Nghiêm*, *Lăng Nghiêm*, *Pháp Hoa*, *Bát Nhã Tâm Kinh*, *Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương*, *Đại Từ Đà La Ni*, *Chuẩn Đề Đà La Ni*... và rất nhiều các ký, sớ, giải, luận về Bồ tát.

Bồ Tát Quán Thế Âm là hiện thân của Từ Bi, Ngài phát 12 đại nguyện thực hiện từ bi cứu khổ cứu nạn cho tất cả chúng sinh trong 6 nẻo luân hồi. Ngài được miêu tả trong nhiều nền văn hóa khác nhau, cả thân nam lẫn nữ giới, Quán Thế Âm là một trong những vị Bồ tát được tôn kính thờ phụng rộng rãi nhất.

Quan Âm ứng hóa vô phương, nghìn mắt nghìn tay, biến hóa khôn lường, dùng kinh *Đại Bi* trừ kiếp nạn, đoạn kiếp khổ. Ở bất cứ nơi đâu, ngài cũng có thể nghe hiểu thấu nỗi khổ chúng sinh, sẵn sàng dang tay nâng đỡ, che chở.

“*Pháp Hoa Kinh*” có viết: “Chúng sinh khổ não, một lòng gọi tên Bồ tát, đến giải thoát ngay, lấy hiệu Quán Thế Âm”. Ngài là một trong Tây phương Tam Thánh, cùng với Đại Thế Chí Bồ tát là hiệp thị (hầu sát cạnh) của Giáo chủ Tây phương Cực lạc Thế giới A Di Đà Phật.



Chư Tăng và Phật tử đối trước tôn tượng Đức Quán Thế Âm bên trong khuôn viên chùa, thành kính lễ bái, trì tụng chú Đại Bi và niệm danh hiệu của Ngài.



Chư Tăng và Phật tử đối trước tôn tượng Đức Quán Thế Âm phía ngoài, thành kính lễ bái, tri tụng chú Đại Bi và niệm danh hiệu của Ngài.

KHAI ĐÀN DƯỢC SƯ THẮT KHU THÁNG 9 NĂM GIÁP THÌN

Sáng 29/10/2024 (27/9 năm Giáp Thìn), Chùa Phật học Xá Lợi đã tổ chức khai Đàn Dược Sư Thất Khu. Lễ khai đàn Dược Sư tại Chùa Phật học Xá Lợi thực hiện theo nghi lễ truyền thống, chủ sám niệm hương bạch Phật, lễ sám tịnh và khai kinh *Dược Sư* mở đầu Pháp hội Dược Sư trong 3 ngày. Sám chủ khai đàn là Hòa thượng Thích Đồng Bản, Trụ trì Chùa Phật học Xá Lợi.

Đức Phật Dược Sư là đấng giác ngộ có lòng bi mẫn vô biên đối với hết thảy chúng sinh. Ngài hộ trì chúng sinh tránh khỏi những đôn đau về tâm hồn và thể xác, khỏi những hiểm nguy và chướng ngại, và giúp họ trừ diệt ba độc tố - tham trước, sân hận và si mê – cội nguồn của mọi bệnh tật và nguy hại. Ngài là đấng Y vương Toàn giác.

Theo các Kinh điển Phật giáo, thì Đức Dược Sư Như Lai có 7 tôn tướng. Có thuyết cho là mỗi vị có mỗi đại nguyện và ứng thân riêng từng vị. Có thuyết cho là các Ngài từ nhất thể là Đức Dược Sư Như Lai mà phân thân ứng hiện (ứng thân), danh hiệu của các Ngài là:

1. Đức Thiện Danh Xung Kiết Tường Như Lai, ở quốc độ tên là Quang Thắng, cách thế giới Ta-bà 4 hằng hà sa Phật độ;

2. Đức Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tự Tại Vương Như Lai, ở quốc độ tên là Diệu Bảo, cách thế giới Ta-bà 5 hằng hà sa Phật độ;

3. Đức Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Như Lai, ở quốc độ tên là Viên Mãn Hương Tích, cách thế giới Ta-bà 6 hằng hà sa Phật độ;

4. Đức Vô Ưu Tối Thắng Kiết Tường Như Lai, ở quốc độ tên là Vô Ưu, cách thế giới Ta-bà 7 hằng hà sa Phật độ;

5. Đức Pháp Hải Lô Âm Như Lai, ở quốc độ tên là Pháp Tràng, cách thế giới Ta-bà 8 hằng hà sa Phật độ;

6. Đức Pháp Hải Thắng Huệ Du Hý Thần Thông Như Lai, ở quốc độ tên là Thiện Trụ Bảo Hải, cách thế giới Ta-bà 9 hằng hà sa Phật độ;

7. Đức Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Như Lai, ở quốc độ Tịnh Lưu Ly, cách thế giới Ta-bà 10 hằng hà sa Phật độ.

Dược Sư là thầy thuốc; Dược Sư cũng có thể hiểu là một phương thuốc.

Lưu Ly Quang là ánh sáng trong suốt như ngọc lưu ly, tượng trưng cho ba nghiệp thân, khẩu, ý, hoàn toàn thanh tịnh.

Danh hiệu của bảy Đức Phật chính là bảy phương thuốc để trị liệu thân bệnh, tâm bệnh, nghiệp bệnh của chúng sanh bằng sự thanh tịnh. Nói theo tinh thần Phật học, thì hồng danh đức hiệu của mỗi Đức Phật là một phương thuốc; là một pháp hành mà người học Phật phải ứng dụng trong sinh hoạt hàng ngày để chuyển hóa khổ đau đem lại an vui hạnh phúc.

Về công phu trì niệm hồng danh Đức Phật Dược Sư, mặc dù Ngài có nhiều danh hiệu nhưng trì niệm hồng danh thường là Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Phật hay Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật.

Đàn Dược sư kéo dài đến ngày 31/10/2024 (29/9 năm Giáp Thìn).



Chư Tăng và Phật tử niệm hương bạch Phật







*Hòa thượng Thích Đồng Bổn, Trụ trì Chùa Phật học Xá Lợi
thực hiện nghi thức khai đàn*



Hòa thượng Thích Đồng Bổn, Trụ trì Chùa Phật học Xá Lợi thực hiện nghi thức sái tịnh



Chư Tăng và Phật tử tụng kinh Dược Sư

NÓI CHUYỆN CHUYÊN ĐỀ: “ĐẠO ÔNG BÀ LÀ NỀN TẢNG VĂN HÓA VIỆT NAM”



Sáng 02/11/2024 (2/10 Giáp Thìn), tại Chùa Phật học Xá Lợi, Nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn đã có buổi nói chuyện về đề tài “Đạo Ông Bà là nền tảng văn hóa Việt Nam”.

Theo ông Trần Đình Sơn, đạo Ông Bà hay tín ngưỡng thờ cúng ông bà tổ tiên có mặt trong văn hóa của dân tộc Việt Nam từ xa xưa, trước khi các tôn giáo, hệ tư tưởng như Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo truyền vào. Nho giáo không giải quyết được vấn đề đời sau, chỉ chú trọng hiện tại mà thôi; con người sống và phục vụ đời sống hiện tại, tập trung xây dựng một xã hội dựa trên cương thường, tránh bàn đến chuyện thần linh, ma quỷ. Lão giáo lại chủ trương siêu thoát thân tiên, tạm coi là đã tiết chế dục vọng, hướng tới một đời sống lành mạnh, gần với tự nhiên.

Tuy nhiên, khi các tôn giáo này du nhập vào Việt Nam, hầu như đều phải tôn trọng, không có sự phản bác nào với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt.

Thế kỷ XVII, khi đạo Thiên Chúa truyền vào Việt Nam, tôn giáo này không chấp nhận việc thờ cúng tổ tiên, chỉ đặt niềm tin và thờ phụng Thiên Chúa. Trong sách *Phép giảng tám ngày* của Linh mục Alexandre de Rhodes, có một điều được nhắc đến đó là người theo đạo Thiên Chúa phải tuyệt đối gạt bỏ các tôn giáo, tín ngưỡng khác. Bởi lý do đó, những chính quyền quân chủ trước đây cấm đoán nghiêm ngặt đạo Thiên Chúa vì cho rằng tôn giáo này khiến cho quần chúng Việt Nam đánh mất đi cái gốc văn hóa.

Nói như vậy để thấy rõ, đối với người Việt, sự thờ cúng tổ tiên rất quan trọng, vượt ngoài phạm vi tín ngưỡng, tôn giáo đơn thuần. Tam giáo Nho - Phật - Lão đều phải chấp nhận điều đó. Ngay tới sau này, Giáo hội Công giáo La Mã cũng nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề và có những cải cách cho phép tín hữu Công giáo Việt Nam được thờ cúng tổ tiên, phá bỏ bức tường ngăn cách người Việt với đạo Thiên Chúa.

Người Việt coi trọng việc phụng thờ ông bà cha mẹ nhiều đời sau khi thác cũng ngang với phụng dưỡng cha mẹ ông bà còn sống. Họ luôn bị chi phối bởi niềm tin rằng “sống ở, thác về”: Cõi âm của người chết là một thế giới chuyển tiếp từ cõi sống sang. Ông bà cha mẹ lia đời thì trở về với tổ tiên họ tộc ở cõi âm, và dù có chết đi, vẫn quanh quẩn cùng con cháu. Từ đó mà có giỗ chạp, như một dịp để con cháu tưởng nhớ, làm những món ăn ngày xưa ông bà cha mẹ thích để dâng cúng. Ngày Tết, người ta tin ông bà cũng từ cõi âm về ăn Tết cùng con cháu, sáng pha trà tối dâng cơm như khi ông bà cha mẹ còn ở đời.

Phật giáo là một tôn giáo đã kết hợp với văn hóa Việt Nam qua quá trình lâu dài, biến chuyển và tạo nên những hình thái rất tốt đẹp, một trong số đó là cách thể hiện hiếu đạo. Đức Phật từng dạy rằng “Gặp thời không có Phật, khéo thờ cha mẹ tức là thờ Phật”.

Dưới đời Lý-Trần, khi Phật giáo thịnh hành, lệ hỏa táng rất thông dụng. Từ đời Lê trở về sau, khi Nho giáo chiếm vị trí chủ đạo, người Việt không còn chấp nhận chuyện thiêu đốt thân xác sau khi qua đời nữa. Việc xây lăng mộ kiên cố, to lớn cũng xuất phát từ đây. Nương theo thời thế, Phật giáo dần coi nghi lễ là một phương tiện báo hiếu, lòng ghép sự cầu nguyện vào bên trong và tùy theo khả năng mà người đời dốc tận lực để thực hiện những nghi lễ đó nhằm báo hiếu tổ tiên, phụ mẫu.

Cũng bởi không ai muốn niềm tin đó đứt đoạn, nên việc thờ cúng tổ tiên, giữ gìn mồ mả với văn hóa Việt Nam rất được coi trọng. Người Việt có thể cả đời không đi chùa, thờ Phật, nhưng khi cha mẹ qua đời, họ vẫn thỉnh nhà sư đến tụng kinh, cầu siêu độ, đó chính là cầu nối đem đạo Phật vào đời. Vấn vương suy nghĩ muốn báo hiếu, rất nhiều người chọn việc gửi di cốt ông bà cha mẹ vào chùa vì tin rằng ở đó, ông bà cha mẹ sẽ tiếp tục được gần gũi Phật pháp, nghe kinh kệ. ■

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

Phật học
TỪ QUANG
Tập 51

Tỳ kheo Thích Đồng Bốn chủ biên

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Sửa bản in: Minh Như
Trình bày & bìa: Khánh Chi

In 2.000 cuốn, khổ 16x24cm tại Công ty CP In Khuyến Học Phía Nam. Địa chỉ: Lô B5-8, đường D4, KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, TP.HCM. Số XNĐKXB: 4726/2024/CXBIPH/3-206/HĐ. Số QĐXB của NXB: 575/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 3/12/2024. In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2024. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-351-354-7